

**THÔNG TIN**  
**LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**  
**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ**  
**SỐ: 54/2025**

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**  
**TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ**

**Ban biên tập:**  
**TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ**  
**TS. NGUYỄN QUANG NGỌC**  
**THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG**  
**THS. NGUYỄN XUÂN BÉ**  
**THS. TRẦN THỊ QUỲNH ANH**  
**THS. NGUYỄN THẮNG MỸ**  
**THS. NGUYỄN TRỌNG VINH**  
**THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH**

**Thư ký:**  
**THS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH**

**Trình bày:**  
**THS. LÊ ĐÌNH HÙNG**

**Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ**  
**TRẦN PHÚ HÀ TĨNH**  
**Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,**  
**Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh**  
**Điện thoại: 02393 885073**  
**Fax: 02393 885073**

Email: phongkhoa.hoc.tcttp@gmail.com

Website: http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Sơ tư

Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 150 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm  
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153,  
đường Hà Huy Tập, P. Thành Sen,  
tỉnh Hà Tĩnh. Giấy phép xuất bản  
số: 224/GP-SVHTTDL do Sở Văn  
hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày  
06/8/2025. In xong và nộp lưu chiểu  
tháng 8/2025

## MỤC LỤC

|  |   |     |
|--|---|-----|
| <b>TS. Nguyễn Trọng Tử</b><br><b>Ths. Nguyễn Trọng Minh Quân</b> | Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với tỉnh Bôlykhâmxay, Khăm Muôn (CHDCND Lào) trong giai đoạn hiện nay | 2   |
| <b>NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI</b>                                      |   |     |
| <b>TS. Nguyễn Quang Ngọc</b>                                     | Đồng chí Trần Phú với công tác xây dựng Đảng  | 10  |
| <b>Ths. Dương Thị Vân Linh</b>                                   | 95 năm lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam   | 15  |
| <b>TS. Nguyễn Duy Long</b>                                       | Cơ chế thực thi quyền lực chính trị và những biến đổi trong tổ chức, thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam hiện nay   | 19  |
| <b>Ths. Nguyễn Thị Phương Thúy</b>                               | Giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin trong mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay   | 24  |
| <b>Ths. Nguyễn Thị Lam</b>                                       | Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng chính đốn Đảng hiện nay  | 30  |
| <b>Ths. Chu Thị Thu Huyền</b>                                    | Kiểm soát quyền lực góp phần minh bạch hoá công tác cán bộ của Đảng   | 35  |
| <b>Ths. Lê Đình Hùng</b>   | Thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới   | 39  |
| <b>Ths. Thái Thị Hiền</b>  | Phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, công chức, viên chức - yếu tố tiên quyết trị tận gốc tham nhũng, tiêu cực                                 | 42  |
| <b>Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh</b>                                 | Xây dựng con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới   | 48  |
| <b>Ths. Phan Chí Quyết</b>                                       | Sách lược "vừa đánh, vừa đàm" trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và những bài học cho quá trình hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay   | 53  |
| <b>Ths. Võ Thanh Cường</b>                                       | Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội trong giai đoạn hiện nay  | 60  |
| <b>BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG</b>                         |   |     |
| <b>Ths. Trần Thị Quỳnh Nga</b>                                   | Đấu tranh phòng, chống cơ hội chính trị trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo quan điểm Hồ Chí Minh  | 65  |
| <b>Ths. Nguyễn Quỳnh Nga</b>                                     | Đấu tranh, phản bác luận điệu xuyên tạc về chủ trương tinh gọn bộ máy trong hệ thống chính trị của Đảng và Nhà nước   | 71  |
| <b>Ths. Phan Thị Ái Vân</b>                                      | Đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng  | 74  |
| <b>THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM</b>                                    |   |     |
| <b>Ths. Trần Ánh Dương</b>                                       | Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú tỉnh Hà Tĩnh trong bối cảnh mới  | 79  |
| <b>Ths. Nguyễn Thắng Mỹ</b>                                      | Nghiên cứu, vận dụng Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới vào giảng dạy học phần Xây dựng Đảng                                      | 82  |
| <b>Ths. Nguyễn Trọng Vinh</b>                                    | Vận dụng giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 trong xây dựng văn hóa công vụ ở Hà Tĩnh giai đoạn hiện nay  | 86  |
| <b>Ths. Phan Bá Linh</b>   | Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng bộ cấp xã đối với mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở Hà Tĩnh hiện nay  | 91  |
| <b>Ths. Trần Thị Bích Thủy</b>                                   | Phát huy vai trò nêu gương của giảng viên trường chính trị trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh  | 96  |
| <b>Ths. Lê Thị Thùy Dung</b>                                     | Phát triển nhân lực chuyển đổi số gắn với thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030     | 100 |

# ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TĨNH TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ HỮU NGHỊ TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT ĐẶC BIỆT VÀ HỢP TÁC TOÀN DIỆN VỚI TỈNH BÔLYKHĂMXAY, KHĂM MUỘN (CHDCND LÀO) TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✧ TS. NGUYỄN TRỌNG TỨ  
*TUV, Hiệu trưởng*

✧ Ths. NGUYỄN TRỌNG MINH QUÂN  
*Phòng QLĐT&NCKH*

*Tóm tắt: Tỉnh Hà Tĩnh có 164.488 km đường biên giới chung với hai tỉnh Bôlykhămxay và Khăm Muộn của nước CHDCND Lào. Thời gian qua, tỉnh Hà Tĩnh đã không ngừng vun đắp, làm dày thêm mối quan hệ, tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn, đưa mối quan hệ với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn ngày càng đi vào chiều sâu. Đây là tài sản vô giá, sức mạnh to lớn của 3 tỉnh, của hai dân tộc và là yếu tố góp phần quan trọng trong việc tạo dựng môi trường hoà bình, hợp tác, hữu nghị ở hai nước cũng như khu vực Đông Nam Á.*

## **1. Mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa tỉnh Hà Tĩnh và Bôlykhăm xay, Khăm Muộn từ lịch sử đến hiện tại**

Hà Tĩnh (Việt Nam) và Bôlykhămxay, Khăm Muộn (Lào) là ba tỉnh gần gũi nhau về địa lý và có những điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa truyền thống, điều kiện kinh tế - xã hội. Trên cơ sở mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước, mối quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện giữa Hà Tĩnh và Bôlykhămxay, Khăm Muộn ngày càng được củng cố và không ngừng phát triển. Tình cảm đó được thể hiện sinh động trong lịch sử gần một thế kỷ đấu tranh trường kỳ chống giặc ngoại xâm và dựng xây đất nước của nhân dân hai nước nói chung và nhân dân ba tỉnh nói riêng, như khẳng định của cố Tổng Bí thư Đảng NDCM Lào Cay-xôn Phôm-vi-hản:

“Suốt trong quá trình lịch sử, hai đảng anh em chúng ta luôn kề vai sát cánh với nhau. Sự giúp đỡ của Việt Nam hết sức tận tình và vô tư. Các đồng chí đã giúp chúng tôi kinh nghiệm, vật chất và cả xương máu. Máu của Việt Nam đã nhuộm đỏ khắp nơi trên đất nước Lào, vì nền độc lập tự do của Lào”<sup>(1)</sup>.

Dưới ánh sáng đường lối đối ngoại của Đảng, thấm nhuần tư tưởng “giúp nhân dân nước bạn tức là tự giúp mình”<sup>(2)</sup> của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ Hà Tĩnh luôn xác định việc tiếp tục tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn là nguyên tắc và là yêu cầu, nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược; coi đây là nghĩa vụ quốc tế cao cả, đồng thời thể hiện tình cảm cách mạng thủy chung, trong sáng mà Đảng và nhân dân ba tỉnh dành cho nhau<sup>(3)</sup>.

Ngay sau khi tái lập tỉnh (tháng 8/1991), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và các nghị quyết chuyên đề của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã khẳng định quyết tâm tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác lâu dài, toàn diện và có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, giao lưu hữu nghị nhân dân... với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn. Những chủ trương đó vừa thể hiện sự kế thừa, tiếp nối những thành quả đã đạt được của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ Tĩnh trước đây, vừa thể hiện quan điểm, quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục vun đắp mối quan hệ hữu nghị bền chặt thủy chung với Đảng bộ và nhân dân các bộ tộc Lào anh em, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới. Ngoài đẩy mạnh công tác tuyên truyền, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung hợp tác với các tỉnh bạn Lào trên các lĩnh vực..

Trong giai đoạn 1991 - 2000, quan hệ giữa Hà Tĩnh, Bôlykhămxay, Khăm Muộn có nhiều chuyển biến, từ quan hệ chủ yếu về chính trị, an ninh quốc phòng trong thập niên 70, từng bước chuyển sang quan hệ hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Trong đó, hợp tác kinh tế, chính trị ngày càng có vị trí quan trọng. Cùng với hợp tác kinh tế làm trọng tâm, các lĩnh vực hợp tác khác cũng không ngừng phát triển và đạt được nhiều kết quả.

Về phương thức lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn này đã có nhiều đổi mới, theo hướng quán triệt nhận thức về phương thức lãnh đạo của Đảng được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cụ thể là: Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác

tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và đoàn thể.

Bước sang giai đoạn 2001 - 2010, quan hệ hữu nghị hợp tác giữa ba tỉnh có những chuyển biến lớn, cả chiều rộng và chiều sâu so với giai đoạn trước đây. Trong giai đoạn này, bên cạnh hợp tác trong lĩnh vực chính trị, an ninh quốc phòng được xác định là cơ sở và nền tảng, nhiệm vụ hợp tác trên lĩnh vực kinh tế, thương mại thực sự được xem là lĩnh vực trọng tâm, tạo động lực cho quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khác phát triển lên một bước mới. Trong quan hệ hợp tác giữa tỉnh Hà Tĩnh với các tỉnh bạn Lào đã chuyển từ bao cấp, viện trợ một chiều, sang hợp tác bình đẳng cùng có lợi, đa dạng hơn, chú trọng khai thác tiềm năng lợi thế của nhau nhiều hơn. Một số chương trình, dự án có nguồn vốn lớn, thu hút đông lực lượng lao động được triển khai thực hiện mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, hợp tác về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ được quan tâm đúng mức và thu được những kết quả đáng phấn khởi; các hoạt động xã hội, giao lưu hữu nghị nhân dân đã được tăng cường với nội dung và hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực vun đắp tình đoàn kết và hữu nghị đặc biệt giữa Đảng bộ và nhân dân ba tỉnh.

Về phương thức lãnh đạo, so với giai đoạn trước đây, việc nắm bắt thông tin, nghiên cứu tình hình thực tiễn, nhất là điều kiện các nguồn lực đảm bảo thực thi các chủ trương hợp tác của các bên được quan tâm hơn. Chú trọng đúng mức việc lãnh đạo chính quyền thể chế hoá các quan điểm, phương hướng về tăng cường quan hệ hữu nghị với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn của Đảng bộ, thành các chương trình, kế hoạch, dự án cụ thể, đồng thời, chú trọng phát huy sức mạnh của bộ máy chính quyền

vào việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án đã được xây dựng và thông qua. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác cán bộ được chú trọng đúng mức hơn. Công tác tham mưu của các ban, ngành, các cơ quan chuyên trách giúp cấp ủy chính quyền nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo điều hành có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện bước đầu đã được coi trọng; đã chú ý phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội trong việc triển khai các hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn...

Trong những năm từ 2011 đến nay, quan hệ hữu nghị hợp tác giữa Hà Tĩnh và Bôlykhămxay, Khăm Muộn tiếp tục thu được những kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực và ngày càng đi vào chiều sâu; nội dung, phương thức hợp tác có những chuyển biến mạnh mẽ so với những thập niên trước đây: Từ quan hệ hợp tác chủ yếu về chính trị, an ninh quốc phòng, chuyển sang quan hệ hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Bên cạnh hợp tác trong lĩnh vực chính trị, an ninh quốc phòng được xác định là nền tảng, nhiệm vụ hợp tác trên lĩnh vực kinh tế, thương mại thực sự được xem là lĩnh vực trọng tâm, tạo động lực cho quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khác phát triển lên một bước mới. Đặc biệt, trong giai đoạn này, một số chương trình dự án có vốn đầu tư lớn, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông, khoa học công nghệ được chuẩn bị khá công phu và triển khai thực hiện bước đầu mang lại hiệu quả cao, tạo bước chuyển biến đáng kể nhằm thực hiện quan điểm lấy kinh tế làm trọng tâm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tăng cường hợp tác giữa ba tỉnh. Bên cạnh đó, hợp tác về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ được quan tâm đúng mức và thu được

những kết quả đáng phấn khởi; các hoạt động xã hội, giao lưu hữu nghị nhân dân đã được tăng cường với nội dung và hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực vun đắp tình đoàn kết và hữu nghị đặc biệt giữa Đảng bộ và nhân dân ba tỉnh<sup>(4)</sup>. Từ quan hệ mang tính chất tương trợ, một chiều, từng bước chuyển sang quan hệ đối tác kinh tế hai chiều, liên kết sản xuất, kinh doanh bình đẳng, cùng có lợi, vận hành theo cơ chế thị trường, phù hợp với cơ chế mở cửa, xu thế hội nhập và đường lối, chính sách đối ngoại của hai Đảng, hai Nhà nước. Tuy nhiên, vượt lên trên những nguyên tắc pháp lý, hai bên luôn giành cho nhau những ưu tiên, ưu đãi hợp lý, sự giúp đỡ chân thành, vô tư, đầy nghĩa tình anh em, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân ba tỉnh.

Về phương thức lãnh đạo, trong những năm gần đây, công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác cán bộ thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của tỉnh được quan tâm. Các tổ công tác, tổ giúp việc tại tỉnh và các ngành các địa phương liên quan được thành lập, kiện toàn và đi vào hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo chuyển biến mạnh trong công tác tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung hợp tác. Công tác tham mưu của các ban, ngành, các cơ quan chuyên trách giúp cấp ủy chính quyền nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo điều hành có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tham mưu, phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền địa phương với các bộ, ban, ngành Trung ương được quán triệt và thực hiện khá kịp thời, đồng bộ, mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện bước đầu đã được coi trọng; đã chú ý phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội trong việc triển khai các hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn... Những đổi mới về phương thức lãnh đạo nói trên của Đảng bộ đã từng

bước khắc phục những hạn chế, khuyết điểm về phương thức lãnh đạo ở giai đoạn trước; đồng thời, phù hợp với quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới. Nhờ vậy, đã góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trên các lĩnh vực qua từng thời kỳ, trong đó có nhiệm vụ tăng cường mối quan hệ hữu nghị hợp tác với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn.

Tuy nhiên, nhìn lại quan hệ hợp tác giữa ba tỉnh trong những thập niên qua chúng ta nhận thấy kết quả hợp tác trên các lĩnh vực, nhất là hợp tác kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và mong muốn của Đảng bộ và nhân dân ba tỉnh<sup>(5)</sup>. Trong quá trình thực hiện các nội dung, chương trình hợp tác còn bộc lộ những hạn chế, bất cập:

Việc đảm bảo các nguồn lực, nhất là nguồn vốn để thực hiện các chương trình, dự án trên các lĩnh vực, nhất là kinh tế, thương mại, dịch vụ là yêu cầu cấp bách nhằm thực hiện thắng lợi các thỏa thuận hợp tác trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, Quy mô kinh tế tỉnh Hà Tĩnh chưa cao, điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nên việc cân đối ngân sách, bố trí kinh phí thực hiện các nội dung hợp tác, nhất là những chương trình, dự án đòi hỏi nguồn vốn lớn đang là một thách thức trong quá trình thực thi các thỏa thuận hợp tác<sup>(6)</sup>. Công tác quảng bá, giới thiệu tiềm năng cơ hội đầu tư nhằm thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư ba tỉnh đầu tư vốn, liên kết sản xuất kinh doanh chưa được quan tâm đúng mức. Nguồn lực trong nhân dân chưa được huy động, phát huy có hiệu quả nhằm tăng cường, mở rộng hợp tác kinh tế thương mại, khai thác tiềm năng về đất đai, tài nguyên, lao động, thị trường... mỗi bên. Việc tìm hiểu, điều tra nắm chắc tình hình, nhất là khả năng, yêu cầu về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn vốn, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội khác... nhằm đảm bảo tính khả thi của các nội dung, chương trình hợp tác chưa được quan tâm

đúng mức trước khi ký kết các thỏa thuận hợp tác. Do đó, trong quá trình tổ chức thực hiện gặp không ít khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác, thậm chí có những nội dung thiếu tính khả thi, không đảm bảo điều kiện để tổ chức thực hiện<sup>(7)</sup>. Bên cạnh đó, việc phân tích, dự báo tình hình còn bộc lộ hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực thi các nội dung hợp tác trong từng thời kỳ. Chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện các chương trình dự án, nhất là đội ngũ cán bộ, chuyên gia lành nghề trên các lĩnh vực của ba tỉnh, đặc biệt là phía tỉnh bạn còn yếu và thiếu, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai thực hiện, cũng như quá trình tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật một số chương trình, dự án. Trong quan hệ thương mại, một số vấn đề cần giải quyết như: quá trình xúc tiến thương mại, đầu tư xây dựng các trung tâm buôn bán, trưng bày giới thiệu hàng hóa, quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư... ở hai tỉnh chưa được quan tâm đúng mức. Kiểm soát hải quan liên quan đến đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán ma túy còn bộc lộ nhiều bất cập. Đặc biệt, tình trạng buôn lậu qua các cửa khẩu và các đường tiêu ngạch diễn ra khá phức tạp, thủ đoạn của các đối tượng tham gia ngày càng tinh vi; điều kiện địa hình khu vực biên giới lại hiểm trở, thuận lợi cho việc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới... đang là thách thức lớn đối với các cơ quan chức năng của cả ba tỉnh. Một số chương trình đầu tư, mô hình trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, khoa học công nghệ chậm được nhân diện rộng nên hiệu quả phát triển bền vững không đạt mục tiêu và mong muốn của cả hai bên. Đặc biệt, mục tiêu nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, chuyên gia cũng như các tập thể cá nhân, kể cả nông dân tỉnh bạn khi được thụ hưởng những chính sách đầu tư, viện trợ ưu đãi... đã và đang là vấn đề nan giải, cần kịp thời tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm, làm cơ sở để tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp tác, để

ra các giải pháp cụ thể, hữu hiệu để nâng cao chất lượng hiệu quả hợp tác trong thời gian tới. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hợp tác có nơi, có lúc việc quán triệt, thực thi các nội dung đã ký kết chưa kịp thời, đồng bộ; phân công phân nhiệm thiếu cụ thể... làm giảm hiệu quả hợp tác trên các lĩnh vực. Trình độ, năng lực, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng còn nhiều bất cập. Đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu trong lĩnh vực đối ngoại của các ngành, các địa phương phần lớn chưa được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ, thiếu kinh nghiệm, trình độ ngoại ngữ còn nhiều bất cập; lúng túng trong nắm bắt, xử lý các tình huống cụ thể phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao<sup>(8)</sup>. Công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về truyền thống đoàn kết, tình hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước, giữa các địa phương; về tiềm năng cơ hội hợp tác đầu tư; về yêu cầu, nhiệm vụ tiếp tục tăng cường tình đoàn kết, hợp tác giữa Đảng bộ, nhân dân ba tỉnh trong thời kỳ mới... còn nhiều bất cập. Hợp tác trong lĩnh vực văn hóa thiếu chiều sâu; cơ hội và điều kiện để nhân dân ba tỉnh hiểu biết, thụ hưởng những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, tìm hiểu, tiếp thu những nét đẹp truyền thống văn hóa; tôn vinh bảo tồn những giá trị, bản sắc văn hóa tiến bộ, đấu tranh loại trừ những hủ tục lạc hậu... chưa được chú trọng. Công tác đối ngoại nhân dân còn bộc lộ nhiều bất cập; số người tham gia còn hạn hẹp, chủ yếu tập trung vào cán bộ, công chức, những người đã và đang thi hành công vụ; đầu tư kinh phí còn ít; nội dung, hình thức tổ chức chậm được đổi mới, nặng về tham quan, tìm hiểu mô hình, chưa coi trọng giao lưu nâng cao hiểu biết về lịch sử, văn hóa truyền thống, thông qua đó, tạo cơ hội và điều kiện cho các tầng lớp nhân dân hai tỉnh gắn bó, hiểu biết lẫn nhau. Công tác thông tin đối ngoại, đặc biệt là việc phát huy vai trò

nhiệm vụ của các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là phát thanh truyền hình còn nhiều bất cập, chưa được coi trọng và đầu tư đúng mức. Bên cạnh những tiến bộ đáng khích lệ đã đạt được, công tác phối hợp giữa chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại còn bộc lộ những hạn chế, thể hiện chủ yếu ở việc chưa gắn kết thường xuyên và chặt chẽ hai loại hình hoạt động này với nhau, chưa chú ý thích đáng tính hiệu quả, thiết thực của hoạt động chính trị đối ngoại trong việc thực hiện mục tiêu phục vụ kinh tế và chưa đáp ứng kịp thời những đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn hoạt động kinh tế.

## **2. Tiếp tục phát huy quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa Hà Tĩnh với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn đáp ứng yêu cầu giai đoạn hiện nay.**

Để nâng cao hiệu quả các chương trình, nội dung hợp tác giữa ba tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, cần chú trọng tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất, thường xuyên coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam - Lào và giữa Hà Tĩnh với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muộn.*

Trong những thập niên qua, lịch sử đã ghi lại những trang sử vàng về tình đoàn kết gắn bó keo sơn giữa Đảng, Nhà nước, quân dân hai nước, ba tỉnh trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống giặc ngoại xâm và dựng xây đất nước. Quá khứ hào hùng và thực tiễn sinh động trong quan hệ hữu nghị hai nước, giữa các địa phương vùng biên cần thiết phải được tuyên truyền, ngợi ca để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiểu, nhận thức ngày càng sâu sắc và điều quan trọng hơn là biến nhận thức đó thành hành động cụ thể để cùng chung sức chung lòng phấn đấu tiếp tục tô thắm thêm trang sử mới về tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt hiếm có

giữa Đảng, nhân dân hai nước, ba tỉnh trong thời kỳ mới.

Hiện nay, quan hệ hợp tác giữa ba tỉnh đang đặt ra nhiều vấn đề cần có sự quan tâm đúng mức, nhiều việc cần phải làm, nhiều khó khăn trở ngại phải vượt qua, thiết nghĩ, chăm lo công tác tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân và cả hệ thống chính trị, qua đó, khơi dậy, phát huy sức mạnh các cấp các ngành và toàn xã hội cùng chung sức, đồng lòng viết tiếp những trang sử mới về tình đoàn kết, thủy chung và hợp tác ngày càng hiệu quả với tỉnh Bôlykhămxay, Khăm Muôn và nước bạn Lào anh em là việc làm có ý nghĩa hết sức sâu sắc. Điều đó càng có vị trí vai trò đặc biệt trong bối cảnh các thế lực thù địch đã và đang dùng nhiều âm mưu thâm độc, ra sức chống phá, chia rẽ hai dân tộc. Trong công tác tuyên truyền, cần chú trọng mục tiêu giúp mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân thực sự thấm nhuần tư tưởng “giúp nhân dân nước bạn tức là tự giúp mình” theo tư tưởng Hồ Chí Minh; là thực hiện nghĩa vụ quốc tế vô sản, là nguyên tắc chiến lược, như khẳng định của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND Lào Chumma-ly Xay-nha-xôn, trong cuộc hội đàm ngày 23/4/2009 tại Hà Nội, “là quy luật phát triển và là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước”<sup>(10)</sup>; đồng thời là tình cảm cách mạng của Đảng và nhân dân Việt Nam. Trong quan hệ hợp tác, trước hết, tăng cường giúp bạn một cách toàn diện cả về kinh tế, chính trị, quốc phòng an ninh, giáo dục y tế, khoa học công nghệ... để tạo ra sức mạnh tổng hợp giữa hai nước, hai dân tộc trên con đường đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, tạo bước chuyển quan trọng từ việc giúp đỡ trực tiếp sang hợp tác hai bên cùng có lợi, để bạn chủ động sử dụng được tiềm năng về tài nguyên và nhân lực sẵn có,

phát huy nội lực trong xây dựng đất nước; giúp bạn nhưng “cán bộ Việt Nam tuyệt đối tránh bao biện”<sup>(11)</sup>, để bạn “tự làm lấy được” như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Thứ hai, không ngừng nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành của Nhà nước, sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế xã hội từ tỉnh đến cơ sở trong quá trình thực hiện các thỏa thuận hợp tác.*

Những thành tựu quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh Hà Tĩnh - Bôlykhămxay, Khăm Muôn trong những thập niên qua gắn liền với sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở trong việc hoạch định chủ trương, đường lối và lãnh đạo, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tổ chức thực hiện nhiệm vụ hợp tác trong từng thời kỳ. Đường lối của Đảng đã rõ, nhưng vấn đề có ý nghĩa quyết định là khâu tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó trong thực tiễn. Để đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ hợp tác giữa ba tỉnh, đòi hỏi sự quản lý, chỉ đạo, điều hành kịp thời, đồng bộ và có hiệu quả của chính quyền các cấp, các ngành liên quan trong tỉnh và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan chức năng hai địa phương trong quá trình thực hiện các thỏa thuận hợp tác. Việc rút ra những bài học kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thời gian qua, đồng thời với việc kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều hành, chỉ đạo của các cấp các ngành, các cơ quan liên quan từ tỉnh đến cơ sở là nhân tố quan trọng, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác trên các lĩnh vực giữa ba tỉnh trong những năm tiếp theo.

*Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra, nắm chắc tình hình, kịp thời tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó bổ sung chủ trương giải pháp phù hợp trong từng thời kỳ.*

Nhiệm vụ tăng cường công tác kiểm tra việc tổ chức thực hiện nhằm bổ sung, hoàn

thiện chủ trương, nghị quyết, nội dung hợp tác, giải pháp tổ chức thực hiện, cơ chế chính sách hợp tác giữa ba tỉnh phù hợp trong từng thời kỳ, nhất là trong lĩnh vực kinh tế thương mại, nhằm giải quyết, tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình chỉ đạo thực hiện là yêu cầu cấp bách đang đặt ra hiện nay đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành liên quan.

Thực tế, một số chủ trương, nội dung hợp tác đã được đề ra nhưng thiếu tính khả thi vì thiếu nguồn lực, nhất là vốn để thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình hình này là do thiếu điều tra, nắm chắc tình hình trong quá trình xây dựng chủ trương, kế hoạch hợp tác. Một số chủ trương, kế hoạch khi tiến hành tổ chức thực hiện lại gặp nhiều vướng mắc, nhất là do cơ chế chính sách hợp tác, đầu tư ban hành thiếu kịp thời, đồng bộ. Tình hình nêu trên đặt ra yêu cầu đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành cần tăng cường hơn nữa việc nắm chắc tình hình, nhất là những vấn đề mới, phát sinh trong từng thời kỳ, trên cơ sở đó, tùy chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được phân công, thống nhất các giải pháp giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Các cơ quan liên quan của ba tỉnh cần thường xuyên, định kỳ có những đánh giá chính xác, ghi nhận những kết quả đạt được, thẳng thắn đưa ra những vấn đề còn tồn tại, thiếu sót trong quan hệ hợp tác để có những giải pháp sát hợp, kịp thời trong từng thời kỳ.

*Thứ tư, chú trọng công tác bồi dưỡng phẩm chất, nâng cao năng lực, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại; nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của cơ quan chuyên trách công tác đối ngoại,*

Thực trạng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đối ngoại cũng như cán bộ làm công tác tham mưu của các ngành, các cấp của ba tỉnh hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế về năng lực, nghiệp vụ và trình độ

ngoại ngữ. Điều đó đặt ra yêu cầu cần tăng cường hơn nữa việc tuyển dụng, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại vụ có đủ phẩm chất và năng lực cùng với việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của cơ quan làm công tác đối ngoại. Theo đó, cơ quan làm công tác đối ngoại cần phát huy hơn nữa vai trò là cơ quan tham mưu đắc lực cho cấp ủy, chính quyền và là cầu nối, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các địa phương trong việc tham mưu xây dựng chủ trương và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác đối ngoại. Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đối ngoại trong thời kỳ mới đòi hỏi chúng ta vừa giữ nguyên tắc, vừa linh hoạt, tranh thủ các đối tượng, đối tác khác nhau vì lợi ích của sự nghiệp phát triển đất nước; không ngừng tăng cường quan hệ nhiều mặt, đặc biệt là các quan hệ kinh tế, chính trị. Do đó, cần mạnh dạn đổi mới tư duy, nâng cao tầm trí tuệ, phong cách, lề lối làm việc của các tập thể cá nhân làm công tác ngoại vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao trong thời kỳ mới.

*Thứ năm, tăng cường phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau giữa các hoạt động chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại, đặc biệt đẩy mạnh công tác ngoại giao phục vụ kinh tế.*

Thực tế cho thấy, những hoạt động chính trị đối ngoại được đẩy mạnh góp phần củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác, mở đường và tạo điều kiện để phát triển quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế. Sự phối hợp giữa các hoạt động chính trị đối ngoại với các hoạt động kinh tế đối ngoại của các ngành, các cấp trong thời gian qua, trong đó, đáng chú ý là những nỗ lực thúc đẩy các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế với nhiều hình thức khá phong phú và ngày càng mang lại hiệu quả thiết thực, đã góp phần tích cực vào những thành tựu trong quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh trong những thập niên qua.

Thực tế cho thấy, các hoạt động chính trị đối ngoại có vai trò khai phá, mở đường, tạo môi trường thuận lợi và các khuôn khổ

pháp lý cho việc phát triển các quan hệ kinh tế giữa ba tỉnh; hỗ trợ đắc lực các quá trình đàm phán, ký kết các dự án, hợp đồng kinh tế - thương mại giữa ba tỉnh, nhất là đối với các doanh nghiệp. Như vậy, sự phối hợp nhịp nhàng giữa hoạt động chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại vừa mở rộng và củng cố quan hệ chính trị vừa tăng cường quan hệ kinh tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng. Điều này đặt ra yêu cầu cần nhìn nhận đúng thực tế, đưa quan hệ kinh tế ngang tầm với quan hệ chính trị; bảo đảm sự thống nhất đồng bộ và tính bổ trợ lẫn nhau giữa các chính sách chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại cũng như giữa các hoạt động cụ thể trong hai lĩnh vực trên. Các hoạt động chính trị đối ngoại do các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể ở các cấp khác nhau tiến hành cần bảo đảm sự hài hòa giữa mục tiêu chính trị và mục tiêu kinh tế và hướng vào mục tiêu phục vụ kinh tế, trước hết là góp phần mở rộng và tăng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, lao động, thu hút đầu tư, hợp tác sản xuất kinh doanh; giảm bớt những hoạt động mang tính xã giao hình thức, không đưa lại hiệu quả thiết thực.

Tình đoàn kết và mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt - Lào nói chung và Hà Tĩnh - Bôlykhămxay, Khăm Muộn nói riêng được tạo nên không phải do ý muốn chủ quan mà do yêu cầu khách quan, có ý nghĩa sống còn của cuộc đấu tranh giữ nước và dựng nước giữa hai dân tộc, các địa phương qua các thời kỳ lịch sử. Ngày nay, sự nghiệp đổi mới, hội nhập kinh tế trong khu vực và quốc tế của hai nước, ba tỉnh đang đứng trước nhiều cơ hội, nhưng cũng không ít những thách thức. Việc nghiên cứu, tổng kết, rút ra những kinh nghiệm làm cơ sở để vận dụng vào quá trình xây dựng chủ trương, cũng như việc tổ chức thực hiện kịp thời đồng bộ những nhiệm vụ giải pháp nêu trên trong thời gian tới, góp phần tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, thủy chung trong sáng đã được đúc kết trong câu nói của

Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việt - Lào hai nước chúng ta. Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long” và như lời Chủ tịch Cay-xôn Phôm-vi-hân từng nói “Núi có thể mòn, sông có thể cạn, song tình nghĩa Lào - Việt sẽ mãi mãi vững bền hơn núi, hơn sông”. Đồng thời góp phần quan trọng trong việc hiện thực hóa chủ trương đối ngoại của Đảng trong công cuộc đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”

#### *Chú thích:*

- (1). Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thắng lợi và bài học, Nxb CTQG, HN, 1995, tr 246
- (2). Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr 401
- (3). NQ số 04 của BCH Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về tiếp tục tăng cường lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong tình hình mới, Lưu tại Phòng Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Hà Tĩnh.
- (4). Lê Văn Chất (2007), Mở rộng liên kết giao lưu quốc tế”, Đặc san “Việt Nam - Lào 45 năm hợp tác hữu nghị, Báo Thế giới và Việt Nam.
- (5). Biên bản Hội đàm giữa Đoàn đại biểu Hà Tĩnh và tỉnh Bôlykhămxay ngày 2 tháng 8 năm 2004, Lưu tại Phòng Lưu trữ.
- (6). Biên bản Hội đàm ngày 26/6/2006, Lưu tại Phòng Lưu trữ, VP Tỉnh ủy Hà Tĩnh.
- (7). Biên bản Hội đàm giữa tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Bôlykhămxay ngày 6/11/1992, Lưu tại VPTU.
- (8). Ban Kinh tế Đối ngoại Hà Tĩnh Báo cáo tình hình về mối quan hệ hợp tác giữa Hà Tĩnh với tỉnh Bôlykhămxay, tỉnh Khăm Muộn, 1993, Lưu tại TTLT tỉnh Hà Tĩnh.
- (9). Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Biên bản Hội đàm ngày 26/6/2006, Lưu tại Phòng Lưu trữ, VPTU.
- (10). Báo Nhân dân, số ra ngày 24 tháng 4 năm 2009.
- (11). Quan hệ Việt - Lào, Lào - Việt, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr 128

## ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú

*Tóm tắt: Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú đã để lại những di sản quý báu, những bài học có ý nghĩa sâu sắc đối với cách mạng nước ta. “Chí khí chiến đấu” của đồng chí đã lan tỏa và tạo thành sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Với cương vị Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, đồng chí có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, lý luận và tổ chức.*

Đồng chí Trần Phú, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, người cộng sản kiên trung và là nhà lãnh đạo xuất sắc. Với cương vị là Tổng Bí thư, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí đã để lại những di sản quý báu, những bài học có ý nghĩa sâu sắc đối với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, lý luận, tổ chức và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

*Thứ nhất: Đối với công tác xây dựng Đảng về chính trị*

Xây dựng Đảng về chính trị là vấn đề quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa tiền đề cho các nội dung khác của công tác xây dựng Đảng. Một trong những nội dung trọng tâm của xây dựng Đảng về chính trị là xây dựng cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng phù hợp với lý luận, quy luật khách quan và thực tiễn cách mạng.

Sau khi về nước, tháng 7/1930, đồng chí Trần Phú được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam và được giao nhiệm vụ dự thảo *Luận cương chính trị* của Đảng. Giữa lúc phong trào cách mạng diễn ra sôi sục mà đỉnh cao là sự ra đời của chính quyền Xô Viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh, cuối tháng 10/1930, đồng chí Trần Phú với uy tín và trách nhiệm lịch sử đã chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất tại Hương cảng (Trung Quốc). Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Trung ương chính thức, thảo luận *Luận cương chính trị* do Trần Phú dự thảo và bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư của Đảng.

*Luận cương chính trị* là một văn kiện quan trọng của Đảng, là cơ sở để Đảng đề ra chiến lược, sách lược trong quá trình đấu tranh giành và bảo vệ chính quyền cách mạng. Là sản phẩm trí tuệ của tập thể Ban Chấp hành Trung ương, nhưng

*Luận cương chính trị* in đậm dấu ấn cá nhân đồng chí Trần Phú trong vai trò là người trực tiếp soạn thảo. *Luận cương chính trị* đã vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa; những luận điểm cơ bản trong Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng để xác định những nội dung chủ yếu, những vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Trong đó xác định rõ mục tiêu đi tới chủ nghĩa cộng sản sau khi hoàn thành cách mạng tư sản dân quyền; chỉ ra mối liên hệ mật thiết giữa cuộc đấu tranh chống phong kiến và chống đế quốc, giữa hai mục tiêu dân chủ “thổ địa cách mạng” và dân tộc “Đông Dương hoàn toàn độc lập” để đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là luận điểm xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng, thể hiện tính nhất quán về con đường, mục tiêu cách mạng của Đảng từ khi thành lập đến nay.

Để củng cố, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng về chính trị, trong *Luận cương chính trị*, đồng chí Trần Phú đã nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng và những vấn đề đặt ra trong xây dựng Đảng: “Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chính trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chính và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản”<sup>(1)</sup>.

*Luận cương chính trị* và *Điều lệ Đảng* được Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương thông qua đã làm rõ nhiều vấn

đề quan trọng về xây dựng Đảng như: (1) Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản như là điều kiện cốt yếu đối với thắng lợi của cách mạng, tức là sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định đối với sự phát triển và thắng lợi của cách mạng. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản; (2) Làm rõ mục tiêu, lý tưởng của Đảng là hoàn thành sự nghiệp chống đế quốc, phong kiến, giành độc lập cho dân tộc và đi tới mục đích cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản; (3) Về yêu cầu xây dựng Đảng, nhấn mạnh phải có đường lối chính trị đúng đắn; phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm gốc; phải gắn bó mật thiết với quần chúng và phát triển trưởng thành trong phong trào cách mạng của quần chúng; phải có kỷ luật, tập trung, phải tổ chức theo dân chủ tập trung; (4) Về hệ thống tổ chức đảng, hình thành các cấp tổ chức lãnh đạo của Đảng: Chi bộ, Tổng bộ (ở nông thôn), Huyện bộ, Tỉnh hoặc Thành bộ, Xứ bộ và Trung ương. Hệ thống tổ chức đó được xây dựng từ khi thành lập và phát huy vai trò lãnh đạo trong các thời kỳ sau này.

Có thể khẳng định, *Luận cương chính trị* và những văn kiện của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Trần Phú là người chuẩn bị chính đã nêu rõ được những vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng Đảng Cộng sản cả về tư tưởng, lý luận chính trị và tổ chức. Vận dụng lý luận về xây dựng Đảng kiểu mới của Lênin và hoạt động thực tiễn ngay từ những ngày đầu Đảng ta mới được thành lập, đồng chí Trần Phú đã đặt ra những vấn đề, những yêu cầu, những nội dung xây dựng Đảng sát hợp với điều kiện một nước thuộc địa nửa phong kiến và bảo đảm cho Đảng thực hiện được sứ mệnh, vai trò lãnh đạo trong khi cao trào cách mạng đang diễn ra mạnh mẽ trên khắp đất nước từ nửa cuối năm 1930. Đây là một trong những đóng góp to lớn của đồng chí Trần Phú đối với công tác xây dựng Đảng.

*Thứ hai: Đối với công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận*

Với cương vị là Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Trần Phú đặc biệt quan tâm đến công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Thực tiễn đấu tranh cách mạng đã chỉ ra rằng, mỗi khi cách mạng gặp khó khăn, thoái trào, khi cách mạng chuyển giai đoạn, thường xuất hiện những trào lưu tư tưởng “tả” khuynh hoặc hữu khuynh, gây mâu thuẫn trong nội bộ Đảng. Sau khi Đảng hợp nhất các tổ chức cộng sản, trong Đảng còn tồn tại nhiều quan điểm và nhận thức khác nhau. Vì vậy, đồng chí Trần Phú rất quan tâm đến vấn đề đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng, khắc phục những nhận thức lệch lạc, những xu hướng cơ hội, bè phái, nhằm xây dựng khối đoàn kết thống nhất trên cơ sở cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Nhận thức sâu sắc về vai trò của lý luận cách mạng đối với phong trào cách mạng, đồng chí Trần Phú đã chỉ đạo thành lập cơ quan tuyên truyền lý luận của Đảng. Tháng 12/1930, đồng chí đã cùng với Ban Thường vụ Trung ương quyết định xuất bản báo *Cờ vô sản* và báo *Cộng sản* nhằm “mục đích làm rõ chính sách và phê bình mọi sai trái, lầm lỗi và yếu kém” trong công tác của Đảng, đồng thời cũng để đăng “những bài luận, giải thích” để “các đồng chí có thể bày tỏ ý kiến”. Để tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị và tuyên truyền, đồng chí Trần Phú đã thành lập Ban Tuyên truyền và giao cho một ủy viên Thường vụ làm Trưởng ban phụ trách thúc đẩy công tác này. Công tác tuyên truyền của Đảng là một bộ phận của công tác xây dựng Đảng về mặt lý luận, tư tưởng. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh đã góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ngày càng phát triển mạnh mẽ. Điều đó chứng tỏ Tổng Bí thư rất coi trọng công tác tư tưởng, lý luận của Đảng; có ý thức sâu sắc về vai trò của công tác tư tưởng, lý luận đối với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Bên cạnh việc xây dựng lý luận cách mạng trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, của Quốc tế Cộng sản và thực tiễn cách mạng Đông Dương, với cương vị là Tổng Bí thư, một trong những nhà lý luận chính trị hàng đầu của Đảng, đồng chí Trần Phú đã tích cực đấu tranh và kiên quyết phê phán các tư tưởng cơ hội, cải lương, dao động, thỏa hiệp, hữu khuynh và cực đoan đang tồn tại trong Đảng, gây chia rẽ Đảng, kiên trì đấu tranh làm trong sạch Đảng, xây dựng Đảng thực sự là một tổ chức thống nhất, là đội tiên phong của giai cấp vô sản theo đúng tinh thần của Quốc tế Cộng sản, đúng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Trần Phú, từ Hội nghị Trung ương lần thứ nhất đến Hội nghị Trung ương lần thứ hai, Đảng ta đã tiến hành kiên quyết cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng. Đồng chí Trần Phú chỉ ra một số vấn đề mới nảy sinh cần phải đấu tranh khắc phục: “Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ hai tổ chức vào cuối tháng 3/1931 đã thừa nhận sự tồn tại công khai một chủ nghĩa cơ hội ở Bắc Kỳ. Những tháng vừa qua đã chứng minh rằng: tất cả thành viên của các nhóm cũ thống nhất lại là một lực lượng chống đối mới về tư tưởng... Do đó, cái quan tâm đầu tiên của chúng tôi là giải thích sự cần thiết cấp bách tiến hành một cuộc đấu tranh tích cực về tư tưởng, chống lại chủ nghĩa cơ hội và khuynh hướng hòa hoãn ở trong Đảng...”. Đánh giá về những đóng góp to lớn của đồng chí Trần Phú trên mặt trận tư tưởng, lý luận, Tạp chí *Quốc tế Cộng sản* số tháng 5/1932 đã viết: “Đồng chí Trần Phú đã có những đóng góp to lớn vào việc “bôn-sê-vích hóa” về tư tưởng trong hàng ngũ đảng chúng tôi. Rất nhiều văn kiện chính trị của Hội nghị lần thứ nhất (tháng 10/1930) và Hội nghị lần thứ hai (tháng 3/1931) Ban Chấp hành Trung ương Đảng chúng tôi, do đồng chí trực tiếp soạn thảo hay được hoàn thiện dưới sự chỉ đạo của

đồng chí, trong đó những nguyên tắc, chiến lược và sách lược bôn-sê-vích đã được trình bày một cách sáng sủa và đúng đắn. Trong những nghị quyết chính trị và những thông báo của Trung ương cũng như các tài liệu tuyên truyền hay bài viết trên báo chí, đồng chí Trần Phú luôn luôn là người bênh vực không mệt mỏi về mặt lý luận và thực tiễn của những người mácxít - lêninnít<sup>(2)</sup>.

*Thứ ba: Đối với công tác củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng, phát triển đảng viên đáp ứng yêu cầu của cách mạng*

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, trong điều kiện vừa hợp nhất các tổ chức đảng trong cả nước, lại hoạt động bí mật và bị sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù, vấn đề xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức bộ máy đặt ra cấp thiết. Ban Chấp hành Trung ương dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trần Phú đã nghiên cứu, đánh giá tình hình, kịp thời đưa ra chủ trương, đường lối chỉ đạo phù hợp với thực tiễn. Trên cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Trần Phú đã lãnh đạo, trực tiếp soạn thảo và hoàn thiện triển khai các văn kiện, triển khai thực hiện việc phát triển các tổ chức đảng, các tổ chức chính trị, đoàn thể, hội quần chúng nhằm tập hợp, đoàn kết thống nhất mọi lực lượng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Công hiến nổi bật của đồng chí Trần Phú trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng là đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương xây dựng và củng cố tổ chức Đảng các cấp từ Trung ương tới các xứ ủy, tỉnh ủy, huyện ủy và chi bộ cơ sở của Đảng. Từ tháng 12/1930 đến tháng 01/1931, các Xứ ủy Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ, dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương, trực tiếp là đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú đã chính thức được thành lập và từng bước được củng cố. Đây là lần đầu tiên hệ thống tổ chức của Đảng ta được kiện toàn, hoàn thiện, thống nhất. Ngoài ra, đồng chí Trần

Phú cũng đề cao chủ trương tăng cường xây dựng và củng cố các chi bộ nhà máy, các chi bộ của giai cấp công nhân. Việc phát triển Đảng đã có một bước tiến mới, số đảng viên xuất thân từ công nhân tại các cơ sở công nghiệp, đồn điền và các địa phương ở vùng nông thôn đã tăng lên đáng kể.

Bên cạnh đó, đồng chí Trần Phú đã lãnh đạo việc phát triển các tổ chức chính trị, đoàn thể, hội quần chúng nhằm tập hợp, đoàn kết thống nhất mọi lực lượng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hàng loạt văn kiện quan trọng được thông qua liên quan trực tiếp đến công tác dân vận, công tác mặt trận, đặt nền móng cho việc thành lập Hội Phản đế đồng minh, thành lập các tổ chức: Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, Hội Cứu tế đỏ. Chỉ sau một thời gian, tổ chức đảng, các đoàn thể, hội quần chúng đã có sự phát triển nhanh chóng. Kiên quyết thúc đẩy thành lập, xây dựng và lãnh đạo các tổ chức quần chúng ngay từ khi Đảng mới thành lập nhằm tập hợp họ thành lực lượng cách mạng phản đế, phản phong thể hiện tầm nhìn chiến lược, một chủ trương sáng suốt và đúng đắn của Tổng Bí thư Trần Phú và Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương. Đánh giá công lao của đồng chí Trần Phú, bài “Tưởng nhớ đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương”, đăng trên Tạp chí *Quốc tế Cộng sản* số tháng 5/1932 đã viết: “Dưới sự lãnh đạo cương quyết của đồng chí Trần Phú, Đảng ta đã trở thành một đảng quần chúng thực sự và đã tiến hành những công việc lớn lao về tổ chức và lãnh đạo các tầng lớp quần chúng đông đảo trong cuộc đấu tranh cách mạng”<sup>(3)</sup>.

Như vậy, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Trần Phú đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt quan tâm lãnh đạo công xây dựng Đảng, hiện thực hoá vai trò, quyền và năng lực lãnh đạo của Đảng ngay trong những năm đầu Đảng mới được thành lập. Đồng chí Trần Phú đã chỉ

rõ: Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng của giai cấp vô sản nên phải gồm những công nhân tiên tiến nhất, lãnh đạo Đảng phải là những công nhân ưu tú nhất; mỗi đảng viên phải hăng hái hoạt động, tích cực, chủ động tham gia vào công việc của Đảng, phải tuân thủ nguyên tắc tổ chức đảng, phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; Đảng phải được tổ chức theo kỷ luật sắt, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, mỗi vấn đề đều được mọi đảng viên tham gia thảo luận tự do, dân chủ nhưng khi đã quyết nghị thì phải thực hiện nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, nguyên tắc tối cao là lợi ích của Đảng, của nhân dân xây dựng sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, xây dựng Đảng thực sự trở thành một khối thống nhất, vững mạnh về tổ chức.

Đóng góp nổi bật của đồng chí Trần Phú đối với công tác xây dựng Đảng được thể hiện trên một số vấn đề lớn như: (1) đã nắm vững nguyên lý, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng Đảng Cộng sản, bảo đảm cho Đảng Cộng sản Việt Nam thật sự là Đảng cách mạng chân chính, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam và là người lãnh đạo của toàn dân tộc; góp phần khẳng định trên thực tế quyền và năng lực lãnh đạo của Đảng; (2) xây dựng và trung thành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; hệ thống tổ chức đảng đều hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò và sức mạnh tổ chức của Đảng; (3) đã xây dựng và củng cố được hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến các xứ, tỉnh, thành, huyện và chi bộ cơ sở; xây dựng tổ chức đảng gắn liền với rèn luyện cán bộ, đảng viên; (4) trong đấu tranh cách mạng, chú trọng nêu cao tinh thần yêu nước và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, sự nghiệp cách mạng và nhân dân lao động; (5) xây dựng Đảng gắn liền với năng lực lãnh đạo đấu tranh cách mạng; xây dựng Đảng vững mạnh về chính

trị, tư tưởng, tổ chức để lãnh đạo có hiệu quả phong trào cách mạng của quần chúng, và cũng từ chính thực tiễn phong trào cách mạng mà rèn luyện tổ chức đảng, đảng viên, xây dựng Đảng làm cho Đảng trưởng thành về mọi mặt; lấy sự phát triển của phong trào cách mạng làm thước đo năng lực lãnh đạo, trình độ tổ chức, sự đúng đắn của đường lối chính trị của Đảng; (6) chú trọng phòng ngừa những biểu hiện “tả” hoặc hữu khuynh trong xây dựng Đảng về tổ chức, kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng cơ hội, dao động, hữu khuynh, xa rời lý tưởng cộng sản, xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa, đi ngược lại lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc; (7) củng cố mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân; Đảng đã thật sự gắn bó với nhân dân, được nhân dân bảo vệ và giúp đỡ; Đảng đã thật sự đi vào phong trào quần chúng, xây dựng nền tảng vững chắc là khối liên minh công nông, Đảng tồn tại và phát triển trong phong trào cách mạng của quần chúng.

Trước yêu cầu nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay, để giữ vững và làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng phải không ngừng được xây dựng, chỉnh đốn để ngày càng trong sạch, vững mạnh. Trong bối cảnh đó, những cống hiến của đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, nâng cao năng lực, sức chiến đấu, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch./.

#### *Chú thích:*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.2, tr100
2. Trần Phú – tiểu sử, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.144
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.2, tr109

# 95 NĂM LỊCH SỬ VẼ VANG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

✧ Ths. DƯƠNG THỊ VÂN LINH  
Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

*Tóm tắt: Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng của dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta vượt qua bao khó khăn, gian khổ, giành thắng lợi vĩ đại đưa đất nước bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, viết lên những trang sử vẻ vang của Đảng và của dân tộc Việt Nam. Trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới đạt nhiều thành tựu to lớn, tạo tiền đề đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thực hiện khát vọng dân giàu, nước mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.*

**Đ**ảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, tổ chức và rèn luyện. Sự ra đời của Đảng đáp ứng đòi hỏi tất yếu của thực tiễn, mang tính quy luật; là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối chính trị. “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”<sup>(1)</sup>. Từ khi có Đảng, Nhân dân Việt Nam được tổ chức thành một khối thống nhất về ý chí và hành động, tạo lên sức mạnh to lớn thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đã chứng minh, đối với nước ta, sự lựa chọn con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là sự lựa chọn duy nhất đúng, bởi “...không có con đường nào khác để có độc lập dân tộc thực sự và tự do, hạnh phúc cho Nhân dân”; “đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta”<sup>(2)</sup>.

Vừa mới ra đời, Đảng ta đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ; từng bước xây dựng đội quân chính trị đông đảo, lực lượng vũ trang ngày càng trưởng thành và căn cứ địa cách mạng vững chắc, tạo thế, tạo lực và chớp thời cơ “ngàn năm có một”, làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phá tan sự thống trị của thực dân gần một trăm năm và lật đổ chế độ phong kiến đè nặng lên nhân dân ta, mở ra bước ngoặt vĩ đại của cách mạng, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Với ý nghĩa to lớn đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có

thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”<sup>(3)</sup>.

Phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, Đảng tiếp tục lãnh đạo toàn quân, toàn dân đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần tô thắm thêm những trang sử vàng của dân tộc. “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi sâu vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”<sup>(4)</sup>. Có thể thấy rằng, từ thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945, mở ra kỷ nguyên độc lập, Đảng đã khơi dậy mạnh mẽ nhất sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại, đập tan âm mưu xâm lược của thực dân, đế quốc, giữ độc lập, tự do và xây dựng những tiền đề ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là con đường phát triển tất yếu, phù hợp xu thế của thời đại và đáp ứng nguyện vọng của toàn dân. Bước vào kỷ nguyên này, chúng ta có những thuận lợi to lớn: Đất nước độc lập, thống nhất, chính quyền thuộc về tay Nhân dân; Nhân dân ta anh hùng trong chiến đấu, cần cù, sáng tạo trong lao động, hăng hái xây dựng lại đất nước; uy tín, vị thế Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế, tính đến ngày

19/8/1976 nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 97 nước trên thế giới... Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, chúng ta cũng phải đối diện với muôn vàn khó khăn, thử thách. Đảng và nhân dân ta đã giành được chính quyền năm 1945 trong điều kiện tiềm lực kinh tế, quốc phòng, cơ sở hạ tầng đều thiếu thốn. Sau hai cuộc chiến tranh, chúng ta phải gánh chịu hậu quả nặng nề. Cùng với đó, chúng ta đã dành mọi nguồn lực của đất nước để tập trung cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Do vậy, sau chiến tranh, Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ phổ biến, cơ sở vật chất còn thấp kém, tổ chức quản lý còn phân tán và kém hiệu quả.

Trước tình hình đó, Đảng ta một lần nữa khẳng định trách nhiệm trước dân tộc và lịch sử, khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới. Việc đổi mới mạnh mẽ sự lãnh đạo của Đảng; sự quản lý của nhà nước; cơ chế Nhân dân làm chủ không chỉ giữ vững sự ổn định về chính trị, mà còn góp phần để đất nước đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, xã hội. Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, đất nước phát triển nhanh và bền vững. Nổi bật là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã ngày càng được hoàn thiện và phát triển. Việt Nam là một điểm sáng trong bức tranh của kinh tế toàn cầu. Một số thành tựu phát triển kinh tế nổi bật qua 40 năm đổi mới có thể nhắc đến như: Tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tích cực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại

hóa, đồng thời, chủ động hội nhập quốc tế. Nền kinh tế nước ta có bước phát triển với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 tăng 7,09%, quy mô GDP năm 2024 đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD; GDP bình quân đầu người năm 2024 đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88%<sup>(5)</sup>. Đời sống của Nhân dân được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2024 còn dưới 1,9%, (giảm trên 1%); chỉ số phát triển con người của Việt Nam liên tục cải thiện trong 30 năm qua. Trong bảng xếp hạng HDI (2024), Việt Nam đã tăng 8 bậc từ vị trí 115 lên vị trí 107, tiếp tục nằm trong số các quốc gia đang phát triển có chỉ số HDI cao. Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 198 quốc gia trên thế giới... Đó là kết quả của đường lối đúng đắn, hiệu quả và nỗ lực vượt bậc của Đảng, Nhà nước trong thúc đẩy phát triển kinh tế, đối ngoại, bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho con người. “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức mạnh sáng tạo, là kết quả của một quá trình nỗ lực, phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam”<sup>(6)</sup>.

Những thành tựu to lớn trên tạo tiền đề, nền tảng vững chắc để đất nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển, tự tin bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của

dân tộc. Đảng ta xác định đây là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa; là “kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, kỷ nguyên thịnh vượng dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới, cho hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu...”<sup>(7)</sup>. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Trong bối cảnh Việt Nam còn đối mặt với nhiều thách thức, để bứt tốc, đột phá thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng, mọi người dân Việt Nam phải đoàn kết đồng lòng, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, tranh thủ tối đa cơ hội, đẩy lùi khó khăn, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ và cất cánh.

Bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đòi hỏi, toàn Đảng, toàn dân ta phải đột phá tư duy, nhận thức khoa học về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phát triển lực lượng sản xuất dựa vào đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Trên cơ sở đó, phải hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất, dựa trên những thành

tự khoa học công nghệ hiện đại, xây dựng, hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa quản lý bởi Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa có bộ máy hành chính tinh - gọn, hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng trong sạch, vững mạnh, thực hiện đúng nguyên lý của Đảng, kiên định với lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, toàn Đảng, toàn dân xác định quyết tâm triệu người như một thống nhất về ý chí và hành động quyết liệt để tiến vào kỷ nguyên mới.

Bước vào kỷ nguyên mới, cùng với việc đột phá mạnh mẽ tư duy, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, xây dựng ý chí quyết tâm của toàn dân tộc, chúng ta cũng phải nhanh chóng khắc phục “điểm nghẽn” cản trở quá trình dân tộc vươn mình. Trong đó có hai “điểm nghẽn” cơ bản là thể chế và thiết chế. Khắc phục “điểm nghẽn” về thể chế, chúng ta cần phải đổi mới căn bản hệ thống thể chế, từ công tác lập pháp, hành pháp đến việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn; khắc phục sự chồng chéo trong các luật liên quan đến cuộc sống của người dân, các tổ chức; xóa bỏ những cơ chế, chính sách cản trở sự phát triển của đất nước. Từ đó, xây dựng hệ thống chính sách, luật pháp khơi thông nguồn lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra động lực mới cho sự phát triển của đất nước. Khắc phục “điểm nghẽn” về thiết chế với tổ chức bộ máy còn cồng kềnh, chồng chéo, chia cắt, hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả. Vì thế, chúng ta phải tổ chức cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, coi đó không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay mà còn là đột phá chiến lược để đưa đất nước tiến xa hơn trên con đường phát triển toàn diện trong kỷ nguyên mới. Đồng thời phải tạo sự quyết tâm và đồng thuận trong việc thực hiện cuộc cách mạng rộng lớn và then chốt này sẽ tạo nền móng vững

chắc để Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, thịnh vượng và văn minh. Trong quá trình thực hiện, chúng ta phải nhận thức đúng về chủ trương này, thực hiện triệt để, quyết liệt, đồng bộ, tập trung cao độ để tổ chức cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy.

Tròn 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam gắn liền với vai trò lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng. Trong tình hình mới, nhiệm vụ mới đòi hỏi Đảng ta không ngừng nâng cao năng lực, sức chiến đấu, tiêu biểu cho trí tuệ, đạo đức, lương tâm của dân tộc và nhân loại, phát huy năng lực sáng tạo, trách nhiệm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, phát huy mọi nguồn lực phát triển toàn diện đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu./.

#### *Chú thích:*

- (1). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002, t.10, tr.8.
- (2). Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, H.1991, tr.109.
- (3). Hồ Chí Minh toàn tập, NXBCTQG, Hà Nội 2011, tập 7, tr25
- (4). Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội lần thứ IV của Đảng, Nxb. Sự thật, H. 1977, tr.5-6.
- (5). Tổng cục Thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024, H. 2025.
- (6). Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.1, H.2021, tr.25-26.
- (7). Đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: Chuyên đề Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam trao đổi tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, chiều ngày 25/11/2024.

# CƠ CHẾ THỰC THI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG TỔ CHỨC, THỰC THI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY



TS. NGUYỄN DUY LONG

Phó Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

*Tóm tắt: Hệ thống chính trị Việt Nam được cấu thành bởi ba bộ phận cơ bản gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Mỗi bộ phận có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ khác nhau trong hệ thống chính trị, nhưng tất cả đều hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Việc nghiên cứu cơ chế thực thi quyền lực chính trị và những biến đổi trong tổ chức, thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực.*

## 1. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị

Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” thể hiện sự thống nhất về bản chất của hệ thống chính trị Việt Nam. Cơ chế này xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân; xác định vai trò, địa vị làm chủ của Nhân dân trong quá trình xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

*Thứ nhất, Đảng lãnh đạo.*

Toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng thực hiện chức năng lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội nhằm phát huy, thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp và tuyệt đối đối với Nhà nước và xã hội. Điều này được khẳng định rõ trong Điều lệ Đảng, các Văn kiện Đại hội, cũng như thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh mới, Đảng tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực, bản lĩnh, đạo đức và trí tuệ để thực hiện thành công nhiệm vụ lịch sử của mình.

Nội dung của phương thức lãnh đạo của Đảng (hay các phương thức lãnh đạo của Đảng), lần đầu tiên được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) kế thừa và bổ sung những nội dung cơ bản của phương thức lãnh đạo của Đảng được nêu trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều 41, Điều lệ Đảng do Đại hội XI của Đảng thông qua đã quy định rõ các phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng một lần nữa xác định phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: “Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, chiến lược, các chủ trương, chính sách lớn, bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng kiểm tra, giám sát;... Các tổ chức của Đảng và đảng viên, nhất là tổ chức, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước vừa phải gương mẫu tuân

thủ Hiến pháp và pháp luật, vừa phải nêu cao vai trò tiên phong trong thực hiện chủ trương, đường lối, các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước<sup>(1)</sup>.

Qua các văn kiện của Đảng, có thể khái quát phương thức lãnh đạo của Đảng gồm:

*Thứ nhất*, Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; *hai là*, Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động; *ba là*, Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị và bằng công tác tổ chức, cán bộ; *bốn là*, Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát; *năm là*, Đảng lãnh đạo bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đó là những cách thức chủ yếu trong phương thức lãnh đạo của Đảng.

*Thứ hai*, Nhà nước quản lý.

Nhà nước là trung tâm của hệ thống chính trị, là tổ chức quyền lực công đại diện cho lợi ích của Nhân dân và dân tộc. Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân. Trên cơ sở cương lĩnh, chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển đất nước của Đảng, Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, các chương trình, kế hoạch hoạt động và quản lý xã hội theo Hiến pháp và pháp luật. Sự quản lý của Nhà nước không trái với các chủ trương, đường lối, nghị quyết, quy định của Đảng; đồng thời cũng không hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Sự quản lý của Nhà nước lấy tiêu chí phục vụ Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của Nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa, trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, xa dân, cửa quyền, hách dịch với dân.

Trong điều kiện mới, để Nhà nước thực hiện tốt vai trò và chức năng của mình theo hướng kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, đòi hỏi phải xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực Nhà nước; xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước.

*Thứ ba*, Nhân dân làm chủ.

Trong Hiến pháp Việt Nam, tinh thần “Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân” được khẳng định như một nguyên tắc quan trọng nhất trong tổ chức và thực thi quyền lực Nhà nước. Mọi người dân, vượt lên trên sự khác biệt xã hội để hướng tới thực hiện mục tiêu chung của cả nước là xây dựng một xã hội “phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân<sup>(2)</sup>”. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng “đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc<sup>(3)</sup>”. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Nhân dân làm chủ trực tiếp thông qua các hình thức tự quản, tự quyết định các vấn đề liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình ở cộng đồng, địa phương; tham gia các cuộc trưng cầu dân ý để quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước khi Nhà nước tổ chức. Nhân dân làm chủ gián tiếp thông qua các cơ quan đại diện của mình là bộ máy Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên. Với tư cách là công dân, mỗi công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận

và kiến nghị với cơ quan Nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý Nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

Những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có quan hệ trực tiếp đến đời sống của quần chúng Nhân dân đều là nội dung mà người dân được biết, được bàn, được thực hiện và được kiểm tra, giám sát việc thực hiện, được thụ hưởng. Mọi người dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Các khiếu nại, tố cáo của người dân phải được tiếp nhận và giải quyết.

## **2. Một số biến đổi trong tổ chức và thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam hiện nay**

Trong bối cảnh hiện nay, quyền lực chính trị trên thế giới có những biến đổi quan trọng trong cách thức tổ chức và thực thi. Với tư cách là một phần của hệ thống thế giới, Việt Nam ít nhiều cũng bị ảnh hưởng bởi các xu hướng này, dù có những mặt không thực sự rõ nét.

*Thứ nhất*, quyền lực chính trị ngày càng được thể chế hoá.

Sự chuyển đổi từ hệ thống chuyên chính vô sản sang hệ thống chính trị, từ Nhà nước chuyên chính vô sản sang Nhà nước pháp quyền đã đánh dấu sự thay đổi rõ nét về các phương thức thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam. Là chủ thể lãnh đạo hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng nhận thức rõ hơn sự cần thiết phải nâng cao tính chính đáng quyền lực của mình trong đời sống xã hội. Có thể thấy, chưa khi nào Đảng lại ban hành đồng bộ các quy định, quy chế như hiện nay, từ các nội dung về đổi mới hệ thống chính trị; xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng; xây

dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược; thực hiện, trách nhiệm người, đứng đầu; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; đấu tranh với các biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ Đảng. Cùng với việc ban hành hệ thống quy chế là quyết tâm chính trị trong việc phát hiện, xử lý nghiêm minh các trường hợp tham nhũng, tiêu cực, các sai phạm của các tổ chức đảng và đảng viên theo tinh thần “không có ngoại lệ, không có vùng cấm, bất kể đó là ai”...

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền cũng làm gia tăng đáng kể quá trình thể chế hóa các quan hệ quyền lực. Với tinh thần thượng tôn pháp luật, tất cả các chủ thể chính trị đều phải đặt mình dưới pháp luật và chịu sự ràng buộc của pháp luật. Pháp luật không chỉ là công cụ để Nhà nước quản lý và điều hành xã hội, mà nó còn là phương tiện để giới hạn quyền lực Nhà nước, là công cụ để bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của Nhân dân, đồng thời cũng là công cụ để người dân bảo vệ các quyền lợi của mình khi bị chính các cơ quan Nhà nước xâm hại.

Trên tinh thần của Hiến pháp năm 2013, hệ thống pháp luật Việt Nam từng bước được hoàn thiện theo tiêu chí của một Nhà nước pháp quyền. Các mối quan hệ Nhà nước - công dân, Nhà nước - thị trường, Nhà nước - doanh nghiệp được nhận thức lại và thay đổi từ chỗ mang nặng tính quản lý sang theo hướng Nhà nước kiến tạo, phát triển. Hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, toàn diện và đồng bộ, phù hợp hơn, tạo điều kiện cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

Nhằm bảo đảm tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước được thực hiện có hiệu lực, hiệu quả, Quốc hội đã ban hành các đạo luật như: Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng Nhân dân, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật (sửa đổi năm 2025), Luật Cán bộ, công chức...

Để đảm bảo quyền tự do kinh doanh và quyền con người, nhiều đạo luật quan trọng đã được ban hành nhằm cụ thể hóa các quyền này như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Báo chí, Luật Trưng cầu ý dân... Chế định quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 được bổ sung một số nội dung quan trọng. Trên cơ sở đó, các đạo luật về bảo vệ quyền con người, quyền công dân tiếp tục được hoàn thiện.

Trong thời gian tới, Quốc hội cần tiếp tục “Đẩy mạnh việc hoàn thiện, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Nhân dân”<sup>(4)</sup>. Công việc cụ thể không chỉ là việc ban hành đủ, đồng bộ và kịp thời các bộ luật và văn bản dưới luật, mà còn bao gồm cả việc nâng cao nhận thức xã hội về ý thức tôn trọng pháp luật cho cán bộ, đảng viên và toàn xã hội. Biện khẩu hiệu “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” thành một nét của văn hóa công dân.

*Thứ hai*, sự gia tăng mức độ phân cấp, phân quyền, chuyển một phần quyền lực từ Nhà nước sang cho người dân.

Quá trình tổ chức và thực thi quyền lực Nhà nước ở nước ta trong những năm qua cho thấy sự chuyển đổi dần từ mô hình tập trung sang mô hình phi tập trung quyền lực. Từ thực tiễn Việt Nam, có thể hiểu sự phân cấp quản lý Nhà nước là một xu hướng tất yếu trong sự phát triển của các quốc gia nói chung, các tổ chức nói riêng. Đây chính là sự phân định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền trên cơ sở bảo đảm sự phù hợp giữa chức năng, nhiệm vụ với năng lực và điều kiện thực tế của từng cấp. Thực chất quá trình này nhằm tăng thêm tính chủ động, tính chịu trách nhiệm, sự năng động của chính

quyền địa phương, khắc phục được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

Quá trình này cũng góp phần thúc đẩy sự phát triển dân chủ thông qua việc cung cấp những cơ hội tốt hơn để người dân tham gia trực tiếp vào các quá trình ra quyết định của các cơ quan Nhà nước; tăng cường hiệu quả của việc cung cấp các dịch vụ công; thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội dựa trên sự am hiểu chính xác điều kiện kinh tế - xã hội và các đặc điểm về địa lý, dân cư... của chính quyền địa phương. Trên cơ sở đó chính quyền địa phương đề ra các kế hoạch và chính sách đúng đắn cho việc phát triển, phát huy thế mạnh của mỗi địa phương; tăng cường sự giám sát của Nhân dân, thúc đẩy tự quản địa phương.

Dù trong quá trình tổ chức thực hiện chủ trương này cũng đã xuất hiện một số vấn đề cần được nghiên cứu, hoàn thiện, nhưng đây vẫn là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh sự cần thiết phải “Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của Trung ương và địa phương”<sup>(5)</sup>. Đây cũng là một trong những yêu cầu trong phát triển hiện nay.

Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch một phần quyền lực Nhà nước sang cho người dân và xã hội cũng tương đối rõ nét trong những năm gần đây. Cụ thể, phạm vi quyền lực Nhà nước đã có sự điều chỉnh. Quyền lực Nhà nước, các nguồn lực của Nhà nước được ưu tiên sử dụng để khắc phục các thất bại của thị trường và nhằm thực hiện những mục tiêu của Nhà nước. Nhiều lĩnh vực trước đây thuộc phạm vi thẩm quyền của Nhà nước, đến nay đã được trao cho thị trường thông qua hình thức xã hội hóa hoặc đối tác công - tư. Nhiều thủ tục hành chính trước đây do Nhà nước đảm nhận, giờ khu vực tư nhân có thể tham gia.

Đối với những vấn đề của người dân ở cơ sở, trước đây, Nhà nước là chủ thể chính đưa ra quyết định và tổ chức thực

hiện. Từ khi Luật Thực hiện Dân chủ ở cơ sở, Nhà nước đã chuyển quyền quyết định đó sang cho người dân. Với phương châm, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”, người dân có một vai trò ngày càng quan trọng trong việc quyết định những vấn đề liên quan đến bản thân mình tại cơ sở.

*Thứ ba*, tăng cường các biện pháp kiểm soát quyền lực chính trị.

Trong những năm gần đây, kiểm soát quyền lực chính trị ở Việt Nam đã có những bước tiến đáng ghi nhận. Chúng ta không chỉ thiết lập được cơ chế kiểm soát quyền lực đối với bộ máy Nhà nước, mà còn thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực đối với tổ chức đảng và đảng viên; đồng thời phát huy các phương thức kiểm soát quyền lực từ các tổ chức đảng, từ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội, từ truyền thông báo chí và từ chính Nhân dân.

Đối với Nhà nước, chúng ta cũng đã thiết lập được một cơ chế kiểm soát quyền lực. Cụ thể: (1) Đã dần thiết lập được cơ chế kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan Nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được chế định trong Hiến pháp. Quốc hội thực hiện kiểm soát quyền hành pháp và tư pháp thông qua quyền giám sát tối cao đối với các cơ quan này; (2) Quyền lực được kiểm soát thông qua các chế định về bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ. Các cơ chế này cũng góp phần ngăn chặn nguy cơ lạm dụng quyền lực vì mục đích cá nhân hoặc hạn chế hiệu quả sử dụng quyền lực vì lý do năng lực; (3) Quyền lực được kiểm soát thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên trong bộ máy Nhà nước. Trong thời gian qua, phương thức lãnh đạo của Đảng bằng công tác kiểm tra, giám sát đã được thể chế hóa và đang ngày càng phát huy hiệu quả. Thực tế cho thấy, nhiều vi phạm nghiêm trọng trong bộ máy Nhà nước lại được phát hiện bởi ủy

ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban Kiểm tra Đảng các cấp. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng đi trước một bước, mở đường cho các hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước.

Đối với Đảng, trong điều kiện Việt Nam chỉ có một Đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, thì việc kiểm soát quyền lực trong Đảng là hết sức cần thiết. Trong thời gian qua, các cơ chế kiểm soát quyền lực đối với tổ chức đảng và đảng viên cũng ngày càng chặt chẽ hơn. Về cơ bản, việc kiểm soát quyền lực của Đảng hiện nay được thực hiện theo các cơ chế sau: (1) Kiểm soát thông qua các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Tùy theo tình hình thực tiễn và yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong mỗi giai đoạn, một số nguyên tắc về tổ chức, hoạt động của Đảng được triển khai thành những quy định cụ thể; (2) Kiểm soát thông qua công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy và ủy ban kiểm tra đảng đối với đảng viên và các tổ chức đảng. Các hoạt động này góp phần quan trọng trong việc giám sát quyền lực trong Đảng. Trong Đảng còn có những quy định chặt chẽ, nghiêm khắc để kiểm soát hành vi của đảng viên. Cụ thể, gần đây, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 205-QĐ/TW “về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền”, trong đó xác định yêu cầu: “sử dụng cơ chế, biện pháp nhằm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác cán bộ; phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm các quy định của Đảng, Nhà nước, nhất là các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lạm quyền, lộng quyền, hoặc không thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và những việc phải làm trên cương vị được giao trong công tác cán bộ”<sup>(6)</sup>; (3) Kiểm soát thông qua các quy định của pháp luật: Theo đó, tổ chức đảng và đảng viên của Đảng hoạt

*Xem tiếp trang 59*

# GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

✧ Ths. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY  
Giảng viên Khoa Nhà nước pháp luật

*Tóm tắt: Phát triển bền vững đòi hỏi sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã sớm nhận thức và cảnh báo về những hậu quả do con người khai thác tài nguyên thiếu bền vững. Những dấu hiệu rõ nét như biến đổi khí hậu, sự gia tăng bất bình đẳng kinh tế trong đại dịch Covid-19 là những bằng chứng sống động về tính không bền vững của nhiều hệ thống kinh tế tư bản. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, Việt Nam đã kiên trì kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, hướng tới một tương lai phát triển bền vững và thịnh vượng.*

**C**hủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng cách mạng, khoa học, đã đóng vai trò nền tảng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn giữ nguyên giá trị và tiếp tục đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu này của thế hệ tương lai. Phát triển bền vững là phát triển bảo đảm kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế bền vững với phát triển xã hội bền vững và bảo vệ môi trường

bền vững. Tư tưởng về phát triển bền vững đã xuất hiện ở trong những tác phẩm của các nhà kinh điển Mác - Lênin về mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên. Cơ sở của sự luận giải đó bắt nguồn từ cái chung phổ biến, cái gốc sâu xa là thế giới quan, phương pháp luận triết học về quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên. Từ cuối thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăng ghen đã cảnh báo về hậu quả của mất cân bằng trong quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên do chính bản thân con người gây nên. Theo Ph.Ăngghen: “Chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của mình đối với giới tự nhiên. Bởi vì, cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi là một lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà

minh hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được - những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó”<sup>(1)</sup>. Ph.Ăng-ghe-n đã xác định thái độ ứng xử phù hợp với tự nhiên trên tinh thần khoa học: “...Và những sự việc đó nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một kẻ sống ngoài giới tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác là chúng ta nhận thức được quy luật tự nhiên và sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác”<sup>(2)</sup>.

Ngày nay, các quốc gia, dân tộc, đặc biệt là giới lãnh đạo các nước tư bản phát triển cũng đã phải thừa nhận sự “trả thù” của tự nhiên đối với con người, xã hội hiện nay ngày càng lớn, tác động trực tiếp đến phát triển bền vững và đang trở thành mối đe dọa trực tiếp đối với sự tồn vong của nhân loại. Luận điểm trên của các nhà kinh điển Mác - Lênin cho thấy, con người hoàn toàn có thể làm chủ mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên theo yêu cầu khách quan, vốn có của nó và thực hiện được phát triển bền vững. Tình trạng mất cân bằng sinh thái hiện nay không phải do con người không có khả năng giải quyết, mà do lợi ích cục bộ của giai cấp bóc lột và do thiếu hiểu biết, thiếu ý thức trách nhiệm trong bảo vệ tự nhiên. Xoá bỏ chế độ xã hội có giai cấp theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin bằng đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội tiến lên chủ nghĩa

xã hội trên toàn thế giới thì con người hoàn toàn có thể giải quyết được mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên một cách khoa học và bảo đảm cho phát triển được bền vững. Trong thế giới không còn giai cấp, tức là lợi ích cá nhân, bộ phận thống nhất với lợi ích chung và được nhận thức, hành động theo tinh thần con người tự giác đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng là cơ sở thực tế cho thực hiện phát triển bền vững. Cùng với điều đó, để có thể phát triển bền vững thì con người phải biết vận dụng quy luật của tự nhiên, của xã hội và những nguyên tắc về mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên vào mọi hoạt động của mình và trước hết là vào sản xuất vật chất một cách phù hợp. Con người khai thác tự nhiên thì cũng phải tái tạo lại tự nhiên để bù lại phần đã bị lấy đi. Khai thác tự nhiên còn phải tính toán đến phát triển trong tương lai. Toàn bộ những yêu cầu đó chỉ có thể tìm thấy cơ sở khoa học từ thế giới quan, phương pháp luận của các nhà kinh điển Mác - Lênin về mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên.

Thế giới đã chứng kiến có những quốc gia phải trả những cái giá rất đắt vì quan điểm phát triển kinh tế bằng mọi giá, hy sinh môi trường tự nhiên, hy sinh cả môi trường xã hội, theo đó, dù có phát triển về kinh tế nhưng môi trường tự nhiên bị hủy hoại nghiêm trọng, đe dọa tính mạng và sức khỏe của người dân. Bên cạnh đó, một số quốc gia vì phát triển kinh tế theo những phương thức đầy rủi ro dẫn đến văn hóa xã hội bị xuống cấp, các giá trị văn hóa truyền thống bị hủy hoại, nhân phẩm của con người bị coi nhẹ, bị chà đạp. Trong các phương thức phát triển kinh tế đó, của cải làm ra nhiều nhưng không làm cho con người sung sướng, hạnh phúc, mà sự phát triển ấy luôn song hành cùng nguy cơ nảy

sinh những rủi ro lớn. Diễn hình như trong đại dịch Covid-19, người giàu trên thế giới ngày càng giàu trong khi người nghèo càng trở nên khó khăn. Điều này được phản ánh trong Báo cáo bất bình đẳng thế giới (WIR) do tổ chức World Inequality Lab thực hiện. Báo cáo cho biết: giá trị tài sản mà các tỷ phú trên thế giới sở hữu trong năm 2021 chiếm 3,5% giá trị tài sản toàn cầu, cao hơn nhiều so với mức 2% khi dịch bệnh bắt đầu bùng phát vào đầu năm 2020. Nhà kinh tế học người Pháp Lucas Chancel - tác giả báo cáo - nhấn mạnh cuộc khủng hoảng Covid-19 đã làm gia tăng bất bình đẳng giữa những người rất giàu và phần còn lại của thế giới. Một nhóm 520.000 người trưởng thành giàu nhất - chỉ chiếm 0,01% dân số thế giới - năm 2021 sở hữu 11% tài sản toàn cầu, tăng so với con số 10% năm 2020. Người nằm trong nhóm thiểu số này sở hữu tài sản có giá trị ít nhất 16,7 triệu euro (19 triệu USD). Danh sách các tỷ phú thế giới hằng năm do Forbes bình chọn năm 2021 cho thấy, số tỷ phú kỷ lục 2.755 người nắm giữ tổng giá trị tài sản lên tới 13.100 tỷ USD, tăng mạnh so với con số 8.000 tỷ USD ghi nhận năm 2020<sup>(3)</sup>. Như vậy, có thể thấy trong dịch bệnh Covid-19, có không ít người lâm cảnh khốn cùng, phải lo ăn từng bữa, nhưng đồng thời giới siêu giàu vẫn đang phát lên một cách nhanh chóng. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của nó. Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa và cho thấy, bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn, làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa lao động và tư bản toàn cầu. Đó là hậu quả của

một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội.

Từ thực tế đó, Việt Nam chúng ta cần rút ra kinh nghiệm cho đất nước để chọn phương thức phát triển kinh tế bền vững, phù hợp thể chế chính trị, với văn hóa và con người Việt Nam. Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng, là kim chỉ nam cho mọi hành động, vì vậy tư tưởng của các nhà kinh điển về mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên đã và đang được nghiên cứu, vận dụng một cách có hiệu quả vào giải quyết vấn đề phát triển bền vững ở nước ta hiện nay. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề phát triển bền vững. Về bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng là xã hội phát triển hài hòa, tiến bộ, công bằng vì con người. Sự khác biệt rất cơ bản giữa bản chất xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với chủ nghĩa tư bản là: chúng ta không chạy theo kinh tế đơn thuần và bằng mọi giá mà luôn luôn gắn kết hài hòa với yếu tố xã hội, bảo đảm lợi ích chân chính của Nhân dân lao động. Sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Mỗi chính sách kinh tế của Đảng là gắn với chính sách xã hội, coi trọng và phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vì một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn và vì khuyến khích Nhân dân làm giàu. Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng

xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt đến trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để đảm bảo sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Có thể thấy đây là những quan điểm hết sức rõ ràng và sáng suốt trong việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Điều này được Nhà nước Việt Nam cụ thể hóa qua các chủ trương, chính sách trong quá trình phát triển kinh tế xã hội như: thông qua nguồn thu ngân sách, chính phủ điều tiết phân bổ nguồn lực phù hợp với nhu cầu của các địa phương, dành nguồn lực để tập trung đầu tư vào các công trình trọng điểm, then chốt, ngoài ra chi tiêu vào các công trình phúc lợi, công cộng, các chính sách an sinh xã hội nhằm đảm bảo sự phát triển đồng đều, hài hòa giữa các địa phương, vùng miền, các nhóm dân cư..., đảm bảo cho mọi người dân được thụ hưởng các dịch vụ cơ bản thiết yếu như y tế, giáo dục như nhau. Đặc biệt, trong

chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng thì phúc lợi xã hội thể hiện rõ qua quan điểm “không ai bị bỏ lại phía sau”. Trong đại dịch Covid-19, mặc dù nguồn lực kinh tế đất nước có hạn nhưng Nhà nước ta vẫn nỗ lực ở mức cao nhất để chăm sóc sức khỏe, chăm lo đời sống của Nhân dân, nhất là những người bị tổn thương do dịch bệnh.

Bên cạnh đó, bằng những hành động cụ thể như: hoàn thiện chính sách và pháp luật về môi trường; phát triển năng lượng tái tạo kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; kiểm soát ô nhiễm không khí, nước và chất thải rắn; bảo vệ rừng và đa dạng sinh học; hợp tác quốc tế và cam kết giảm phát thải đã cho thấy Việt Nam đang có những bước đi mạnh mẽ để vừa phát triển kinh tế, vừa bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

Tuy nhiên trong bối cảnh thế giới đang thay đổi nhanh chóng với những thách thức lớn như biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị, khủng hoảng kinh tế và sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam đứng trước yêu cầu cấp thiết phải duy trì mục tiêu phát triển bền vững. Điều này không chỉ giúp đảm bảo tăng trưởng kinh tế lâu dài mà còn góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Để đạt được điều đó, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường như sau:

*Thứ nhất, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường*

Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách về phát triển bền vững. Một trong những yếu tố quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững là việc xây dựng và thực thi các chính sách phù hợp. Việc khuyến

khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch thông qua các ưu đãi về thuế và vốn vay sẽ tạo động lực để nền kinh tế chuyển đổi theo hướng xanh hơn. Việt Nam đã ban hành Luật Bảo vệ Môi trường 2020 nhằm kiểm soát chặt chẽ tác động của hoạt động kinh tế đối với môi trường, đồng thời khuyến khích áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn. Chính phủ cũng đang triển khai chiến lược tăng trưởng xanh, trong đó đưa ra các quy định về phân loại rác thải, tiêu chuẩn khí thải và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc giảm thiểu ô nhiễm.

Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường. Chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng trong việc giúp Việt Nam quản lý tài nguyên và môi trường một cách hiệu quả hơn. Các hệ thống giám sát chất lượng không khí, nước thải bằng AI và IoT đang được triển khai tại nhiều khu công nghiệp và đô thị lớn. Ngoài ra, việc phát triển nhà máy thông minh và ứng dụng công nghệ sản xuất xanh giúp doanh nghiệp giảm tiêu thụ tài nguyên, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Đảm bảo an ninh lương thực và phát triển nông nghiệp bền vững. Biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, đòi hỏi Việt Nam phải có những bước đi chiến lược để đảm bảo an ninh lương thực. Việc phát triển nông nghiệp hữu cơ, giảm sử dụng thuốc trừ sâu và áp dụng công nghệ cao như tưới nhỏ giọt, canh tác thông minh giúp nâng cao hiệu suất sản xuất và bảo vệ môi trường. Đồng thời, bảo vệ rừng đầu nguồn và nguồn nước cũng là nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo sự bền vững của hệ sinh thái nông nghiệp. Một sản phẩm có chất lượng, được sản xuất ra với hiệu quả cao sẽ luôn có chỗ đứng trong thương mại toàn cầu,

bất kể môi trường thay đổi như thế nào.

Phát triển văn hóa bền vững và nâng cao ý thức cộng đồng. Bên cạnh các yếu tố kinh tế và môi trường, văn hóa cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững. Việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ giúp gìn giữ giá trị truyền thống mà còn góp phần phát triển du lịch bền vững. Các làng nghề truyền thống, di sản văn hóa và lễ hội dân gian cần được bảo vệ và phát huy để trở thành một phần của nền kinh tế sáng tạo. Bên cạnh đó, việc nâng cao ý thức cộng đồng về tiêu dùng bền vững, giảm sử dụng nhựa dùng một lần và tham gia các phong trào bảo vệ môi trường sẽ giúp thay đổi thói quen sinh hoạt của người dân theo hướng thân thiện hơn với môi trường.

*Thứ hai, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và đảm bảo những vấn đề xã hội*

Thích ứng với xu hướng già hóa dân số và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi. Già hóa dân số đang trở thành một thách thức lớn đối với Việt Nam khi tỷ lệ người cao tuổi ngày càng tăng, đặt áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và lao động. Nếu không có các biện pháp kịp thời, vấn đề này có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế và chất lượng sống của người dân. Để thích ứng với tình trạng này, Việt Nam cần cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội nhằm đảm bảo quyền lợi cho người cao tuổi và xây dựng các mô hình chăm sóc sức khỏe tại nhà và cộng đồng, ứng dụng công nghệ trong y tế để hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa. Đồng thời, nhà nước cần khuyến khích người cao tuổi tiếp tục tham gia thị trường lao động bằng cách đào tạo kỹ năng mới, tạo cơ hội làm việc phù hợp và hỗ trợ họ trong việc khởi nghiệp, từ đó tận dụng kinh nghiệm của họ vào sự phát triển của nền kinh tế.

Giảm bất bình đẳng vùng miền và nâng cao chất lượng sống tại nông thôn. Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của các thành phố lớn, khoảng cách giữa nông thôn và thành thị vẫn còn khá lớn, đặc biệt về cơ hội giáo dục, việc làm và cơ sở hạ tầng. Một trong những giải pháp quan trọng là đầu tư vào hạ tầng số tại các khu vực nông thôn, giúp người dân tiếp cận với internet, thương mại điện tử và các dịch vụ tài chính số. Việc áp dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp thông minh sẽ giúp tối ưu hóa năng suất và cải thiện đời sống của nông dân. Ngoài ra, chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp ngay tại quê hương, giúp họ có cơ hội phát triển mà không cần phải di cư lên thành phố.

Giải quyết các vấn đề lao động trong thời đại chuyển đổi số. Sự phát triển của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi cơ cấu thị trường lao động, đặt ra thách thức lớn đối với người lao động truyền thống. Nếu không có sự chuẩn bị tốt, nhiều lao động sẽ đối mặt với nguy cơ mất việc làm hoặc không đáp ứng được yêu cầu của công việc mới. Để giải quyết vấn đề này, hệ thống giáo dục cần được cải tiến theo hướng linh hoạt hơn, tập trung đào tạo kỹ năng số, an ninh mạng và phân tích dữ liệu. Đồng thời, các chính sách bảo vệ lao động tự do (freelancer, tài xế công nghệ, nhà sáng tạo nội dung...) cần được đẩy mạnh nhằm đảm bảo họ được hưởng các quyền lợi như bảo hiểm xã hội và chế độ bảo vệ lao động. Ngoài ra, mô hình làm việc linh hoạt như làm việc từ xa hay tuần làm việc ít ngày hơn cũng cần được khuyến khích để cân bằng giữa công việc và cuộc sống.

Cải cách hệ thống y tế theo hướng thông minh và cá nhân hóa. Hệ thống y tế hiện tại vẫn còn nhiều bất cập, đặc biệt là

tình trạng quá tải ở bệnh viện tuyến trên và sự thiếu hụt nhân lực y tế ở vùng sâu, vùng xa. Việc ứng dụng công nghệ vào y tế là một giải pháp quan trọng, trong đó sử dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ chẩn đoán bệnh, triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và mở rộng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa. Bên cạnh đó, Việt Nam cần tập trung vào y tế dự phòng, khuyến khích lối sống lành mạnh và nâng cao ý thức chăm sóc sức khỏe ngay từ khi còn trẻ. Việc hợp tác với khu vực tư nhân để phát triển bệnh viện chất lượng cao với chi phí hợp lý cũng sẽ giúp cải thiện dịch vụ y tế cho người dân.

Quan điểm về phát triển bền vững không phải là vấn đề mới nhưng đang trở thành nhu cầu cấp bách và là xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của toàn cầu. Những giá trị khoa học, thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin đã tạo tiền đề, định hướng cho hiện thực hoá quan điểm của Đảng ta về phát triển bền vững. Hầu hết các mục tiêu phát triển bền vững đã được bao hàm trong hệ thống thể chế Quốc gia của Việt Nam, đặc biệt là Hiến pháp hiện hành; trong các nghị quyết, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhận thức toàn diện các mục tiêu phát triển bền vững là điều cần thiết, đó vừa là động lực, vừa là cách thức để biến các mục tiêu phát triển phồn vinh và hạnh phúc trở thành hiện thực./.

#### Chú thích:

(1),(2). C.Mác và Ph.Ăng-ghen - Toàn tập - NXB Chính trị Quốc gia, H.2002, Tập 20, tr. 654-655

(3). <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/gioi-sieu-giau-tang-manh-ti-le-nam-giu-tai-san-toan-cau-96840.html>

# VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

✧ Ths. NGUYỄN THỊ LAM  
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

**Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng là bộ phận đặc biệt quan trọng trong toàn bộ tư tưởng của Người và được hình thành, bổ sung, hoàn thiện gắn liền với tiến trình cách mạng nước ta. Từ thực tiễn hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa có vai trò là người lãnh đạo cách mạng, vừa là người đầy tớ trung thành của Nhân dân. Quán triệt tư tưởng của Người, Đảng ta khẳng định: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa thường xuyên, liên tục và lâu dài của Đảng.**

Năm 1927, khi Đảng ta chưa ra đời, Nguyễn Ái Quốc đã viết tác phẩm “Đường Kách mệnh” làm tài liệu huấn luyện cán bộ, chăm lo gây dựng lực lượng và phong trào cách mạng từ lớp thanh niên cộng sản đầu tiên của Đảng. Trong tác phẩm Người đã khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>(1)</sup>. Nói về “Tư cách một người cách mệnh”, Người tự nhủ mình và nhắn gửi các đồng chí của mình “Tự mình phải:... Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm, giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất”<sup>(2)</sup>. Như vậy, Người đặt vấn đề tu dưỡng, rèn luyện đạo đức lên hàng đầu để thực hành lý tưởng, trọn đời phấn đấu, hy sinh vì Nước, vì Dân.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Sau 15 năm Đảng đã lãnh đạo Nhân dân ta tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Từ đây, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền duy nhất lãnh

đạo Nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, trong nội bộ của Đảng đã bắt đầu xuất hiện một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện quan liêu, hủ hóa, tham ô, lãng phí,... đặc biệt là xuất hiện những “quan cách mạng” sa vào chủ nghĩa cá nhân. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiều biện pháp nhằm góp phần chấn chỉnh những biểu hiện trên của cán bộ, đảng viên. Ngày 17/9/1945, Người đã viết thư gửi các đồng chí tỉnh Nghệ An, đã chỉ rõ những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên và chính quyền ở các địa phương, cũng như vạch rõ phương hướng để khắc phục những khuyết điểm đó. Ngày 17/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục gửi thư cho ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, chỉ ra sáu lỗi lầm rất nặng nề của cán bộ cần sửa chữa là: Trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Ngày 18/01/1949, nói chuyện tại buổi bế mạc Hội nghị cán bộ của Đảng lần thứ sáu, Người khẳng định, cần phải “Chấn chỉnh bộ máy chính quyền từ dưới lên trên”, “Chỉnh đốn các đoàn thể quần chúng” và “Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng”<sup>(3)</sup>. Tháng 10/1947, với bút danh X.Y.Z., Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác

phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*” để tăng cường xây dựng Đảng, làm trong sạch bộ máy nhà nước. Nội dung trong cuốn sách đã chỉ ra cho cán bộ, đảng viên phải có bản lĩnh chính trị, niềm tin; rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng; nâng cao tinh thần đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và những “căn bệnh” phát sinh từ chủ nghĩa cá nhân; rèn luyện phương pháp lãnh đạo gần dân, trọng dân, hết lòng, hết sức vì hạnh phúc của Nhân dân, phấn đấu trở thành người chiến sĩ cách mạng chân chính. Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn Đảng ta: “Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, ... việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”<sup>(4)</sup>.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng chứa đựng những nội dung rất quan trọng, mang giá trị định hướng sâu sắc, tập trung ở năm nội dung: Chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Người không xem nhẹ bất cứ nội dung nào, mà luôn chú trọng xây dựng trên tất cả các mặt.

*Xây dựng Đảng về chính trị:* Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng về chính trị thực chất là xây dựng đường lối chính trị của Đảng, thể hiện qua Cương lĩnh chính trị và các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng. Từ đó, Đảng mới có đường lối chiến lược cũng như phương hướng, kế hoạch rõ ràng, cụ thể để lãnh đạo toàn diện Nhà nước và xã hội. Đảng luôn chú trọng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng. Do đó, ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã chú trọng đến nội dung xây dựng Đảng về chính trị. Trong tác phẩm *Đường Cách mệnh* và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều khẳng định, Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm “nòng cốt”, làm nền tảng tư tưởng và “kim chỉ nam” cho mọi hoạt động của mình. Người luôn căn dặn mỗi cán bộ, đảng viên không bao giờ được quên rằng, mục tiêu cuối cùng của Đảng là đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lập trường kiên định của Đảng là độc lập dân

tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, lập trường của Đảng là mục tiêu, lập trường của giai cấp công nhân, của Nhân dân lao động, của toàn thể dân tộc và được thể hiện rõ trong Cương lĩnh chính trị, chủ trương, đường lối của Đảng.

*Xây dựng Đảng về tư tưởng:* Trung thành, vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin là nội dung then chốt trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Người luôn yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng cần phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin. Người chỉ rõ: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế... Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông... Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải học lý luận, phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế... Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên”<sup>(5)</sup>. Học lý luận là để nắm vững lý luận và phải biết vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào các tình huống khác nhau của đời sống xã hội. Có như vậy, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin mới thực sự đóng vai trò là hạt nhân chính trị, là “kim chỉ nam” cho mọi hoạt động thực tiễn của Đảng.

*Xây dựng Đảng về đạo đức:* Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là đạo đức, là văn minh. Mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân. Tư tưởng xây dựng Đảng về đạo đức được thể hiện rất rõ trong lý luận và hoạt động thực tiễn của Người. Người luôn coi trọng việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Trong Di chúc, Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công

vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”<sup>(6)</sup>. Xây dựng Đảng về đạo đức chính là xây dựng gốc rễ tinh thần vững chắc của Đảng. Đặc biệt, trong điều kiện Đảng cầm quyền, việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng về mặt đạo đức càng phải được tiến hành thường xuyên, liên tục.

*Xây dựng Đảng về tổ chức:* Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, xây dựng Đảng về tổ chức là vấn đề có ý nghĩa then chốt; sức mạnh của Đảng là sức mạnh của tổ chức, là sức mạnh của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, từ các cơ quan nhà nước đến các đoàn thể nhân dân. Theo Người, xây dựng Đảng về tổ chức là làm cho Đảng trở thành một tổ chức chính trị trong sạch, vững mạnh; một tổ chức có sức mạnh chiến đấu với một đội ngũ cán bộ, đảng viên thường xuyên học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, luôn gắn bó mật thiết với Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ tổ chức. Tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương phải thật sự chặt chẽ, có ý thức kỷ luật cao. Trong hệ thống tổ chức đảng, Người rất coi trọng vai trò của chi bộ; chi bộ là tổ chức hạt nhân chính trị ở cơ sở, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng; là môi trường trực tiếp cho đảng viên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và là nơi giám sát đảng viên.

*Xây dựng Đảng về công tác cán bộ:* Nhận thức rõ vai trò tầm quan trọng của người cán bộ, đảng viên trong sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt ra chính sách đúng. Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”<sup>(7)</sup>. Theo đó, việc sử dụng, cất nhắc cán bộ “phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái”<sup>(8)</sup>. Trên cơ sở những ưu

điểm, năng lực của người cán bộ mà đề bạt, cất nhắc họ một cách khách quan, công tâm, đúng người, đúng việc. Người làm công tác cán bộ “nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang, nhất định không ai phục” và như thế là “có tội với Đảng, có tội với đồng bào”<sup>(9)</sup>. Người căn dặn Đảng trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào để Đảng có được những cán bộ, đảng viên tốt, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, Đảng phải hết sức quan tâm đến công tác đào tạo cán bộ, “bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau”, phải coi đó là “một việc rất quan trọng và rất cần thiết”<sup>(10)</sup>.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đó là nhiệm vụ then chốt, quyết định đến sức mạnh, uy tín và cầm quyền của Đảng. Tại Đại hội IV (năm 1976), Đảng ta đã tổng kết công tác xây dựng Đảng được thực hiện theo phương châm: Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về “chính trị, tư tưởng và tổ chức”. Đại hội XI, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012, của Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” chỉ rõ, một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện vô nguyên tắc. Tình trạng đó gây nên sự bất bình và lo lắng trong Nhân dân, làm giảm sút lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, là nguy cơ đe dọa trực tiếp đến sự sống còn của Đảng, của chế độ. Chính vì vậy, làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đang là vấn đề cấp bách, bức thiết hiện nay đối với Đảng. Đến Đại hội XII của Đảng (năm 2016), Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016, “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính

trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hoá” trong nội bộ”. Nghị quyết này đã thể hiện ý chí, quyết tâm chính trị rất cao của Đảng ta đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới. Tại Đại hội XIII của Đảng (năm 2021), công tác xây dựng Đảng về cán bộ đã trở thành nhiệm vụ đặc biệt quan trọng: “Phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”<sup>(11)</sup>. Đồng thời, Đại hội cũng khẳng định, công tác cán bộ là “khâu then chốt” của “nhiệm vụ then chốt” xây dựng Đảng vững mạnh về “chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”. Từ đó, đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện, mạnh mẽ hơn nữa công tác cán bộ trong thời gian tới.

Quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thời gian tới chúng ta cần tập trung vào một số nội dung sau:

*Thứ nhất, xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được xem là việc làm thường xuyên, liên tục của Đảng.* Sự lãnh đạo của Đảng là tất yếu và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Vì vậy Đảng ta đặt ra yêu cầu phải xây dựng Đảng và chỉnh đốn Đảng thường xuyên và liên tục. Cách mạng luôn chuyển biến theo hướng đặt ra yêu cầu và nội dung ngày càng cao, nhiệm vụ ngày càng nặng nề, phức tạp; vì thế, cần xây dựng Đảng để Đảng không bị tụt hậu trước những chuyển biến đó. Thực tiễn cho thấy, nếu Đảng không giữ được bản chất cách mạng của mình, không thật sự vững vàng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; không trong sạch về đạo đức, không được quần chúng Nhân dân ủng hộ, thì không thể đứng vững và không đủ sức lãnh đạo đưa đất nước đi lên. Chính vì vậy, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một nội dung quan trọng, là nhiệm vụ thường xuyên của Đảng ta. Đặc biệt, trong những bước ngoặt của cách mạng, việc tự chỉnh đốn, tự đổi mới của Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối

với Đảng và chế độ. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhu cầu tự hoàn thiện của Đảng, là nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

*Thứ hai, xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành đồng bộ, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.* Xây dựng, chỉnh đốn Đảng cần phải được tiến hành đồng bộ trên cả năm mặt: Chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Năm nội dung đó có mối quan hệ mật thiết, gắn bó; trong đó, xây dựng Đảng về đạo đức đóng vai trò là nền tảng, phải mang tính toàn diện, thể hiện trong tất cả hoạt động trên các mặt công tác của Đảng; đồng thời, đạo đức của Đảng được thể hiện cụ thể, chân thực, rõ nét qua phẩm chất đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên. Do vậy, xây dựng Đảng về đạo đức trước hết là xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, cho tổ chức đảng. Đối với cán bộ, đảng viên, những chuẩn mực cần đạt được là tuyệt đối trung với nước, hiếu với dân, kiên định lý tưởng của Đảng, là “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”; giàu tinh thần nhân ái, yêu thương con người, có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, có bản lĩnh chống lại chủ nghĩa cá nhân,...

Để công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng mang lại hiệu quả, thì cần phát huy tốt vai trò của cả hệ thống chính trị, nhất là phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Muốn vậy, Đảng phải thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên; tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Người chỉ rõ: “Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi. Vì vậy, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại”<sup>(12)</sup>.

*Thứ ba, xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành chặt chẽ theo các nguyên tắc xây dựng Đảng.* Để Đảng Cộng sản

Việt Nam trở thành một tổ chức chặt chẽ, thống nhất và mạnh mẽ, một đảng mác-xít chân chính, thì Đảng phải được xây dựng theo những nguyên tắc đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng sáng tạo nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và xây dựng một đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà Người còn bổ sung, phát triển, làm sáng tỏ bản chất của các nguyên tắc và mối quan hệ biện chứng của chúng vào thực tiễn xây dựng Đảng ở Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức chặt chẽ theo năm nguyên tắc cơ bản: Nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, nguyên tắc đoàn kết thống nhất, nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, nguyên tắc hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc cốt lõi, cơ bản nhất trong năm nguyên tắc hoạt động của Đảng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung. Nghĩa là: có Đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất, cơ quan lãnh đạo thống nhất. Cá nhân phải phục tùng đoàn thể, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương”<sup>(13)</sup>. Nguyên tắc này bảo đảm cho mục tiêu quan trọng là Đảng tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Tập trung và dân chủ không đối lập nhau, mà có sự gắn bó mật thiết với nhau. Tập trung trên nên tăng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung, nếu không có tập trung thì dân chủ sẽ đi đến vô tổ chức, nếu không có dân chủ thì tập trung sẽ dẫn đến độc đoán, chuyên quyền.

Tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Để tự phê bình và phê bình trong Đảng thực sự có hiệu quả thì phải tiến hành thường xuyên, nghiêm chỉnh như việc rửa mặt mỗi ngày; phải xuất phát từ tình đồng chí thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, có lý, có tình, không phải để nói xấu nhau, trù dập nhau; phải phê bình việc, chứ không phê

binh người; phải bảo đảm dân chủ, từ dưới lên và từ trên xuống. Đặc biệt coi trọng vai trò nêu gương của những cán bộ, đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý, theo tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”<sup>(14)</sup>. Tiến hành tự phê bình và phê bình phải nhằm đến mục tiêu đoàn kết trong Đảng hơn.

*Thứ tư, phát triển Đảng từ thế hệ trẻ, nhất là trong lực lượng vũ trang, trong thanh niên trí thức, phát triển số lượng đi liền với nâng cao chất lượng, nhất là về đạo đức.* Phát triển Đảng, nhất là từ thế hệ trẻ là công việc quan trọng không được xem nhẹ trong xây dựng Đảng, đảm bảo tính kế thừa thế hệ, tính liên tục phát triển của Đảng ta. Thực tiễn cách mạng của Đảng, nhất là trong công cuộc đổi mới hiện nay cho thấy, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng đối với đất nước. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm cho Đảng ngang tầm nhiệm vụ, xứng đáng là một Đảng chân chính cách mạng, lãnh đạo và cầm quyền./

#### *Chú thích:*

- (1). Hồ Chí Minh – *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t 2, 2011, tr. 289
- (2). Hồ Chí Minh – *Toàn tập*, Sđd, t 2, tr. 280
- (3). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, 2011, t. 6, tr.15
- (4). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, 2011, t. 15, tr. 616
- (5). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 273-275
- (6). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 309
- (7). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, 2011, t. 5, tr.321
- (8). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, 2011, t. 5, tr.321
- (9). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr.321
- (10). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr. 622
- (11). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.I, tr. 18
- (12). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 326
- (13). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 275
- (14). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 284

# KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC GÓP PHẦN MINH BẠCH HOÁ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA ĐẢNG

✧ Ths. CHU THỊ THU HUYỀN

Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng

*Tóm tắt: Quán triệt sâu sắc quan điểm “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ”, trong những năm gần đây, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, quy định nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác cán bộ. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, công tác cán bộ vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, nhất là việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực, thiếu tiêu chuẩn, chưa thật sự công khai, minh bạch... Việc buông lỏng kiểm soát quyền lực dẫn đến lạm quyền, tha hoá quyền lực được xem là một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập nêu trên, làm ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ. Do đó, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, minh bạch hóa công tác cán bộ là yêu cầu cấp bách hiện nay.*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>; “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>2</sup>. Văn kiện Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII cũng chỉ rõ: “Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng”<sup>3</sup>. Để có đội ngũ cán bộ tốt thì công tác cán bộ của Đảng phải thực sự là minh bạch, công tâm, khách quan. Đồng thời, “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ”<sup>4</sup>. Đây là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta và được thể chế hóa thành những quy định cụ thể nhằm sàng lọc, lựa chọn

đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, công tác cán bộ của Đảng còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập cần giải quyết triệt để như: Quy trình công tác cán bộ vẫn còn hình thức; đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu; kết quả đánh giá nhiều nơi chưa phản ánh đúng thực chất; chưa chú trọng đào tạo theo chức danh lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm; việc luân chuyển, sắp xếp, bố trí, sử dụng, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ trong một số trường hợp đúng quy trình nhưng chưa đúng người, đúng việc; tình trạng bổ nhiệm cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện ở một số địa phương gây bức xúc trong dư luận; công tác tuyển dụng còn nhiều hạn chế; chất lượng một số cán bộ, công chức, viên chức được tuyển dụng chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều nơi xảy ra sai phạm, tiêu cực; chủ trương thu hút

hiền tài chưa được như kỳ vọng... Đây là những hạn chế yếu kém phổ biến ở nhiều địa phương, nguy cơ “chảy máu chất xám” trong môi trường công vụ và tạo dư luận xấu, làm mất uy tín của Đảng và tiềm ẩn nhiều nguy cơ nảy sinh tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đánh giá: “Việc đổi mới công tác cán bộ chưa có đột phá lớn. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhất... Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi... Những hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ là một trong những điểm yếu, cản trở sự phát triển”.

Có thể thấy rằng, quá trình thực thi quyền lực trong công tác cán bộ đã phát sinh nhiều tiêu cực gây ảnh hưởng xấu tới uy tín, danh dự của Đảng, Nhà nước, làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác lãnh đạo, quản lý. Đảng quy định cụ thể về phân cấp, thẩm quyền, quy trình công tác cán bộ, tuy nhiên có không ít cấp ủy ở các địa phương, cơ quan, đơn vị lạm dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm. Hiện tượng bỏ nhiệm thần tốc, bỏ nhiệm sai quy trình, quy định; không đúng người, đúng việc... đã để lại những hệ lụy rất lớn về chất lượng đội ngũ cán bộ, vi phạm nguyên tắc, tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng; làm mất cơ hội để lựa chọn, bổ nhiệm người tài, triệt tiêu động lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên. Đây là một trong những vấn đề đặt ra và là một yêu cầu khách quan, cấp bách trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị hiện nay.

Để ngăn chặn lạm quyền, đồng thời chấn chỉnh, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức chạy quyền, một trong những giải pháp có tính then chốt, quyết định đó là “nhốt quyền lực vào cái lồng cơ chế”, là “kiểm soát quyền lực”.

Kiểm soát quyền lực được coi là công cụ để minh bạch hoá công tác cán bộ, tránh các hình thức tiêu cực “chạy chức, chạy quyền” làm sai lệch, phá vỡ nguyên tắc của Đảng. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 205-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền. Đây là dấu mốc quan trọng, là lần đầu tiên Đảng ta xác định công tác cán bộ có thể hình thành nên một loại quyền lực cần được kiểm soát. Cũng tại quy định này, lần đầu tiên Đảng chỉ rõ các hành vi “chạy chức, chạy quyền” và bao che, tiếp tay cho “chạy chức, chạy quyền” là những biểu hiện gắn liền với công tác cán bộ. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: “Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, gắn với kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng”.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII, ngày 11/7/2023, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Quy định 114-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Ở quy định này, quyền lực trong công tác cán bộ được chỉ rõ hơn, đầy đủ hơn, gồm các thẩm quyền của tổ chức, cá nhân trong tất cả khâu liên quan đến công tác cán bộ như: Tuyển dụng, đánh giá, lấy phiếu tín nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức vụ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức... Bên cạnh đó, quy định này cũng chỉ rõ các hành vi có nguy cơ làm tha hóa quyền lực trong công tác cán bộ, làm sai quy trình công tác cán bộ và được gọi chung là các hành vi tham

những, tiêu cực trong công tác cán bộ, bao gồm các hành vi chạy chức, chạy quyền, hành vi lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn và những hành vi tiêu cực khác. Ở đây, các hành vi được nhận diện vừa bao quát hơn, vừa cụ thể hơn, đồng thời có tính mở để tiếp tục được cụ thể hóa tùy theo tình hình thực tiễn. Thực tế cho thấy, đối với những hành vi vi phạm ở bất kỳ lĩnh vực nào, càng được nhận diện rõ thì càng dễ phòng ngừa, càng quy định cụ thể thì càng dễ kiểm soát.

Quy định về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ được xem là một trong những công cụ quan trọng thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng trong cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực, hướng tới mục tiêu xây dựng bộ máy ngày càng tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Để tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt cơ chế kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, trong thời gian tới cần quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

*Một là*, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác cán bộ của Đảng. Nâng cao nhận thức là vấn đề cốt lõi, quan trọng nhất để tạo chuyển biến về hành động. Việc chú trọng công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cấp uỷ, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của công tác cán bộ, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Bên cạnh đó, cần quan tâm giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, nâng cao sức đề kháng và khả năng dự báo, ứng phó cho đội ngũ cán bộ, nhất là lực lượng làm công tác tổ chức cán bộ. Hoàn thiện cơ chế giám sát việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

*Hai là*, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, nguyên tắc, chủ trương của

Đảng về công tác cán bộ, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm sự đồng bộ, liên thông, thống nhất giữa các cấp, các ngành, các khâu của công tác cán bộ; giữa các quy định của Đảng và Nhà nước, sát với thực tế, có tính khả thi và sức lan tỏa. Trong đó, nguyên tắc tập trung dân chủ là yêu cầu quan trọng để thực hiện Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ, phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị; bảo đảm công tác cán bộ được thực hiện dân chủ, khách quan, công tâm, lựa chọn đúng người có đủ phẩm chất, năng lực theo tiêu chuẩn quy định.

*Ba là*, hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá cán bộ rõ ràng và cụ thể, dựa trên năng lực, đạo đức, kết quả công việc và sự đóng góp thực tế. Đánh giá cán bộ có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác cán bộ, là khâu tiền đề, là cơ sở để lựa chọn, bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm và thực hiện chính sách cán bộ. Đánh giá đúng sẽ phát huy được khả năng của từng cán bộ và đội ngũ cán bộ; ngược lại, đánh giá không đúng sẽ dẫn đến bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ sai, ảnh hưởng không tốt cho cơ quan, đơn vị. Vì vậy, ngoài việc hoàn thiện tiêu chí đánh giá cán bộ chung thì mỗi cấp, mỗi ngành cần có tiêu chí cụ thể gắn với chức năng, nhiệm vụ để đánh giá sát đúng và nâng cao hiệu quả phân loại chất lượng cán bộ, đảng viên. Muốn vậy, trước hết phải xây dựng khung năng lực; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, theo dõi, ghi nhận và phân tích hiệu quả công việc của cán bộ; nâng cao hiệu quả công tác đánh giá của nội bộ tổ chức, cấp dưới, đồng nghiệp và mức độ hài lòng người dân để có cái nhìn toàn diện và đánh giá thực chất hơn; đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành các đề án vị trí việc làm và

cụ thể hoá khung năng lực cho từng vị trí việc làm.

*Bốn là*, nâng cao hiệu quả quy trình luân chuyển và bố trí, sử dụng cán bộ. Mọi quy trình và quyết định liên quan đến công tác cán bộ cần được công khai minh bạch để đảm bảo tính công bằng và trách nhiệm giải trình. Sử dụng các kênh thông tin chính thức để công khai quy trình, tiêu chuẩn và kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ. Đảm bảo mọi thông tin liên quan người dân đều dễ dàng tiếp cận. Trong thực hiện công tác luân chuyển phải lấy tiêu chí năng lực và yêu cầu công việc để đánh giá. Đảm bảo việc luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc. Giám sát chặt chẽ quy trình luân chuyển, tránh tình trạng bổ nhiệm sai người, sai việc. Công bố rộng rãi thông tin về việc luân chuyển cán bộ để người dân và các cơ quan liên quan có thể giám sát, cung cấp thông tin.

*Năm là*, phân cấp phải đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh những sai phạm trong công tác cán bộ. Trong giai đoạn hiện nay, việc phân cấp, phân quyền trong công tác cán bộ là xu thế tất yếu nhằm phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, nếu không đi đôi với kiểm tra, giám sát chặt chẽ thì phân cấp rất dễ bị lợi dụng, dẫn đến tình trạng lạm quyền, tùy tiện trong tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ. Vì vậy, phân cấp cần phải gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, đảm bảo mọi khâu trong công tác cán bộ đều được minh bạch, công khai và chịu sự giám sát của tổ chức Đảng và nhân dân. Bên cạnh đó, cần tăng cường xử lý nghiêm minh các sai phạm trong công tác cán bộ, nhất là những hành vi “chạy chức, chạy quyền”, lợi dụng chức vụ để vun vén cá nhân. Chỉ khi nào phân cấp

đi liền với trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát thường xuyên, công khai hóa quy trình cán bộ, thì mới tạo dựng được niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự trong sạch, liêm chính, vì dân, vì nước. Việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương phải đồng thời với tạo môi trường, không gian sáng tạo để phát huy tính năng động, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm của cán bộ gắn với việc quan tâm đúng mức chất lượng đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc về công tác cán bộ...

*Sáu là*, phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, khuyến khích sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội. Tăng cường vai trò của các cơ quan truyền thông trong việc phản ánh và giám sát các hoạt động liên quan đến kiểm soát quyền lực. Tạo điều kiện để người dân và các tổ chức xã hội tham gia giám sát hoạt động của cán bộ và cơ quan đảng. Thiết lập các kênh phản hồi trực tuyến và đường dây nóng để tiếp nhận ý kiến phản ánh của người dân. Bảo vệ quyền lợi của người dân khi tố giác các hành vi vi phạm. Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan truyền thông để cung cấp thông tin chính xác, kịp thời các vấn đề liên quan đến lạm quyền và tham nhũng trong công tác cán bộ.

#### *Chú thích:*

(1). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 309

(2). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t5, tr.280

(3). *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 66

(4). *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 64

# THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ GÓP PHẦN ĐƯA ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI



Ths. LÊ ĐÌNH HÙNG

Phó Trưởng Phòng TCHCTTTL

**Tóm tắt: Lãng phí là biểu hiện sử dụng các nguồn lực vượt quá định mức tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt hiệu quả, chất lượng mục tiêu đã được xác định. Lãng phí có thể gây tác hại, gây hậu quả lâu dài, tác động tiêu cực đến xã hội về nhiều mặt; làm suy giảm lòng tin của người dân với Đảng, Nhà nước, tạo rào cản vô hình trong phát triển kinh tế - xã hội và bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước. Để góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần phải xây dựng và thực hành văn hoá tiết kiệm, chống lãng phí trở thành thói quen, nếp sống thường nhật một cách tự giác, tự nguyện.**

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Người nói, phải tiết kiệm từng phút, mỗi hạt gạo, từng đồng tiền, không được lãng phí vì đó là mồ hôi, nước mắt của Nhân dân làm ra. Người phê phán sự xa hoa, lãng phí, coi “lãng phí là một tội ác”. Người căn dặn: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của Nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ”<sup>(1)</sup>; “Tham ô có hại nhưng lãng phí có khi còn hại nhiều hơn: Nó tai hại hơn tham ô vì lãng phí rất phổ biến...”<sup>(2)</sup>; “Lãng phí tuy không lấy của công đứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho Nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô”<sup>(3)</sup>. Người nhiều lần nhấn mạnh: “Phải quý trọng của công: Tất cả cái ăn, cái mặc, cái dùng của các cô, các chú là mồ hôi nước mắt của đồng bào. Phải tiết kiệm, giữ gìn, không được lãng phí”<sup>(4)</sup>; “Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ “giặc ở trong lòng”. Nếu chiến sĩ và Nhân dân ra sức chống giặc ngoại xâm mà quên chống giặc nội xâm, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình. Vì vậy, chiến sĩ và Nhân dân phải hăng hái tham gia phong trào ấy”<sup>(5)</sup>.

Không chỉ thường xuyên căn dặn, nhắc nhở, bàn luận dưới góc độ lý luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là tấm gương mẫu mực, sáng ngời về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đã truyền cảm hứng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ra sức thi đua, huy động, hội tụ tiềm lực, sức mạnh chiến thắng thực dân, đế quốc, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, kết luận về thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí, được thể chế hóa thành Luật, pháp lệnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và được các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương chỉ đạo và tổ chức thực hiện ngày càng quyết liệt. Những chuyển biến tích cực trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã góp phần đưa đất nước vượt qua những khó khăn, thử thách, đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đưa lại cơ đồ, vị thế và uy tín quốc tế to lớn như ngày nay.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình trạng lãng phí còn diễn ra khá phổ

biến đổi và đang gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng; vẫn còn hiện tượng lãng phí thời gian, công sức của doanh nghiệp, cá nhân khi thủ tục hành chính rườm rà, dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện và thông suốt; lãng phí cơ hội phát triển của địa phương, của đất nước do bộ máy nhà nước có nơi, có lúc hoạt động chưa hiệu quả, một bộ phận cán bộ những nhiều, thiếu năng lực, né tránh, đùn đẩy công việc, sợ trách nhiệm, chất lượng, năng suất lao động thấp; lãng phí tài nguyên thiên nhiên, tài sản công do quản lý, sử dụng chưa hiệu quả, trong đó giải ngân vốn đầu tư công; cô phân hóa, xử lý thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước; sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước, các dự án sử dụng nhiều tài nguyên đất và nước; thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia, các gói tín dụng hỗ trợ phát triển an sinh xã hội hầu hết rất chậm; lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của nhân dân diễn ra dưới nhiều hình thức... chưa tạo được phong trào thi đua rộng khắp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bộ máy công kênh, đồ sộ đang là gánh nặng cho ngân sách Nhà nước. Công tác tinh giản biên chế gắn với vị trí việc làm, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức còn thiếu triệt để... Tình trạng lãng phí xảy ra phổ biến và được coi như điều bình thường. Từ đó, làm suy giảm nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, giảm hiệu quả sản xuất, tăng gánh nặng chi phí, gây cạn kiệt tài nguyên, gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Hơn thế, lãng phí còn gây suy giảm lòng tin của người dân với Đảng, Nhà nước, tạo rào cản vô hình trong phát triển kinh tế - xã hội và bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước.

Chúng ta đang đứng trước cơ hội lịch sử rất lớn để từng bước hiện thực hóa giấc mơ đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng vào năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và 100 năm thành

lập nước vào năm 2045 là nước phát triển, thu nhập cao. Chặng đường khó khăn đang ở phía trước, đòi hỏi phải rất nỗ lực rất lớn và sẽ rất khó thực hiện mục tiêu nếu chúng ta không có những bộ óc kỹ trị điều hành quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực của đất nước.

Trong bài viết “Chống lãng phí”, Tổng Bí thư Tô Lâm đã đặt công cuộc phòng, chống lãng phí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, gửi đi một thông điệp mạnh mẽ, mang tính thức tỉnh sâu sắc, khuyến khích mọi người xem xét lại cách thức sử dụng và quản lý các nguồn lực trong toàn xã hội, kêu gọi cả hệ thống chính trị và từng người dân cần có ý thức tránh xa lãng phí vì lợi ích của bản thân, gia đình, xã hội, vì lợi ích quốc gia dân tộc và trách nhiệm với tương lai. Tổng Bí thư đã chỉ rõ 4 nhiệm vụ trọng tâm trong công tác phòng, chống lãng phí:

*Thứ nhất*, thống nhất nhận thức phòng, chống lãng phí là cuộc chiến chống “giặc nội xâm” đầy cam go, phức tạp; có vị trí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để xây dựng Đảng ta vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”.

*Thứ hai*, hoàn thiện và tổ chức triển khai có hiệu quả phòng, chống lãng phí; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công. Ban hành quy định của Đảng nhận diện cụ thể những biểu hiện lãng phí trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên; quy định vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống lãng phí.

*Thứ ba*, tập trung đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật, coi đây là yếu tố quan trọng để phòng, chống lãng phí; cải cách triệt để, giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp; chống bệnh quan liêu; sử dụng tài nguyên, nhân lực, vật lực hiệu quả; tăng cường tính bền vững, tối ưu hóa quy trình làm việc; nâng cao hiệu quả sử dụng

năng lượng. Giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn; các ngân hàng thương mại yếu kém. Tập trung xây dựng, tinh gọn bộ máy tổ chức Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong điều kiện mới.

*Thứ tư*, xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”, “cơm ăn nước uống, áo mặc hàng ngày”. Từ những việc nhỏ nhất rửa tay, rửa mặt hàng ngày đến những việc lớn như điều hành nền kinh tế vĩ mô. Thực hiện xây dựng văn hóa tiết kiệm, ý thức tiết kiệm; tư duy làm việc khoa học, quản lý thời gian hiệu quả, hình thành trách nhiệm đạo đức xã hội gắn với thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật.

Từ tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư, trong thời gian tới, để triển khai tốt và hiệu quả việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

*Một là*, cần tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí vì sự phát triển bền vững của đất nước. Mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình, thịnh vượng vào giữa thế kỷ XXI không còn quá xa mà chỉ có 20 năm cho những tính toán, chiến lược, chất chiu, dành dụm, không phung phí nguồn lực thì mới gặt hái được thành công.

*Hai là*, cần xây dựng văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn xã hội; đưa các nội dung tiết kiệm, phòng chống lãng phí thành các nội quy, quy định của từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư từng thôn, xóm, khối phố; quy định trong các văn bản của Đảng, Nhà nước. Trước mắt, chỉ đạo lựa chọn những nội dung trọng tâm, thí điểm để tập trung chỉ đạo và thực hiện như thực

hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản, hội nghị, hội họp... tạo được dấu ấn lan tỏa trong toàn xã hội.

*Ba là*, cụ thể hóa việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành pháp luật của nhà nước. Luật phải nhận diện, định hình, làm rõ, trong đó, phải nhận diện, chỉ rõ các hành vi, biểu hiện lãng phí, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác phòng, chống lãng phí và có chế tài xử phạt dứt điểm những vi phạm, khuyết điểm đối với cơ quan đơn vị và cá nhân để xảy ra thất thoát, lãng phí từ hành chính đến mức cao nhất là hình sự. Trước mắt, rà soát, xử lý dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn, Song song với xử lý, cũng cần có các hình thức khen thưởng, biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hoặc có giải pháp làm lợi cho Nhà nước.

*Bốn là*, phải giáo dục làm cho việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành thói quen sinh hoạt văn hóa “trở thành việc làm “tự giác”, “tự nguyện”, “như cơm ăn, nước uống, áo mặc hàng ngày”; khuyến khích cán bộ, đảng viên, Nhân dân tăng cường thực hành tiết kiệm, tạo thói quen quý trọng thời gian làm việc, tiền bạc, tài sản của Nhà nước, của Nhân dân.

Ở một đất nước đang phát triển như nước ta, nếu không tiết kiệm thì không thể nói đến tích lũy để trở nên giàu có. Kêu gọi ý thức tiết kiệm phải trở thành ý thức tự giác, trở thành một yếu tố văn hoá: Văn hoá tiết kiệm. Xây dựng ý thức và lối sống tiết kiệm, chống lãng phí trở thành một nếp sống thường nhật của mọi người để tiết kiệm, không lãng phí trở thành những hành vi, thói quen, tính cách chuẩn mực của đạo đức và văn hoá./

*Chú thích:*

(1), (2), (3) (5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.357, tr.345, tr.357, tr.362

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.9, tr.221

# PHÒNG, CHỐNG SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC - YẾU TỐ TIÊN QUYẾT TRỊ TẬN GỐC THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

✧ Ths. THÁI THỊ HIỀN

Giảng viên Phòng QLĐT&NCKH

*Tóm tắt: Quyền lực nhà nước là của Nhân dân, Nhân dân ủy quyền cho đội ngũ cán bộ, công chức thuộc các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhằm xây dựng nước Việt Nam ngày càng hùng mạnh, sánh vai các cường quốc năm châu, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi nhiệm vụ, không ít cán bộ, công chức do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, quên đi vai trò, trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân, sa vào tham nhũng, tiêu cực. Việc tìm ra giải pháp phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là “liều thuốc” tiên quyết để trị tận gốc tham nhũng, tiêu cực.*

## 1. Nhận diện tình trạng tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam

Tham nhũng là hiện tượng xã hội tiêu cực, gắn liền với sự tha hóa của quyền lực nhà nước. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tham nhũng là những hành vi “ăn cắp của công làm của tư”<sup>(1)</sup>. Vận dụng và phát triển quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”<sup>(2)</sup>.

Tham nhũng chủ yếu được thực hiện bởi những cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, nhà nước, các tổ chức kinh tế của nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác thuộc hệ thống chính trị. Để bài trừ tệ tham nhũng có hiệu quả, chúng ta có thể khoanh vùng những nơi mà cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như sau:

Thứ nhất, những người được giao nhiệm vụ trực tiếp tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành. Đây là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ rất cao, được tuyển chọn kỹ lưỡng. Tuy nhiên, những người này nếu không giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng có thể dễ dàng liên kết với các đối tượng tiêu cực để tham nhũng, tham mưu những cơ chế, chính sách không đúng đắn nhằm tạo ra “lợi ích nhóm” ngay từ khâu này.

Thứ hai, những cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan của Đảng, nhà nước có thẩm quyền ban hành chủ trương, chính sách, pháp luật. Đội ngũ cán bộ, công chức ở đây chủ yếu là những người có chức vụ, quyền hạn cao, nếu không toàn tâm, toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, cũng có thể trở thành kẻ tham nhũng dẫn đến chính sách, pháp luật được ban hành không khách quan, khoa học, không phù hợp thực tiễn, theo đó sẽ tạo kẽ hở cho “lợi ích

nhóm” và tiêu cực, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực quốc gia. Nguy hại nhất là tạo ra xung đột giữa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước với thực tiễn cuộc sống; là mầm mống của sự mất đoàn kết trong nội bộ Đảng, giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân và giữa các giai cấp, giai tầng xã hội với nhau, tiếp tay cho các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Những đối tượng tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan quan trọng này sẽ trở thành kẻ “chống lưng”, dung túng cho nạn tham nhũng, tiêu cực ở cấp dưới, làm cho tình trạng tham nhũng càng thêm trầm trọng, tràn lan.

Thứ ba, những cán bộ, công chức, viên chức được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ủy quyền, giao trực tiếp nắm giữ, quản lý, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của quốc gia, của ngành và địa phương. Đây là bộ phận thường xuyên bị các thế lực thù địch, các đối tượng tiêu cực nhắm đến để tác động, dụ dỗ, mua chuộc, ép buộc bằng mọi cách như: hối lộ bằng vật chất, tiền bạc, sự ép buộc từ cấp trên, sự đe dọa an toàn tính mạng của bản thân và người thân trong gia đình,...

Thứ tư, cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, giải quyết các công việc hàng ngày cho người dân, doanh nghiệp. Bộ phận này nếu không giữ vững bản lĩnh cách mạng, phẩm chất đạo đức cũng dễ bị sa ngã, gây những nhiễu, khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp hoặc cấu kết với các đối tượng tiêu cực có tình làm sai lệch chính sách, pháp luật để tham nhũng, trục lợi cá nhân. Hành vi tiêu cực, tham nhũng của nhóm cán bộ, công chức này tạo ra sự nhụt nhối trong xã hội, làm cho chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chậm đi vào đời sống; từng ngày, từng giờ làm xói mòn niềm tin của Nhân dân, tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng kích động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

Thứ năm, lực lượng trực tiếp thực hiện chức năng kiểm toán, kiểm tra, thanh tra,

giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước; những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ điều tra, xét xử, xử lý các vi phạm. Đây là những cán bộ, công chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang dễ bị tiếp cận để mua chuộc, đưa hối lộ. Nếu không giữ vững lập trường, không có đạo đức trong sáng, đội ngũ này có thể mọc nổi, cấu kết với các đối tượng vi phạm để nhận hối lộ và thực thi nhiệm vụ thiếu công bằng, công tâm, khách quan, xử lý không đúng người, đúng tội,... tạo chỗ dựa để các đối tượng tham nhũng, tiêu cực thêm tự tung tự tác, gây hoang mang dư luận, gây nên sự bất bình trong xã hội; là “mảnh đất” cho các thế lực thù địch khai thác chống phá Đảng và Nhà nước ta.

Thứ sáu, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tham mưu hoặc có thẩm quyền quyết định tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp. Đây là bộ phận thường xuyên chịu sự tác động trực tiếp của nạn chạy việc làm, chạy chức, chạy quyền; chịu sức ép của cán bộ cấp trên để giải quyết mối quan hệ “hậu duệ”, “đồ đệ” hoặc “tay đã nhúng chàm” của họ. Nếu bộ phận cán bộ, công chức này thiếu bản lĩnh cách mạng, không tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, không liêm chính, không dũng cảm hy sinh lợi ích cá nhân, thiếu trách nhiệm, cơ hội, vụ lợi, bè phái, cục bộ, tham nhũng, tiêu cực sẽ dẫn đến tuyển dụng, đề bạt, bố trí không đúng cán bộ. Việc này chẳng những làm tổn hại tới Đảng, Chính phủ, làm mất niềm tin của Nhân dân, mà nguy hại hơn là sẽ “hà hơi tiếp sức”, tiếp tay cho những hành vi tham nhũng, tiêu cực có môi trường phát sinh.

## **2. Xác định nguyên nhân dẫn đến tình trạng tham nhũng, tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức**

Từ thực tiễn tình trạng tham nhũng, tiêu cực ở nước ta thời gian qua cho thấy có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến hành vi tham nhũng, tiêu cực của cán bộ, đảng viên, công

chức, viên chức như: do cơ chế, chính sách, pháp luật của chúng ta chưa đồng bộ, chặt chẽ, công tác tổ chức thực hiện chưa nghiêm; công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý sai phạm chưa kịp thời, kiên quyết; cơ chế kiểm soát quyền lực đối với người có chức vụ, quyền hạn chưa thực sự hiệu quả; do đời sống của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn nhiều khó khăn nên dễ nảy sinh lòng tham; do sự mua chuộc, dụ dỗ của những kẻ tiêu cực, háms danh lợi, địa vị; do cấp trên thiếu sáng suốt, buông lỏng trong lãnh đạo, quản lý, điều hành hoặc bản thân người lãnh đạo cấp trên là người háms lợi nên ép buộc, điều khiển cấp dưới phải làm theo ý mình; do công tác quản lý cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa nghiêm khắc, chặt chẽ; thiếu công khai, minh bạch trong quản lý thu, chi tài chính, phân bổ nguồn lực,...

Chúng ta không thể phủ nhận một thực tế là hệ thống thể chế về quản lý kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đặc biệt là chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của đất nước ta ngày càng đầy đủ, chặt chẽ hơn và không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Từ năm 2012 đến nay: “Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành hơn 250 văn bản về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và phòng chống tham nhũng; Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hơn 300 luật, pháp lệnh; Chính phủ, Thủ tướng chính phủ đã ban hành hơn 2.000 nghị định, quyết định. Các bộ, ngành, địa phương đã ban hành hàng nghìn văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời thể chế hóa và triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về quản lý kinh tế - xã hội, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực”<sup>(3)</sup>. Hơn nữa, công tác phòng, chống tham nhũng trong những năm qua cũng đã đạt được nhiều kết quả rất tích cực, được Nhân dân đồng tình, hưởng ứng, trở thành nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành, các tổ chức trong hệ thống chính trị, được thế giới đánh giá rất cao. Tuy vậy, tình trạng tham nhũng, tiêu cực

vẫn chưa được giải quyết triệt để; vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, kể cả một số cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước - những người trực tiếp tham gia biểu quyết ban hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng; những cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan phòng, chống tham nhũng cũng sa vào tham nhũng với những thủ đoạn ngày càng tinh vi.

Tìm hiểu các vụ án tham nhũng và đối tượng tham nhũng đã được xét xử thời gian qua cũng cho thấy, những người này không phải do cuộc sống khó khăn về kinh tế đến mức phải “ăn cắp của công” để kiếm sống; không phải do thiếu hiểu biết pháp luật hoặc bị ép buộc; không phải do chúng ta không có chủ trương phòng chống, không có pháp luật xử lý hoặc không có kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, xét xử. Đặc biệt, cũng không thiếu những tấm gương sáng của cán bộ, đảng viên dù cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng vẫn đủ bản lĩnh từ chối sự cám dỗ, mua chuộc của những kẻ tiêu cực để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Như vậy, mặc dù chúng ta đã có không ít giải pháp để khắc phục nhưng nạn tham nhũng vẫn cứ phát sinh, điều đó chứng tỏ ngoài những nguyên nhân đã được điểm ra ở trên, còn có một nguyên nhân sâu xa nhất, được xác định là “gốc rễ”, bao trùm lên mọi nguyên nhân của tham nhũng đó chính là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Khi cán bộ đã thoái hóa, biến chất, không toàn tâm, toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, tham lam, coi thường pháp luật, danh dự, phẩm giá thì dù hệ thống chính sách, pháp luật chặt chẽ đến đâu họ cũng có thể tìm được kẽ hở để phá hoại.

**3. Giải pháp phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, công chức, viên chức nhằm trị tận gốc tham nhũng, tiêu cực**

Để công tác phòng, chống tham nhũng tiêu cực có hiệu quả bền vững, cùng với việc ban hành đồng bộ chính sách, pháp luật quản lý kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và sử dụng nhiều biện pháp kinh tế, hành chính, hình sự quyết liệt, phải thực hiện tốt công tác phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, công chức, viên chức để hướng đến cơ chế “không muốn” và “không cần” tham nhũng, tiêu cực. Muốn vậy, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Thứ nhất, kiên trì giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.* Hành vi tham nhũng, tiêu cực của cán bộ, công chức bắt nguồn từ việc họ chưa nhận thức được đầy đủ, đúng đắn giá trị của phẩm giá con người; không thấu hiểu được giá trị của đạo đức cách mạng; chưa hiểu hết những giá trị của hạnh phúc khi được cống hiến cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân, được Nhân dân tin yêu, đùm bọc, che chở. Từ đó, để cho chủ nghĩa cá nhân, lòng tham và những ham muốn tầm thường lấn át, đánh mất lương tâm, trách nhiệm, nghĩa vụ của con người chân chính, của người cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức mẫu mực. Vì vậy, muốn trị tận gốc “căn bệnh” tham nhũng, tiêu cực thì phải khắc phục yếu kém, sai lệch trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, để họ hiểu rõ trách nhiệm, bổn phận của mình trong quá trình thực thi công vụ; thấy được niềm hạnh phúc của người cán bộ, đảng viên khi được phục vụ Nhân dân, được Nhân dân thương yêu, quý trọng.

Để làm được điều đó, trước hết, các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị phải thường xuyên tổ chức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được nghiên cứu, học tập, quán triệt đầy đủ các chủ trương, quan điểm, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, nhằm trang bị cho họ đầy đủ kiến thức, hiểu biết, từ đó nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện bản

lĩnh, lập trường, trau dồi đạo đức cách mạng “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”; tuyên truyền sâu rộng tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhằm giáo dục “văn hóa liêm chính”, hình thành “văn hóa nêu gương”, “nói đi đôi với làm” trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; xây dựng và triển khai chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để mỗi cán bộ, đảng viên tích cực học Bác từ tinh thần, thái độ đến hành động phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Các cấp ủy đảng phải ban hành quy định cụ thể hóa các nội dung của Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 9/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị. Đi đôi với việc ban hành thể chế, hàng năm, các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cần triển khai cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đăng ký các nội dung tu dưỡng, rèn luyện chuẩn mực đạo đức cách mạng của bản thân gắn với theo dõi, kiểm tra, đánh giá đúng thực chất của tổ chức, cơ quan, đơn vị để kịp thời nhắc nhở, uốn nắn ngay khi bắt đầu có biểu hiện lệch lạc, vi phạm các chuẩn mực đạo đức cách mạng.

*Thứ hai, tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh.* Hành vi tham nhũng chủ yếu được thực hiện bởi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có chức vụ, quyền hạn khi họ bị thoái hóa, biến chất, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân. Do đó, để phòng, chống tham nhũng đòi hỏi phải xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh. Trước hết, cần phải tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ; thực hiện

chế độ chính sách, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức để thực sự thu hút được những người có đức, có tài vào trong các cơ quan nhà nước và bộ máy lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Các cấp ủy đảng cần đặc biệt chú trọng việc xây dựng nhân sự cho cấp ủy, nhân sự đề giới thiệu vào các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị. Việc đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý phải đảm bảo đúng các quy định của Đảng, Nhà nước, cần lắng nghe ý kiến Nhân dân, khắc phục triệt để tình trạng bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành không đúng hoặc không phù hợp về chuyên môn; tuyệt đối không được để xảy ra tình trạng “đồ đệ”, “hậu duệ”, nạn “chạy chức, chạy quyền” trong công tác cán bộ.

Tiếp tục tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức. Người đứng đầu các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải gương mẫu nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, không ngừng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để cán bộ, đảng viên noi theo. Hàng năm, cần thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá, phân loại cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, tránh làm hình thức, qua loa, chiếu lệ; mạnh dạn đưa ra khỏi các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị và bộ máy lãnh đạo, quản lý các cấp những cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm những điều đảng viên không được làm.

Khi có đội ngũ cán bộ, công chức giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; trong sáng về đạo đức, lối sống; nắm vững chức trách, nhiệm vụ và nghĩa vụ của mình; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; tận tụy với công việc, gắn bó với Nhân dân thì chắc chắn những kẻ tiêu cực khó làm lung lay ý chí của họ, nạn

tham nhũng từ đó không có cơ hội nảy nở; mọi lời nói, hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức sẽ được Nhân dân tín nhiệm, tin tưởng và ủng hộ.

*Thứ ba, tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện chức trách nhiệm vụ, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là đối với người đứng đầu.* Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức là một quá trình từ nhỏ đến lớn, từ hư hỏng ít đến hư hỏng nhiều, cho nên cùng với việc thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt nâng cao nhận thức, thì các địa phương, cơ quan, đơn vị, các tổ chức đảng, đoàn thể phải tăng cường thực hiện tốt các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của Nhân dân trong giám sát, đánh giá, nhận xét đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Phải gắn công tác giám sát, kiểm tra của Đảng, thanh tra của Nhà nước, của các ngành, công tác kiểm toán với sự giám sát của Nhân dân thông qua cơ quan dân cử và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng trong việc tuyên truyền, phát hiện, cảnh báo, răn đe để chủ động phòng ngừa, hạn chế những sai phạm và loại trừ những hành vi vụ lợi của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy định của Đảng, Nhà nước về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Việc đánh giá tín nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị cần được nghiên cứu để mở rộng phạm vi, đối tượng được tham gia đánh giá, để mọi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong mỗi cơ quan, đơn vị được bày tỏ tín nhiệm đối với người lãnh đạo, quản lý của mình. Bản thân cán bộ,

đảng viên, công chức, viên chức khi tham gia bày tỏ tín nhiệm phải chính trực, trung thực, thẳng thắn, dám bảo vệ cái đúng, đấu tranh với cái sai. Thực hiện tốt nội dung này một cách công khai, minh bạch, theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền sẽ có tác dụng thúc đẩy sự tích cực rèn luyện, tu dưỡng về đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

*Thứ tư, thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, đoàn thể và sinh hoạt chuyên môn.* Việc thực hiện thường xuyên, có hiệu quả tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, đoàn thể và sinh hoạt chuyên môn sẽ giúp cho cán bộ, đảng viên cũng như các tổ chức đảng, tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý thấy rõ ưu điểm để phát huy, nhận ra khuyết điểm để khắc phục; xử lý kịp thời sai phạm trong nhận thức và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, góp phần đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống; nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần tích cực bảo vệ Đảng, Nhà nước và lợi ích của Nhân dân.

Để công tác tự phê bình và phê bình đi vào nề nếp, đạt hiệu quả cao, các cấp ủy, tập thể lãnh đạo quản lý, nhất là người đứng đầu các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cần phải thực sự dân chủ, cầu thị, tôn trọng và thành tâm lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân; biết dựa vào Nhân dân để tự kiểm điểm bản thân và phê bình, kiểm điểm cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần đồng chí, giúp đỡ lẫn nhau, nêu cao dũng khí đấu tranh, dám chấp nhận có thể bị trừ dập, phân biệt đối xử, thiệt thòi quyền lợi để thẳng thắn phê bình những nhận thức, lời nói, việc làm sai trái của cán bộ, đảng viên nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Các cấp ủy cấp trên cần thường xuyên chỉ đạo giám sát, kiểm tra việc thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình của cấp dưới, kịp thời chấn chỉnh cách

làm hình thức, qua loa, né tránh, thiếu khách quan, trung thực, che dấu khuyết điểm, cũng như các biểu hiện trù dập, chèn ép đối với người mạnh dạn phê bình thẳng thắn.

Phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống nhằm trị tận gốc nạn tham nhũng không phải chỉ là việc hô khẩu hiệu chung chung, đấu tranh với ai đó đã suy thoái, tham nhũng, mà căn bản nhất vẫn là mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là người đứng đầu phải luôn nêu cao tinh thần gương mẫu tự phê bình và khắc phục khuyết điểm. Việc nêu gương thực hiện tự phê bình của người đứng đầu sẽ truyền cảm hứng, lan tỏa cảm xúc cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh. Đây là giải pháp hữu hiệu để loại bỏ tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống - cái gốc gây ra nạn tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ vừa cấp bách trước mắt, vừa cơ bản, lâu dài, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều đối tượng khác nhau, do đó, cùng với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, thì hơn ai hết, mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải không ngừng nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống. Có như vậy, mới nâng cao sức đề kháng để điều trị tận gốc căn bệnh tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của Nhân dân trong giai đoạn hiện nay./.

#### *Chú thích:*

(1). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.7, tr.355;

(2). Khoản 1, Điều 3, *Luật phòng, chống tham nhũng số: 36/2018/QH14*, ngày 20/11/2018, Quốc hội hóa XIV;

(3). Nguyễn Phú Trọng: *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2023, tr.29.

# XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

✧ Ths. NGUYỄN THỊ THẢO LINH  
Giảng viên Phòng QLĐT&NCKH

*Tóm tắt: Quán triệt quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người, trong suốt quá trình phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán xác định con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển. Hiện nay, khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu... đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao” thì vấn đề xây dựng con người càng đóng vai trò quan trọng, bức thiết.*

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, con người là sự thống nhất giữa mặt sinh vật và mặt xã hội, là một thực thể sinh vật - xã hội; con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của lịch sử. Xem con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, của sự phát triển xã hội là tư tưởng nhất quán trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người chỉ rõ: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”<sup>(1)</sup>; định hướng xây dựng con người là phải toàn diện, bao gồm “đức, trí, thể, mỹ”; chú ý đến tất cả các mặt trong đời sống của con người, từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần. Trong bài “Gửi các em học sinh” đăng trên báo Nhân dân ngày 24/10/1955, Người viết: Đối với các em, việc giáo dục gồm có: Thể dục: Để làm cho thân thể khỏe mạnh; Trí dục: Ôn lại những điều đã học, học theo tri thức mới; Mỹ dục: để phân biệt cái đẹp, cái gì không đẹp; Đức dục: là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu của công<sup>(2)</sup>. Với Người, dân phải được ăn no, mặc ấm, được học hành và được hưởng quyền tự do, hạnh phúc; con người được phát triển toàn diện. Người từng

nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>(3)</sup>.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn quán triệt, vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người. Đảng ta luôn khẳng định: Nguồn lực quý báu nhất, có vai trò quyết định nhất đối với mọi sự thành bại của cách mạng là con người Việt Nam; nhân tố con người chính là nguồn sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa 8) nêu rõ: “Kinh nghiệm vô giá mà chúng ta khái quát được trong lịch sử lâu dài và đầy khắc nghiệt của dân tộc ta là: nguồn lực quý báu nhất, có vai trò quyết định nhất là nguồn lực con người Việt Nam; là sức mạnh nội sinh của chính bản thân dân tộc Việt Nam. Con người Việt Nam là tài sản quý báu nhất của Tổ quốc ta và chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta”. Nhất quán quan điểm đó, trong những năm gần đây Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, đường lối nhằm xây dựng và phát

triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Đại hội VIII, Đảng xác định: Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011) khẳng định: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân... Chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính”. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI xác định mục tiêu cụ thể trong xây dựng văn hóa, con người Việt Nam là: “Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc”. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định phải: “Phát triển con người Việt Nam toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc... Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”; “phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”<sup>(4)</sup>.

Quán triệt và thực hiện các quan điểm, đường lối của Đảng, việc chăm lo xây dựng, phát triển con người Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Chỉ số phát triển con người (HDI) đã tăng gần 50% trong khoảng thời gian từ năm 1990 - 2024, năm 1990 là 0,493 thì năm 2022: 0,737. Vào những năm 90 thế kỷ XX, khi Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) bắt đầu giới thiệu HDI, Việt Nam ở vị trí cuối bảng xếp hạng. Năm 2010, Việt Nam xếp hạng thứ 128/187 nước trên thế giới, đứng thứ 33/47 nhóm các nước có chỉ số HDI trung bình, năm 2018, Việt Nam đã vươn lên đứng thứ 2/37 nước thuộc nhóm các nước có chỉ số HDI trung bình và xếp thứ 118/189 quốc gia trên thế giới về chỉ số HDI. Năm 2024, Việt Nam đã tăng 8 bậc từ vị trí 115 lên vị trí 107, tiếp tục nằm trong số các quốc gia đang phát triển có chỉ số HDI cao và nằm trong nhóm Top 5 khu vực ASEAN<sup>(5)</sup>. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là 4.700 USD/người. Cùng với đó sự phát triển về giáo dục, y tế về các chỉ số trường học, giáo viên, bác sĩ cũng như chất lượng giảng dạy, khám, chữa bệnh nâng lên, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển con người Việt Nam trên các phương diện: *Về thể chất, sức khỏe*: Đạt được những thành tựu đáng ghi nhận: Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam không ngừng tăng lên. Năm 1995, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 65,2 tuổi, năm 2000 là 67,8 tuổi, năm 2001 là 67,8 tuổi. Đến năm 2023, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 74,5 tuổi. Nếu năm 1985, trước đổi mới, cứ hai trẻ em thì có một trẻ bị suy dinh dưỡng đến năm 1998 giảm xuống còn 38,7%, đến năm 2022, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi là 10,8% và suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi là 19%. *Về mặt trí tuệ*: Có sự phát triển mạnh mẽ, để lại những dấu ấn với những con số ấn tượng. Số năm đi học trung bình của người Việt Nam tăng từ 4,6 năm (1980) lên 6,4 năm (2010) tăng lên 8,5 (năm 2016), 8,6 (năm 2017); 8,7 (năm 2018); 9,0 (năm 2019) và 9,1 (năm 2020). Đến năm 2023, số năm đi học bình quân của Việt Nam là 10,2

năm, đứng thứ hai chỉ sau Singapore theo xếp hạng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Về mặt phẩm chất, đạo đức, lối sống: Một số giá trị văn hóa tích cực tốt đẹp của con người Việt Nam truyền thống vẫn được phát huy như yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, hiếu học, cần cù...; đồng thời, cũng có những nét phẩm chất nhân cách mới được hình thành như: ý thức tuân thủ pháp luật, sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, bản lĩnh cá nhân, sự tự do, dân chủ...

Bên cạnh thành tựu đã đạt được, việc xây dựng, phát triển con người Việt Nam đang còn những hạn chế, bất cập. Về mặt thể lực, chiều cao, cân nặng của người Việt Nam so với thế giới còn rất khiêm tốn. Trong vòng gần 40 năm đổi mới, chiều cao của người Việt Nam chỉ tăng 0,03 m, tức là mỗi một thập kỷ, người Việt Nam chỉ tăng thêm 0,01 m chiều cao, có thể nói thuộc nhóm thấp nhất thế giới. Vì vậy, để cao như người Hà Lan hiện nay sẽ mất 217 năm, để cao như người Đức sẽ mất khoảng 182 năm. Mặc dù chất lượng nguồn nhân lực, trí tuệ của con người Việt Nam được nâng lên song so với thế giới thì vẫn còn thấp. Nguồn nhân lực qua đào tạo có bằng cấp ở Việt Nam là 27% trong khi tỷ lệ này ở Indonesia là 42%, ở Malaysia con số này lên đến 66,8%<sup>(6)</sup>. Một số lao động đã qua đào tạo có bằng cấp nhưng vẫn thiếu các kiến thức, kỹ năng để đáp ứng được yêu cầu công việc. Nguồn nhân lực của Việt Nam đang ở tình trạng vừa thừa, vừa thiếu, thiếu nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công việc nhưng thừa lao động phổ thông, giản đơn. Bên cạnh đó, “sự suy giảm về đạo đức, tư tưởng của không ít người, nhất là lớp trẻ, thậm chí của cả một số cán bộ, Đảng viên thoái hóa, biến chất. Cùng với đó là sự xuất hiện các yếu tố tiêu cực khác như chủ nghĩa cục bộ địa phương, lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền, đề cao quá mức tiện nghi vật chất, xa hoa, lãng phí...”<sup>(7)</sup>

Hiện nay, khi đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên phát triển, kỷ

nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trong kỷ nguyên mới đòi hỏi mọi người dân Việt Nam, hàng trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng tâm hiệp lực, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh. Điều này đòi hỏi phải khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước trong mỗi con người Việt Nam. Để xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên mới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về vị trí, vai trò của con người và xây dựng con người trong kỷ nguyên mới. Cần bổ sung đặc tính “xã hội chủ nghĩa” vào mục tiêu xây dựng con người Việt Nam, vì chỉ khi xây dựng được con người xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường mới thực sự bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, mới thực hiện thắng lợi mục tiêu kỷ nguyên mới. Theo đó, cần ban hành nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa với tầm nhìn dài hạn. Xây dựng hệ giá trị văn hóa, chuẩn mực con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới để định hướng cho quá trình phát triển con người. Đồng thời, cần phát huy vai trò của từng người trong việc xây dựng, phát triển con người Việt Nam, xây dựng tình yêu bản thân cũng như trách nhiệm cá nhân,

lòng tự tôn, tự cường, ý chí nỗ lực vươn lên vượt mọi khó khăn để phát triển năng lực bản thân, hoàn thiện cá nhân. Xây dựng con người Việt Nam yêu nước, đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, nghị lực, thân thiện, cần cù, sáng tạo, hướng tới chuẩn mực con người văn minh, hiện đại, trí tuệ, bản lĩnh, tự tin, tự trọng, đột phá, dám nghĩ, dám làm, có ý chí khát vọng vươn lên mạnh mẽ. Phát huy tối đa nhân tố con người, là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

*Thứ hai*, tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Chiến lược quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 89/QĐ-TTg, ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng và phát triển hệ thống y tế từng bước hiện đại và đồng bộ theo hướng công bằng, hiệu quả. Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 gắn với Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao, chú trọng đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn phù hợp với đặc điểm thể chất của con người Việt Nam.

*Thứ ba*, đổi mới giáo dục, đào tạo căn bản và toàn diện nhằm nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định mục tiêu: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)”; “chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyên

đòi số, phát triển kinh tế số, xã hội số”. Theo đó, trước hết, cần tập trung đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục. Từ chính những phẩm chất, năng lực cần có của con người Việt Nam trong thời đại mới để định hướng cho các hoạt động giáo dục từ nội dung đến phương pháp. Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức, trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam. Hơn nữa, giáo dục là đào tạo con người cho tương lai, do đó cần làm tốt công tác dự báo, trên cơ sở đó thiết kế mô hình nhân cách con người thời đại mới với hệ giá trị và chuẩn mực tương ứng.

*Thứ tư*, xây dựng môi trường văn hóa trong toàn xã hội. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa của các quan hệ xã hội, do đó, để tạo ra những con người có văn hóa, tất yếu phải tạo dựng môi trường văn hóa, bao gồm: văn hóa gia đình, văn hóa cộng đồng dân cư, văn hóa học đường, văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa Đảng, văn hóa trong toàn xã hội. Vì vậy, cần thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và phát huy lối sống “mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”. Tập trung ưu tiên cho nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, tốt đẹp, phong phú. Nâng cao chất lượng và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” bằng những hình thức và biện pháp

mới. Tiên hành đồng bộ và sâu rộng cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hoá, gia đình văn hoá trong đó chú trọng việc phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến đi đôi với phê phán những thói hư tật xấu, những biểu hiện tiêu cực trong xã hội. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ cơ sở, xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh trong mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, đơn vị; tạo môi trường văn hóa văn minh đô thị, văn hóa trong xây dựng Nông thôn mới.

*Thứ năm*, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, hành động phản tiến bộ, phản nhân văn, tha hóa con người. Chủ động phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người lớn tuổi, người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, xã hội, vai trò xung kích, tình nguyện của thế hệ trẻ. Triển khai sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước, biểu dương, tôn vinh gương điển hình tiên tiến với phương châm “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”. Đẩy mạnh đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu, hành vi sai trái, tiêu cực làm tha hóa con người; đấu tranh bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, phản động, đồi trụy; khắc phục thái độ xem nhẹ vai trò văn hóa và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

*Thứ sáu*, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Xây dựng con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới là xây dựng con người có lý tưởng sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại. Theo đó, công tác giáo dục lý luận chính trị và các nội dung về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, học sinh, sinh viên phải được thực hiện nghiêm túc, có sự đổi mới cả về nội dung và phương pháp; tăng cường quản lý, kỷ luật trong giảng dạy,

học tập; từng bước khắc phục tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị, góp phần nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, đồng thời làm cho văn hóa Hồ Chí Minh thấm sâu vào tâm hồn, tình cảm của mỗi người dân Việt Nam.

*Thứ bảy*, khơi thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội để chăm lo, phát triển con người Việt Nam. Khơi thông mọi nguồn lực, xóa bỏ những điểm nghẽn tạo ra sự bứt phá trong phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập của người dân Việt Nam nhằm tạo cơ sở, tiền đề và là nội dung của phát triển con người. Đảng ta đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước thu nhập trung bình cao và năm 2045 trở thành nước thu nhập cao, vì vậy cần phát huy mọi nguồn lực để thực hiện tốt mục tiêu này. Đồng thời phát triển kinh tế gắn với việc bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội để bảo đảm mọi người dân Việt Nam đều được hưởng thành quả của sự phát triển, đều được quan tâm phát triển./

#### Chú thích:

- (1). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.66.
- (2). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tr.175.
- (3). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.187.
- (4). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội, 2021, tr.136.
- (5). Báo cáo Phát triển Con người năm 2023-2024
- (6). Vì sao nguồn nhân lực Việt Nam còn nhiều hạn chế? <https://daibieunhandan.vn/trao-doi/vi-sao-nguon-nhan-luc-viet-nam-con-nhieu-han-che-i302374/>, ngày 3/10/2023)
- (7). Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 219, 19.

# SÁCH LƯỢC “VỪA ĐÁNH, VỪA ĐÀM” TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHO QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

✧ Ths. PHAN CHÍ QUYẾT  
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

*Tóm tắt: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta diễn ra trong điều kiện hết sức khó khăn, so sánh lực lượng quân sự giữa ta và đối phương có sự chênh lệch lớn. Trong bối cảnh đó, sách lược ngoại giao “vừa đánh, vừa đàm” nhằm phát huy hiệu quả thắng lợi trên chiến trường, tạo áp lực, lợi thế trên bàn đàm phán đã được Đảng ta triệt để thực hiện. Những cuộc đấu trí cam go giữa các nhà chính trị, ngoại giao Việt Nam với các đối thủ sừng sỏ, lão luyện đến từ nền ngoại giao nhà nghề của siêu cường hàng đầu thế giới đã khẳng định bản lĩnh và trí tuệ của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam. Sách lược ngoại giao “vừa đánh, vừa đàm” trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã để lại nhiều bài học quý giá được Đảng ta vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế giai đoạn hiện nay.*

Tháng 12/1965, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn quyết liệt nhất, Đảng ta ra Nghị quyết Trung ương 12, trong đó chỉ rõ “đánh đến một lúc nào đó sẽ vừa đánh vừa đàm” nhưng nhận định “tình hình chưa chín muồi cho một giải pháp”<sup>(1)</sup>. Sau những thắng lợi của quân dân ta trên các mặt trận, tháng 01/1967, Đảng ta tiếp tục ban hành Nghị quyết Trung ương 13 và quyết định “mở mặt trận ngoại giao để tạo cục diện đánh - đàm và kéo Mỹ xuống thang chiến tranh”<sup>(2)</sup>. Đảng đã xác định vai trò của ngoại giao là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược với chức năng phối hợp với đấu tranh quân sự, chính trị, đồng thời khẳng định: “...đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại

giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động”<sup>(3)</sup>. Để tăng cường sức mạnh tấn công, ngày 27/01/1967, ta đưa ra khẩu hiệu sách lược: “Chỉ sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Mỹ có thể nói chuyện được”<sup>(4)</sup>. Tuyên bố này vừa tỏ rõ thiện chí, vừa phù hợp với đạo lý nên được dư luận thế giới hưởng ứng và ủng hộ mạnh mẽ. Trong khi đó, Mỹ trở nên bị động về ngoại giao và đối phó lúng túng. Trước sức ép của dư luận, đặc biệt là phong trào nhân dân Mỹ, ngày 29/9/1967, trong diễn văn đọc tại San Antonio, Tổng thống Johnson phải công khai tuyên bố: “Mỹ sẵn sàng ngưng ngay việc bắn phá miền Bắc Việt Nam của máy bay và tàu chiến Mỹ khi việc làm này dẫn tới cuộc thảo luận có kết quả và không bị lợi dụng”<sup>(5)</sup>. Rõ ràng tuyên bố này là một

bước lùi của Mỹ, có phần mềm dẻo hơn các tuyên bố trước đây. Tuy nhiên, Mỹ vẫn giữ lập trường “ngừng ném bom có điều kiện” và “có đi có lại”, điều ta kiên quyết bác bỏ.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã gây ra một chấn động mạnh trên toàn nước Mỹ. Nội bộ chính giới Mỹ rối ren, dao động, ý chí xâm lược bị lung lay mạnh mẽ. Dưới sức ép của dư luận Mỹ, Tổng thống Johnson đã phải bác bỏ kế hoạch tăng quân, chấp nhận chuyển hướng chiến lược, tìm giải pháp đàm phán. Ngày 31/3/1968, Johnson tuyên bố đơn phương chấm dứt ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; Mỹ sẵn sàng cử đại diện thảo luận biện pháp chấm dứt chiến tranh, đồng thời tuyên bố không ra tranh cử nhiệm kỳ mới. Tuyên bố của Johnson đã đánh dấu sự thừa nhận thất bại của Mỹ trong chiến lược chiến tranh cục bộ, đánh dấu một bước thay đổi lớn, xuống thang chiến tranh, tìm kiếm giải pháp hòa bình. Cục diện “đánh - đàm” đã được mở ra.

Đáp lại tuyên bố trên, ngày 03/4/1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố: “Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện Mỹ nhằm xác định với phía Mỹ việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và các hoạt động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện”. Cuộc tiếp xúc song phương Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hoa Kỳ bắt đầu ngày 13/5/1968. Suốt 4-5 tháng, ta vận dụng tiếp xúc để hỗ trợ chiến trường, lên án và tố cáo tội ác chiến tranh của Mỹ, tranh thủ dư luận quốc tế và dư luận Mỹ. Ta kiên trì đòi Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc mới nói chuyện về các vấn đề khác; mạnh mẽ bác bỏ các điều kiện do Mỹ đưa ra, như khôi phục khu phi quân sự, chấm dứt xâm nhập và tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam... Theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, ngoại giao vận dụng sách lược đạt tới thỏa thuận Mỹ chấm dứt hoàn

toàn ném bom miền Bắc, sau đó sẽ họp Hội nghị bốn bên gồm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận dân tộc giải phóng, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn. Ngày 31/10/1968, Tổng thống Johnson tuyên bố chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc. Buộc Mỹ chấm dứt hoàn toàn việc ném bom bắn phá miền Bắc là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, là thắng lợi của sự phối hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao, tạo điều kiện củng cố hậu phương, tạo niềm tin mạnh mẽ cho nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế.

Từ đầu năm 1969 là thời gian bắt đầu hội nghị bốn bên tại Paris. Ta bước vào giai đoạn đấu tranh mới với một tình hình khá phức tạp. Nixon bắt đầu chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, xây dựng quân đội Sài Gòn mạnh để thay dần quân Mỹ, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Mỹ đồng thời hòa hoãn với Liên Xô, Trung Quốc, âm mưu dàn xếp vấn đề Việt Nam trên lưng Việt Nam. Sau đợt tổng tiến công năm 1968, lực lượng của ta bị suy yếu, vùng giải phóng bị thu hẹp, “lực lượng trên chiến trường thay đổi, địch ưu thế hơn ta, từ thế bị động nay địch giành lại thế chủ động”<sup>(6)</sup>.

Thấy rõ cuộc chiến chống Mỹ sẽ còn lâu dài, gian khó, từ đầu năm 1969, Bộ Chính trị đề ra cho ngoại giao và đoàn đàm phán Paris một số nhiệm vụ chủ yếu: Đẩy địch xuống thang một bước trên chiến trường chính, ép Hoa Kỳ đơn phương rút một bộ phận quân Mỹ; khoét sâu khó khăn nội bộ Mỹ, nội bộ nguy, mâu thuẫn Mỹ - nguy, đề cao vị trí quốc tế của Mặt trận dân tộc giải phóng, tranh thủ các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ, tranh thủ sự giúp đỡ mạnh mẽ của phong trào nhân dân thế giới bao gồm cả nhân dân Mỹ đấu tranh đòi Mỹ rút nhanh, rút hết và không điều kiện khỏi miền Nam Việt Nam...<sup>(7)</sup>. Ta xác định nhiệm vụ của ngoại giao là: Trên trường quốc tế ra sức tranh thủ đồng minh, thêm bạn bớt thù, tiến công địch, phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu

nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện các nhiệm vụ trên, ngoại giao đã vận dụng diễn đàn Hội nghị bốn bên lên án Mỹ kéo dài chiến tranh, rút quân nhỏ giọt, tranh thủ dư luận, không cho Mỹ dùng việc rút dần quân để chuyển sức ép về phía ta. Đánh vào chỗ yếu là Mỹ không định được thời hạn rút hết quân, ngày 14/9/1970, đại biểu Chính phủ cách mạng lâm thời đưa ra đề nghị hòa bình, đòi Mỹ định thời hạn rút hết quân trước ngày 30/6/1970. Sau chiến thắng Đường 9 - Nam Lào (3/1971), ngày 01/7/1971, ta đưa ra đề nghị Mỹ định thời hạn rút hết quân Mỹ trước ngày 31/12/1971, nêu rõ “thời hạn rút hết quân Mỹ cũng là thời hạn thả hết tù binh”. Dư luận Mỹ rất quan tâm đến việc thả tù binh vì số phi công Mỹ bị bắt đều là con em các gia đình có thế lực ở Mỹ. Bởi vậy, đề nghị 01/7/1971 có sức tấn công mạnh, dư luận ở Mỹ và trên thế giới đều đòi phía Mỹ đáp ứng để sớm có hòa bình. Kết hợp với diễn đàn công khai, cuối năm 1970 và giữa năm 1971, ta có những cuộc gặp riêng với phía Mỹ nhằm thăm dò và tác động thêm đối với phía Mỹ. Bên cạnh đó, ta tiếp tục tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước trong khối xã hội chủ nghĩa, các nước Đông Dương đối với cuộc kháng chiến của ta; hình thành phong trào nhân dân rộng lớn, kể cả ngay trong lòng nước Mỹ, ủng hộ Việt Nam, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh.

Cuộc đàm phán Việt Nam - Mỹ diễn ra với 28 phiên họp công khai và 12 lần gặp bí mật cấp cao và nhiều cuộc tiếp xúc, gặp gỡ riêng ở các cấp khác. Đến ngày 27/10/1968, hai bên đã thỏa thuận được những vấn đề cơ bản như Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, đại diện của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam cùng tham

gia đàm phán. Hội nghị đàm phán bốn bên về vấn đề Việt Nam khai mạc tại Thủ đô Paris. Các cuộc đàm phán diễn ra từ năm 1969 đến năm 1973 là sự kết hợp giữa diễn đàn công khai bốn bên với gặp riêng cấp cao Việt Nam - Hoa Kỳ. Chủ trương của phía Việt Nam là phối hợp đấu tranh ngoại giao với hoạt động quân sự, chính trị, phá chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ xuống thang chiến tranh, bảo đảm cho quân và dân miền Nam tiếp tục chiến đấu mà dư luận vẫn đồng tình ủng hộ với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Ngày 27/01/1973, Hiệp định Paris được ký kết mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam. Với việc Mỹ rút quân viễn chinh và quân các nước đồng minh; nhưng lực lượng chính trị và vũ trang Việt Nam vẫn ở nguyên miền Nam đã tạo ra so sánh lực lượng mới, tạo thuận lợi cho việc đánh đổ chính quyền và quân đội Sài Gòn, hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước... Hiệp định Paris là cơ sở chính trị và pháp lý đảm bảo các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, đảm bảo quyền tự quyết thiêng liêng của đồng bào ta ở miền Nam. Thắng lợi này là cơ sở để nhân dân ta tiếp tục tiến lên giành thắng lợi mới, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước.

Sách lược ngoại giao “vừa đánh, vừa đàm”, giành thắng lợi từng bước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo ra thế và lực mới, tác động trở lại trên chiến trường, góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Sách lược đã thể hiện sự linh hoạt sáng tạo, mềm dẻo nhưng kiên định, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa thực lực và dư luận; thể hiện khôn khéo về chiến lược và sách lược, góp phần quy tụ được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại, dè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris, rút hết quân đội ra khỏi miền Nam Việt Nam. Năm bất thời cơ thuận lợi, mùa Xuân năm 1975,

quân và dân ta đã tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Sách lược ngoại giao “vừa đánh, vừa đàm”, giành thắng lợi từng bước, chẳng những góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, mà còn có đóng góp to lớn trong việc xây dựng những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế, vì mục tiêu xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và tiến bộ xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn của thế giới, mặt chủ đạo trong quan hệ giữa các nước là hợp tác và đối thoại. Các nước với các chế độ chính trị - xã hội khác nhau đều có xu hướng cố gắng duy trì cục diện hoà bình, cùng nhau hợp tác để ứng phó với các thách thức, nhất là đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Mặt khác, sự hợp tác giữa các nước xung quanh các vấn đề như chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hạt nhân, bảo đảm an ninh năng lượng, chống biến đổi khí hậu, dịch bệnh... ngày càng được tăng cường. Tuy vậy, thế giới vẫn tồn tại đan xen các mâu thuẫn và sự cạnh tranh giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế đã tiến hành những đòn tấn công mới, quyết liệt hơn, nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại; đồng thời, thông qua các biện pháp kinh tế, chính trị, để củng cố chế độ tư bản, làm cho tình hình chính trị quốc tế diễn biến phức tạp, khó lường. Các hoạt động chạy đua vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột, ly khai, khủng bố quốc tế, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau đe dọa hòa bình và ổn định của thế giới. Trong khu vực vẫn tồn tại nhiều “điểm nóng”, có thể xảy ra xung đột như tranh chấp chủ quyền biển đảo. Tình hình chính trị nội bộ vẫn còn bất ổn ở một số nước; vấn đề ly khai dân tộc, xung đột tôn giáo, sắc tộc, hoạt động chống đối có vũ trang diễn biến

phức tạp, ảnh hưởng xấu đến môi trường an ninh khu vực. Trong nước, kinh tế nước ta đã vượt qua khủng hoảng và tiếp tục phát triển. Công cuộc đổi mới đất nước tiếp tục đạt được nhiều thành tựu to lớn, tạo ra thế và lực mới cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Nhân dân ta. Đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân tiếp tục được cải thiện và nâng cao; tình hình chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại ngày càng được mở rộng. Vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam tham gia vào các công việc quốc tế và khu vực; hội nhập thế giới, tuy vẫn còn nhiều thách thức gay gắt nhưng đã tạo điều kiện cho nước ta khai thác sức mạnh từ bên ngoài để tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước. Bằng các chủ trương, chính sách đối ngoại khôn khéo và linh hoạt, bằng sự tham gia tích cực vào các hoạt động quốc tế và khu vực, chúng ta tiếp tục tạo được thế “đan cài lợi ích” giữa các nước để hạn chế sự chống phá của các thế lực thù địch từ bên ngoài, tạo được môi trường hòa bình, ổn định khu vực, láng giềng hữu nghị để tập trung phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc; tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực, tăng cường các hoạt động thực hiện các cam kết quốc tế trên các lĩnh vực, tham gia nhiều hơn vào các nỗ lực chung nhằm giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột góp phần giữ gìn hòa bình trên thế giới. Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của ngoại giao thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, ngoại giao thời kỳ hội nhập quốc tế và phát triển đất nước cần chú trọng một số nội dung sau:

*Thứ nhất:* Độc lập, tự chủ là nguyên tắc trong mọi quyết sách, trong từng bước đi. Điều đó đã giúp ta đứng vững trong mọi hoàn cảnh, kể cả khi tình hình quốc tế có những biến động không thuận lợi. Quá trình đàm phán, ký kết Hiệp định Paris thể

hiện rõ, tiêu biểu về sự kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Bởi vậy, trong suốt quá trình đàm phán tại Paris, chúng ta đã có được sự ủng hộ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, đã tranh thủ được sự đồng tình của dư luận quốc tế, kể cả dư luận tiến bộ Mỹ, góp phần tạo nên một mặt trận nhân dân thế giới rộng lớn ủng hộ Việt Nam.

Trong giai đoạn mới, việc chặt lọc, vận dụng bài học độc lập, tự chủ là hết sức quan trọng. Theo đó, chúng ta phải coi việc phát huy sức mạnh nội lực là yếu tố mang tính chất quyết định, ngoại lực là yếu tố quan trọng. Xử lý đúng đắn, hài hòa giữa độc lập, tự chủ và đoàn kết, hợp tác quốc tế, giữa lợi ích quốc gia dân tộc và trách nhiệm quốc tế. Tuy nhiên, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại phải luôn linh hoạt, thích ứng với các xu thế vận động của thế giới, nhưng trên hết phải phát huy nguồn lực tổng hợp với nguồn lực nội tại, giữ vững mục tiêu, nhiệm vụ và lợi ích quốc gia - dân tộc, để đảm bảo giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*Thứ hai:* Giữ vững nguyên tắc “Đĩ bất biến, ứng vạn biến”. Lập trường của ta trong các cuộc đàm phán là luôn khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam; lên án tội ác chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trên hai miền Nam, Bắc Việt Nam; đòi Mỹ rút quân ra khỏi Việt Nam; yêu cầu chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc Việt Nam của Mỹ... Chúng ta đã linh hoạt ứng xử trong các tình huống cụ thể nhưng không bao giờ từ bỏ các nguyên tắc đó và chúng ta đã chiến thắng...

Trong giai đoạn hiện nay luôn phải kiên định nguyên tắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong đó, sách lược của chúng ta là cơ động, linh hoạt điều chỉnh

tùy theo từng vấn đề, từng thời điểm và tùy theo đối tượng hay đối tác, “thêm bạn bớt thù”, “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”, đặc biệt là quyết tâm xây dựng và phát triển một nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam hiện đại và mang đậm bản sắc dân tộc - xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo của Thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc “*cây tre Việt Nam*”, như phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

*Thứ ba:* Vận dụng hiệu quả sách lược “vừa đánh, vừa đàm”; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao để giành thắng lợi quyết định. Trong suốt quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Paris, sự phối hợp nhịp nhàng giữa ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao, giữa “đánh” và “đàm”, giữa các binh chủng hợp thành thể trận chiến tranh nhân dân, có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Hơn nữa, quá trình thực hiện phương châm “vừa đánh, vừa đàm”, Việt Nam có bốn lần giành thắng lợi từng bước. Đó là: ép Mỹ hạn chế ném bom miền Bắc; buộc Mỹ chấm dứt hoàn toàn việc ném bom miền Bắc; ép Mỹ đơn phương rút dần quân Mỹ về nước; buộc Mỹ ký Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Thắng lợi của Hội nghị Paris trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự và ngoại giao độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng, là sự kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn đàm phán những cái mà chúng ta giành được trên chiến trường. Đi vào đấu tranh trong

từng phiên họp tại Hội nghị Paris, trên các vấn đề lớn, ta luôn biết cách gạt các mũi tên tiến công, các đòn gây sức ép của đối phương bằng những lý lẽ, lập luận sắc bén, các cách ứng xử quyết liệt. Không phiên họp nào phía Mỹ không đề cập đến vấn đề “rút quân miền Bắc”. Mỹ xoáy vào vấn đề này nhằm đánh lừa dư luận, gây khó khăn cho ta. Ta khẳng định: Thực hiện quyền dân tộc tự vệ thiêng liêng, mọi người Việt Nam đều có quyền chiến đấu trên bất kỳ mảnh đất nào của Tổ quốc mình. Sau đó, ta đưa ra phương thức: Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do các bên Việt Nam giải quyết. Lập trường này đã được đưa thành một điều khoản (Điều 13) của Hiệp định Paris. Dưới thời Nixon, Mỹ mấy lần cho ném bom lại một số nơi ở miền Bắc để gây sức ép, khiến không khí đàm phán căng thẳng. Đoàn đàm phán ta đến phiên họp đọc bản tuyên bố lên án Mỹ rồi bỏ họp mà không để đối phương kịp phản ứng. Chủ động bỏ họp như vậy cũng là một cách tiến công gây tác động mạnh trong dư luận. Ta giành được thế chủ động trong đàm phán vì chủ động trong điều hành cục diện cuộc chiến, ta biết phát động và biết kết thúc đấu tranh theo mưu lược của ta. Mặt khác, đi vào đàm phán, ta nắm chắc chiến trường, nội bộ Mỹ và xu thế quốc tế để tính toán cung cách và bước đi chặt chẽ, giữ vững quyền chủ động trong quá trình thương lượng, đó chính là bài học “biết mình, biết người” trong đàm phán Paris.

Trong giai đoạn hiện nay, để khẳng định quan điểm của Việt Nam trong các cuộc đàm phán quốc tế, cần thể hiện vị thế của nước ta ở nhiều lĩnh vực, nhất là chính trị, kinh tế, văn hóa và cả quân sự như: Trong đàm phán thương mại song phương, có đối tác đưa ra các yêu sách phi lý về nhân quyền, về các vấn đề nội bộ, về nền kinh tế thị trường...; bên cạnh việc kiên trì giải thích, thuyết phục, chúng ta luôn chứng minh bằng các lý lẽ cụ thể về các thành tựu

bảo vệ quyền con người ở Việt Nam, về uy tín của đất nước trên trường quốc tế, về tính hội nhập và đặc điểm thị trường của nền kinh tế Việt Nam, do đó chúng ta đạt nhiều kết quả tích cực. Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 193 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có quan hệ đối tác chiến lược với 18 nước và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 8 nước, quan hệ đối tác 14 nước; có quan hệ kinh tế với hơn 230 quốc gia, vùng lãnh thổ; đã ký 15 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có các FTA thế hệ mới. Việt Nam cũng là thành viên tích cực của hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM... Chúng ta cần tiếp tục quán triệt quan điểm của Đảng về xác định đối tác, đối tượng vào thực tiễn; trong từng thời điểm cụ thể chúng ta phải căn cứ vào đường lối, chiến lược, âm mưu, thủ đoạn hiện hành và phải có cách nhìn nhận biện chứng, khoa học; dựa trên tư duy thực tế, linh hoạt để luôn nhận biết rõ đâu là đối tác, đâu là đối tượng. Thực hiện vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên tinh thần gia tăng hợp tác, phát huy mặt tích cực của quan hệ đối tác; hạn chế, khắc phục tác động trái chiều của quan hệ đối tượng; triệt để khai thác các nhân tố có lợi từ bên ngoài phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tránh quan điểm, nhận thức mơ hồ, ảo tưởng, mất cảnh giác cách mạng; đánh đồng, nhầm lẫn, cứng nhắc, tuyệt đối hóa đối tác hoặc đối tượng; tránh để đối tác chuyển hóa thành đối tượng; tránh cho rằng đối tác là để hợp tác, đối tượng là để đấu tranh một cách đơn thuần.

Như vậy, đường lối cách mạng “vừa đánh, vừa đàm” trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã được tiến hành một cách chủ động, sáng tạo; đồng thời, yếu tố “đánh” và “đàm” được kết hợp rất chặt chẽ, nhuần nhuyễn trong từng giai đoạn của cuộc chiến tranh, trên từng mặt trận, hỗ trợ; tác động lẫn nhau tạo nên sức mạnh to lớn đánh thắng kẻ thù. Trong giai đoạn

hiện nay, tình hình quốc tế, khu vực dự báo sẽ có những diễn biến phức tạp, khó lường. Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam bên cạnh những thuận lợi vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, cùng với phát huy sức mạnh nội lực, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tiếp tục nghiên cứu, vận dụng linh hoạt chất lọc, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm “vừa đánh, vừa đàm” trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước là đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, qua đó từng bước nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra./

#### *Chú thích:*

(1) Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1954-1975*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội 1995, t.II, tr. 306.

(2) Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 217.

(3) Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, t. II, tr.379.

(4) Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, tr.218.

(5) Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, tr.220.

(6) Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, T.II, tr.444.

(7) Nguyễn Khắc Huỳnh, Bài viết: *Ngoại giao Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Bản lĩnh và trí tuệ.*

## **CƠ CHẾ THỰC THI ...** (Tiếp theo trang 23)

động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước pháp luật như mọi công dân trong xã hội.

Bên cạnh đó, các tổ chức của Đảng và Nhà nước đều phải chịu sự giám sát của Nhân dân. Hiến pháp năm 2013 quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Giám sát quyền lực từ phía Nhân dân cũng là cơ chế giám sát quyền lực thiết thực và hiệu quả. Cơ chế giám sát, phản biện xã hội đã được cụ thể hóa trong những quy định của Đảng như: Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã, hội.

Cuối cùng, báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng cũng góp phần tham gia giám sát quyền lực. Đây là kênh kiểm soát đang phát huy thế mạnh ở Việt Nam hiện nay, gắn liền với cuộc cách mạng về khoa học, công nghệ.

Có thể nói, cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân. làm chủ” thể hiện sự thống nhất về bản chất của hệ thống chính trị Việt Nam. Cơ chế này xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân; xác định vai trò, địa vị làm chủ của Nhân dân trong quá trình xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa./

#### *Chú thích:*

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.1, tr. 196; 197.

(2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.1, tr.217; 173.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.1, tr.51.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.1, tr.128.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: Quy định số 205 QĐ/TW ngày 23-9-2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.

# THỰC HIỆN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GẮN VỚI TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. VÕ THANH CƯỜNG

Giảng viên Phòng QLĐT & NCKH

*Tóm tắt: Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Đây là đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện tinh ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong bối cảnh thế giới và trong nước thời gian tới có nhiều thời cơ và thách thức, để tiếp tục phát huy thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau 40 năm đổi mới, đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội.*

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội luôn rõ ràng, nhất quán và xuyên suốt trong quan điểm của Đảng ta. Tăng trưởng kinh tế là cơ sở đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội, theo đó phát triển kinh tế là kết quả tổng hợp của sự tăng trưởng. Tiến bộ và công bằng xã hội luôn là mục tiêu hướng tới, có mối quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện ở nhiều nội dung, tiêu chí trong đó lấy con người làm trung tâm.

Về bản chất, phát triển kinh tế trong chế độ xã hội chủ nghĩa luôn hướng đến và bao hàm sự tiến bộ, công bằng xã hội, là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng

xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần”. Trái lại, mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội cần được thực hiện trên phạm vi cả nước, ở mọi lĩnh vực, địa phương ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hay lâu dài.

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Đó là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc những quan điểm, kinh nghiệm từ thực tiễn phát triển kinh tế thị trường của các nước trên thế

giới vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay nhiều quan điểm khác biệt, thậm chí là trái ngược, xuyên tạc, gây cản trở đến quá trình thực hiện mô hình kinh tế này ở Việt Nam. Một số quan điểm cho rằng kinh tế thị trường là sản phẩm của chế độ tư bản chủ nghĩa nên “không thể dung hợp với chủ nghĩa xã hội”; việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chỉ là “sự gán ghép vô nguyên tắc” theo kiểu “râu ông nọ cắm cằm bà kia”. Có ý kiến còn cho rằng: “Chủ trương kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là không thực tế và thiếu khoa học”, do đó, cần phải bỏ đuôi “định hướng xã hội chủ nghĩa” để kinh tế thị trường ở Việt Nam phát triển theo đúng xu thế thời đại, có như vậy nền kinh tế Việt Nam mới nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu. Đây là những quan điểm sai trái, thù địch về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam do nhận thức không đúng về bản chất của kinh tế thị trường, hoặc cố tình xuyên tạc đối lập kinh tế thị trường với xã hội chủ nghĩa.

Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là một xã hội “lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội”. Đây là sự lý giải gián tiếp tại sao Việt Nam không lựa chọn phát triển đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đưa ra quan điểm rất rõ ràng: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm

giá con người. Chúng ta cần sự phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội”; “Mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn”. Đây là điểm nhấn quan trọng, vừa là sự cụ thể hóa hơn, vừa cho thấy rõ sự phát triển quan điểm của Đảng về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội gắn với phát triển kinh tế. Khẳng định của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là lập luận giàu sức thuyết phục minh chứng cho tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng. Đó cũng chính là luận cứ khoa học sắc bén để đấu tranh phản bác những luận điệu sai trái, cố tình xuyên tạc về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đồng thời một lần nữa nhấn mạnh thêm tính ưu việt của chế độ xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng. Tính ưu việt đó không chỉ được thể hiện trên phương diện lý luận, với những chủ trương, đường lối mà còn được hiện thực hóa thông qua những chính sách quản lý và phát triển xã hội đã và đang thực hiện thời gian qua.

Thực tiễn 40 năm đổi mới đất nước cho thấy, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của nước ta ngày càng lớn mạnh. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình độ rất thấp, hầu như không có tên trên bản đồ thế giới, ngày nay Việt Nam đã vươn lên trở thành một nước có

quy mô gần 100 triệu dân, đang phát triển, có thu nhập trung bình, có quan hệ với hầu hết các nước trên thế giới, tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế và là thành viên, đối tác tin cậy và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” và “Trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, phải hết sức chú trọng tính đồng bộ, toàn diện... xây dựng đồng bộ thể chế phát triển các mục tiêu lâu dài, cơ bản và bền vững của đất nước theo hướng bảo đảm hài hòa giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”.

Trong những năm qua, Việt Nam không chỉ có nền kinh tế đạt mức tăng trưởng khá mà còn có các chính sách phát triển xã hội hài hòa, nhân văn, vì con người. Việc thực hiện việc tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội đạt nhiều kết quả với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008, trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 11,76% năm 2011 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) xuống còn 2,75% năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều), chỉ số thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, khoảng cách mức độ phân hóa thu nhập tính theo thu nhập bình quân đầu người/tháng giữa các nhóm dân cư, khu vực, vùng, miền có xu hướng thu hẹp. Cùng với quá trình tăng trưởng của nền kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm được giữ ở mức thấp và cùng có xu hướng giảm dần. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng nhanh từ 60,9% năm 2010 lên 90,7% vào năm 2020, công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân ở nước ta không ngừng được cải thiện, tuổi thọ trung bình của Việt Nam đạt 76,3 tuổi, số năm sống khỏe sau tuổi 60 đạt 17,2 năm, đứng

thứ 42/183 nước. Chính sách đối với người có công đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, công bằng. Người có công được chăm lo, đền ơn đáp nghĩa, được ưu tiên, ưu đãi trong giáo dục, đào tạo, giải quyết việc làm, về nhà ở, đất ở. Ưu đãi xã hội và trợ giúp xã hội ngày càng được hoàn thiện, mức trợ cấp xã hội liên tục tăng, đối tượng trợ giúp xã hội được mở rộng. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch COVID-19, năm 2020 và 2021, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành một loạt các chính sách để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn một cách kịp thời, không để ai bị bỏ lại phía sau; quyền làm chủ của nhân dân đối với mọi mặt đời sống xã hội được bảo đảm; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ngày càng hoàn thiện theo hướng trong sạch, vững mạnh; dân chủ được phát huy, kỷ luật, kỷ cương được bảo đảm; văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ được mở mang, trình độ dân trí phát triển; những tệ nạn xã hội được đấu tranh loại bỏ dần; môi trường sinh thái được quan tâm bảo vệ hơn; con người có điều kiện hơn để phát triển về thể chất, trí tuệ, đạo đức, nghề nghiệp, có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc; được cống hiến và hưởng thụ công bằng thành quả của sự phát triển.

Trong phiên họp Bộ Chính trị ngày 28/02/2025, căn cứ Nghị quyết số 29, Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị quyết 42-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, nhất quán quan điểm bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và “không để ai ở lại phía sau”, Bộ Chính trị đã đồng ý thực hiện chính sách miễn

học phí cho học sinh từ mầm non đến giáo dục phổ thông từ năm học 2025 - 2026 trở đi. Bên cạnh đó, Tổng Bí thư Tô Lâm cũng chỉ đạo việc tiến tới miễn phí viện phí cho người dân không chỉ là định hướng mang tính chiến lược lâu dài mà là mục tiêu toàn ngành y tế quyết tâm thực hiện. Đây là chính sách chạm đến trái tim của hàng triệu người dân, Chủ trương này không chỉ là mục tiêu riêng của ngành y tế mà còn gửi đi thông điệp sâu sắc rằng “Chính sách phải bắt nguồn từ con người, vì con người, vì một Việt Nam phát triển bền vững”.

Từ ngày 01/7/2025, cả nước sẽ chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đây không chỉ là một sự thay đổi về mặt tổ chức hành chính, mà là một cuộc cải cách thể chế sâu sắc và chưa từng có tiền lệ trong lịch sử quản trị nhà nước hiện đại ở Việt Nam nhằm đưa chính quyền cơ sở đến gần dân, sát dân, nắm chắc tình hình đời sống nhân dân để kịp thời giải quyết những vấn đề thiết thực, phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn.

Từ thực tiễn nêu trên có thể khẳng định, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không chỉ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân mà còn góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin vững chắc của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đây là những bằng chứng thực tiễn đầy sức thuyết phục vừa để khẳng định chủ trương phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội là đúng đắn song cũng là luận cứ thực tiễn sắc bén nhằm phản bác những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, phát triển đất nước ở Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, việc thực hiện mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng

xã hội trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế như: GDP bình quân đầu người còn thấp, năng suất lao động chưa cao, khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư có xu hướng tăng, giảm nghèo chưa bền vững, bất bình đẳng trong thu nhập, chênh lệch mức sống ngày càng tăng; không ít giá trị văn hóa, đạo đức bị mai một, xuống cấp; thực hiện an sinh xã hội ở một số địa phương còn hạn chế... Những vấn đề đó đã làm cho nền kinh tế ở nước ta phát triển chưa bền vững. Vì vậy, phải thường xuyên quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Bởi lẽ, tiến bộ và công bằng xã hội vừa là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, vừa là một mục tiêu thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta phải hiện thực hóa trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bối cảnh thế giới và trong nước thời gian tới có nhiều thời cơ và thách thức; quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu, những thành quả của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; mặt trái của quá trình toàn cầu hóa, kinh tế thị trường đã đặt ra nhiều vấn đề mới cho Việt Nam. Để tiếp tục phát huy thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau 40 năm đổi mới, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội đang được Đảng, Nhân dân đồng thuận xây dựng, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong điều kiện mới. Xác định tiến bộ và công bằng xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với phát triển kinh tế, kinh tế

chỉ phát triển nhanh và bền vững khi coi trọng phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và đặt con người là trung tâm của sự phát triển.

*Thứ hai*, tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội thành các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng thuận lợi, công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, đảm bảo cho mọi chủ thể có cơ hội ngang nhau trong việc tiếp cận các điều kiện, nguồn lực và tạo môi trường pháp lý ổn định, minh bạch, công bằng cho mọi chủ thể trong nền kinh tế. Quản lý xã hội nghiêm minh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh. Không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người.

*Thứ ba*, coi trọng việc xây dựng các chính sách đầu tư phát triển kinh tế, phải hết sức quan tâm tới yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho người lao động; tạo điều kiện giải quyết ngày càng nhiều việc làm, đặc biệt là cho lao động khu vực nông thôn. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về dạy nghề, ban hành chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, hỗ trợ cơ sở hạ tầng... nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề.

*Thứ tư*, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc; hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm tự nguyện; nâng cao các biện pháp xử lý đối với các vi phạm về chính sách bảo hiểm xã hội. Thực hiện nhất quán các chính sách người có

công, an sinh xã hội đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, công bằng xã hội; chăm lo, đền ơn đáp nghĩa với người có công; hỗ trợ thường xuyên người tàn tật, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo; ưu tiên tập trung nguồn lực cao nhất cho người nghèo như chính sách vay vốn ưu đãi, giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí, khuyến khích làm giàu hợp pháp và tích cực xóa đói, giảm nghèo bền vững.

*Thứ năm*, để đảm bảo cho sự tăng trưởng, phát triển bền vững thì tăng trưởng kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo công bằng xã hội kết hợp theo hướng mỗi chính sách phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững, công bằng xã hội, mỗi chính sách ban hành phải dựa trên những cơ sở pháp lý và khoa học có tính đến các yếu tố văn hóa và truyền thống và thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững không đánh đổi tăng trưởng lấy tác động tiêu cực đến xã hội và cuộc sống của người dân.

*Thứ sáu*, xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức lành mạnh; ngăn chặn sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức; xây dựng các cơ chế, chính sách để gắn kết chặt chẽ xây dựng văn hóa và phát triển con người; phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

Việt Nam đang nỗ lực cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, nhưng cần giải quyết những mâu thuẫn nội tại. Phát triển bền vững đòi hỏi sự đồng bộ giữa chính sách kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”./.

# ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG CƠ HỘI CHÍNH TRỊ TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG THEO QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH



Ths. TRẦN THỊ QUỲNH ANGA

Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

*Tóm tắt: Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống lại những biểu hiện tiêu cực xuất hiện trong Đảng, trong đó có biểu hiện cơ hội trong Đảng. Tư tưởng của Người về xây dựng Đảng luôn là tài sản vô cùng quý báu, là những chỉ dẫn quan trọng về lý luận và thực tiễn đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là trong đấu tranh phòng, chống cơ hội chính trị. Hiện nay, cuộc đấu tranh phòng, chống biểu hiện cơ hội chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên đang diễn ra quyết liệt và phức tạp, vì vậy cần tiếp tục quán triệt và vận dụng quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống cơ hội chính trị.*

## 1. Quan điểm Hồ Chí Minh về những biểu hiện “cơ hội chính trị”

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống lại những biểu hiện tiêu cực xuất hiện trong Đảng, trong đó có biểu hiện cơ hội trong Đảng. Trong tác phẩm *Di chúc* (1969), Chủ tịch Hồ Chí Minh dành những lời căn dặn đầu tiên về Đảng: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”<sup>(1)</sup>. Với mục đích xây dựng Đảng ta

trở thành một Đảng thực sự cách mạng, chân chính thì tất yếu phải đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội trong Đảng, nhất là cơ hội về chính trị, và phải xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên.

Mặc dù chưa từng nhắc tới cụm từ “cơ hội chính trị”, nhưng khi làm rõ nội hàm của cụm từ này, thì có thể khẳng định Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bàn đến rất nhiều và cụ thể về những biểu hiện của “cơ hội chính trị”. Người thường xuyên nhắc tới các căn bệnh mà cán bộ, đảng viên của Đảng nếu không rèn luyện đạo đức cách mạng, sẽ mắc phải... Bởi khi mắc phải những “căn bệnh” này sẽ không chỉ làm xói mòn phẩm chất, đạo đức, lối sống của

cán bộ, đảng viên, mà còn là trở lực lớn đối với sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới, là nguy cơ làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện Đảng Cộng sản cầm quyền.

Theo đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm chỉ ra những biểu hiện cơ hội, trong đó có biểu hiện cơ hội chính trị. Sau khi chính quyền thành lập, khi Nhà nước cách mạng còn non trẻ, gặp muôn vàn khó khăn, Hồ Chí Minh đã chỉ ra cần phải đấu tranh chống lại những biểu hiện tiêu cực mà đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ chức vụ trong Đảng và Chính phủ dễ mắc phải. Đó là các “căn bệnh” như: “Óc bè phái. Ai hầu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không hầu với mình thì dù có tài cũng dìm họ xuống, họ phải mấy cũng không nghe. Đó là một khuyết điểm rất có hại. Nó làm cho đoàn thể mất cán bộ, kém nhất trí, thường hỏng việc. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm”<sup>(2)</sup>; “Óc hẹp hòi - Ở trong Đảng thì không biết cất nhắc những người tốt, sợ người ta hơn mình. Ở ngoài Đảng thì khinh người, cho ai cũng không cách mạng, không khôn khéo bằng mình. Vì thế mà không biết liên lạc hợp tác với những người có đạo đức tài năng ở ngoài Đảng”<sup>(3)</sup>; “Óc lãnh tụ - Đánh được vài trận, hoặc làm được vài việc gì ở địa phương đã cho mình là tài giỏi lắm rồi, anh hùng lắm rồi, đáng làm lãnh tụ rồi”<sup>(4)</sup>; “Bệnh hiếu danh - Tự cho mình là anh hùng, là vĩ đại. Có khi vì cái tham vọng đó mà việc không đáng làm cũng làm. Đến khi bị công kích, bị phê bình thì tinh thần lung lay... Chỉ ham làm chủ tịch này, ủy viên nọ, chớ không ham công tác thiết thực”<sup>(5)</sup>; “Kéo bè kéo cánh lại là một bệnh rất nguy hiểm nữa. Từ bè phái mà đi đến chia rẽ. Ai hợp với mình thì dù người xấu cũng cho là tốt, việc dở cũng cho là hay, rồi che đậy cho

nhau, ủng hộ lẫn nhau. Ai không hợp với mình thì người tốt cũng cho là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách dèm pha, nói xấu, tìm cách dìm người đó xuống. Bệnh này rất tai hại cho Đảng”<sup>(6)</sup>... Những cán bộ, đảng viên mang trong mình các biểu hiện tiêu cực, các tật bệnh xấu này chính là những người suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, “cũng có người hủ hoá, lên mặt làm quan cách mạng, hoặc là độc hành độc đoán, hoặc là dĩ công dinh tư. Thậm chí dùng pháp công để báo thù tư, làm cho dân oán đến Chính phủ và Đoàn thể”<sup>(7)</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ ra nguyên nhân chủ yếu của những biểu hiện suy thoái, cơ hội chính trị là do chủ nghĩa cá nhân sinh ra. Theo Người: “Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của Nhân dân”<sup>(8)</sup>. Có thể nói, những biểu hiện tiêu cực, sự suy thoái mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra ở trên đều là “con đẻ” của chủ nghĩa cá nhân; không chỉ phản ánh sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện về mọi mặt của người cán bộ, đảng viên mà còn là “kẻ địch nội xâm”, kẻ thù của người cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra tác hại của biểu hiện cơ hội chính trị. Trong bài viết *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Người không chỉ nêu ra những biểu hiện của một số cán bộ, đảng viên về đạo đức, phẩm chất còn thấp kém mà còn chỉ ra tác hại của những sai lầm, khuyết điểm, thói hư, tật xấu đó sẽ làm giảm sút uy tín, làm mất đi sự tín nhiệm, tin yêu, cảm phục

của quần chúng Nhân dân đối với cán bộ, đảng viên. Những sai lầm, khuyết điểm đó là những kẻ địch ẩn nấp trong mỗi con người - giặc nội xâm, phá hoại sự nghiệp cách mạng, nếu không được sửa chữa kịp thời, sẽ dần dần đến tình trạng bất mãn, oán trách, xa rời Đảng, phá hoại chính sách và kỷ luật của Đảng, phản bội Đảng, phản bội cách mạng, cuối cùng là từ bỏ lý tưởng, con đường mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn. Đó chính là biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Để đấu tranh phòng tránh và chống lại những căn bệnh nêu trên, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước hết phải ra sức tăng cường giáo dục trong toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Việc giáo dục lý tưởng này phải xuất phát từ những đối tượng cụ thể, đặc biệt là trình độ nhận thức, chức trách đảm nhiệm, độ tuổi, ngành nghề, vùng miền, mà có những nội dung, biện pháp cụ thể phù hợp. Trong giáo dục lý tưởng cách mạng phải gắn lý luận và thực tiễn, lý thuyết và thực hành. Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn hết sức coi trọng biện pháp giáo dục nêu gương, theo tinh thần: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”<sup>(9)</sup>.

Đối với tổ chức Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra yêu cầu tổ chức Đảng các cấp phải tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình trong Đảng. Người luôn coi tự phê bình và phê bình là thang thuốc hay nhất, cách sửa chữa tốt nhất và quý nhất những sai lầm, khuyết điểm, là phương pháp thần diệu, là vũ khí sắc bén nhất của người cách mạng trong cuộc đấu tranh với những thói hư, tật xấu, với “kẻ địch trong con người mình”. Phương pháp tự phê bình và phê bình được Chủ

tịch Hồ Chí Minh xác định là một nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng và là một tiêu chí bản chất của một đảng chân chính cách mạng. Bên cạnh đó, Người yêu cầu chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc; kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh; công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ. Người cho rằng kỷ luật Đảng là kỷ luật sắt và thẳng thắn, vì vậy Người nêu rõ: “Không có kỷ luật sắt không có Đảng. Đã vào Đảng thì phải theo tư tưởng của Đảng. Đảng đã chỉ thị nghị quyết là phải làm. Không làm thì đuổi ra ngoài Đảng”<sup>(10)</sup>. Hồ Chí Minh cũng nhiều lần yêu cầu phải hết sức chú trọng công tác kiểm tra và coi đây là một trong những nội dung của phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đối với cán bộ, đảng viên, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Cần phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Theo Người, cách thức tốt nhất để mỗi người tự mình rèn luyện, trưởng thành là phải tích cực tham gia các hoạt động thực tiễn, trường đào tạo lớn nhất của mỗi cán bộ, đảng viên là thực tiễn. Bản thân mỗi cán bộ, đảng viên phải tự ý thức, tự giáo dục mình trong cuộc sống hàng ngày theo tinh thần “ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”<sup>(11)</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thường xuyên nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên, muốn phòng chống các tật bệnh, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thì phải đi sâu, đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Bởi lẽ, “Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì

manh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân”<sup>(12)</sup>; dựa vào dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, tôn trọng Nhân dân, yêu quý Nhân dân, phấn đấu vì lợi ích của Nhân dân, có như vậy mới được Nhân dân yêu mến, tin tưởng.

## **2. Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về phòng, chống cơ hội chính trị trong công tác xây dựng Đảng hiện nay**

Trong những năm gần đây, Đảng ta càng ngày càng coi trọng việc đấu tranh phòng, chống chủ nghĩa cơ hội, điều này thể hiện rõ trong hai kỳ Đại hội của Đảng gần đây. Đại hội lần thứ XII của Đảng xác định: “kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm”<sup>(13)</sup>. Tiếp đó, trong phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta xác định: “Chú trọng xây dựng môi trường văn hoá công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh”<sup>(14)</sup>. Đồng thời, trong phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực cầm quyền, lãnh đạo của Đảng, Đảng ta cũng nhấn mạnh việc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”<sup>(15)</sup>. Bên cạnh đó, trong *Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030*, Đảng ta cũng nhấn mạnh: “đẩy mạnh đấu tranh

làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị”<sup>(16)</sup>.

Nếu như Đại hội XII đề cập chủ nghĩa cơ hội ở mức độ chung “lối sống cơ hội” thì Đại hội XIII Đảng ta đã cụ thể hóa hơn về chủ nghĩa cơ hội, đó không chỉ là chủ nghĩa cơ hội nói chung, mà còn chỉ ra cơ hội chính trị. Cơ hội chính trị là một loại trong chủ nghĩa cơ hội. Trong những phần tử cơ hội, thì những kẻ cơ hội chính trị có thể gây ảnh hưởng tiêu cực nhiều nhất đối với xã hội, vì chúng có thể tác động đến chính trị, làm giảm chất lượng, hiệu quả của hệ thống chính trị; làm méo mó chủ trương, chính sách tốt đẹp của Đảng và Nhà nước; có thể gây mất đoàn kết nội bộ, thậm chí là mất ổn định chính trị, để lại hậu quả nặng nề cho xã hội. Để đấu tranh phòng, chống biểu hiện cơ hội chính trị trong Đảng hiện nay có hiệu quả, cần thực hiện tốt những di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và vận dụng một cách sáng tạo các biện pháp mà Người đã nêu ra trong giai đoạn hiện nay:

*Một là*, cần nhận thức đúng những biểu hiện cơ hội chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng như thấy được tính chất phức tạp, khó khăn của cuộc đấu tranh phòng, chống tệ cơ hội chính trị hiện nay. Phải thấy rằng những biểu hiện của cơ hội chính trị đang diễn ra hiện nay cũng chính là một trong những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bằng trực quan chúng ta không thể xét đoán được bộ phận nào trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, bởi những kẻ cơ hội chính trị rất tinh vi và xảo quyệt.

Nhận diện đúng những biểu hiện của cơ hội chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhận thức đúng tính chất

phức tạp, khó khăn, giúp cho Đảng ta chủ động, kịp thời, kiên quyết trong xác định và thực hiện những biện pháp, bước đi thích hợp, kết hợp chặt chẽ giữa “phòng” và “chống”, không thỏa hiệp với những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chính trị đang diễn ra. Đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực, đồng thời, không cho chúng có cơ hội trở thành một trào lưu, một lực lượng tác động tới sự nghiệp cách mạng nước ta. Điều đó góp phần vào việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc đi tới mục tiêu cuối cùng. Cần gắn cuộc đấu tranh chống biểu hiện cơ hội chính trị với đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ Đảng và cuộc đấu tranh chống chiến lược “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch. Tuy nhiên, phải giữ vững nguyên tắc tính đảng trong cuộc đấu tranh này, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Hai là*, đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Cần phải làm cho công tác tư tưởng luôn chủ động, kịp thời, sắc bén, có tính thuyết phục cao, góp phần củng cố sự đoàn kết thống nhất về chính trị, tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân. Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp gắn với đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chủ động, kiên quyết, kịp thời đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, những biểu hiện cơ hội chính trị, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

*Ba là*, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ một số cán bộ, đảng viên do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành... làm hại đến lợi ích của cách mạng, của Nhân dân. Chính vì vậy, cuộc đấu tranh chống biểu hiện cơ hội chính trị, đòi hỏi sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ có chức, có quyền. Phải kiên quyết đấu tranh “*quét sạch*” chủ nghĩa cá nhân, nêu cao tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật, đồng thời, thường xuyên cảnh giác đấu tranh ngăn ngừa và đẩy lùi những biểu hiện cơ hội chính trị trong Đảng.

*Bốn là*, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết với Nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên cần nêu cao tinh thần đoàn kết thống nhất trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình yêu thương đồng chí; luôn “*giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*”<sup>(17)</sup>. Đoàn kết thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để quần chúng Nhân dân tham gia góp ý phê bình cán bộ, đảng viên; qua đó, góp phần phòng ngừa và đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Cán bộ, đảng viên phải lắng nghe ý kiến của Nhân dân trong việc phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền về hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền, góp phần ngăn chặn những biểu hiện cơ hội chính trị trong cán bộ, đảng viên giữ chức vụ trong Đảng.

*Năm là*, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể quần chúng Nhân dân. Đề phòng, chống, ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện cơ hội chính trị, đòi hỏi cấp bách hiện nay và trong các năm tới là phải tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Cần phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan dân cử thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình để phát hiện hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay chạy chức, chạy quyền và kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xử lý; đồng thời, giám sát việc thực hiện kiến nghị theo quy định.

*Sáu là*, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, đảng viên đồng thời, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện kiểm tra, giám sát sẽ góp phần giáo dục, răn đe đối với cán bộ, đảng viên, đấu tranh, ngăn chặn các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho Nhân dân”<sup>(18)</sup>. “Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi”<sup>(19)</sup>. Theo đó, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp cần coi trọng công tác kiểm tra, giám sát và quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, thực hiện chế tài xử lý nghiêm những trường hợp chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy tội... như Nghị quyết Đại hội XII của Đảng chỉ ra, cho dù họ ở bất cứ cương vị nào. Đặc biệt phải thực hiện

ng nghiêm Quy định số 205-QĐ/TW của Bộ Chính trị về “*Việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền*”; kiên quyết xử lý nghiêm, không có vùng cấm đối với các hành vi chạy chức, chạy quyền và hành vi bao che, tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền theo Điều 10 và Điều 11 của Quy định này. Trong quá trình thực thi, phải kiên quyết loại bỏ những phần tử cơ hội chính trị ra khỏi hàng ngũ của Đảng. Bên cạnh đó, cần nhanh chóng hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo ra sự răn đe nghiêm khắc đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm.

Công cuộc đấu tranh phòng, chống biểu hiện cơ hội chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng sẽ tiếp tục diễn ra quyết liệt, phức tạp và lâu dài. Thành bại của cuộc đấu tranh này hoàn toàn phụ thuộc vào sự đồng tâm, hiệp lực và sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị cùng toàn thể Nhân dân./.

#### *Chú thích:*

- (1). (17). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2011, t.15, tr. 629; tr.628.
- (2). (3). (4). (5). (6). <sup>(19)</sup>. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.88; tr.296; tr.296; tr.295; tr.295; tr.327.
- (7). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.20.
- (8). (11). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr.611; tr.612.
- (9). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.284.
- (10). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.367.
- (12). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.453.
- (13). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.202
- (14). (15). (16). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tập I, tr. 144; tr. 183; , tr. 117
- (18). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.14, tr.362.

# ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC LUẬN ĐIỀU XUYÊN TẠC VỀ CHỦ TRƯỞNG TINH GỌN BỘ MÁY TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

✧ Ths. NGUYỄN QUỲNH NGA

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

*Tóm tắt: Chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị với quan điểm “Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” dưới sự lãnh đạo của Đảng được xem là “cuộc cách mạng”, tạo bước đột phá đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới. Tuy nhiên, các thế lực thù địch đã và đang đưa ra những luận điệu xuyên tạc về chủ trương tinh gọn bộ máy nhằm chống phá Đảng và sự nghiệp cách mạng. Đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ sự đúng đắn của chủ trương, đường lối của Đảng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, hoạt động lực, hiệu quả là rất cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.*

**T**rong những năm qua, Đảng ta đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được đổi mới; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của từng tổ chức được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống chính trị cơ bản ổn định, phù hợp với Cương lĩnh và Hiến pháp; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo; việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý và đồng bộ; còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ; cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả chưa cao; việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn hạn chế... Vì vậy, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị là nhiệm vụ cấp thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 25/10/2017, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Đến nay, việc triển khai, thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW đã đạt một số kết quả thể hiện

rõ sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng nhất trí của Nhân dân. Sau khi tinh gọn bộ máy, Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV hiện còn 14 bộ và 3 cơ quan ngang bộ, giảm 5 đầu mối so với đầu nhiệm kỳ. Chính phủ đã có phương án giảm 13/13 tổng cục và tổ chức tương đương; giảm 518 cục và tương đương. Nhìn chung, tinh gọn bộ máy theo định hướng của Nghị quyết 18-NQ/TW là bước chuyển quan trọng, khẳng định quyết tâm của toàn hệ thống chính trị trong phục vụ Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, việc thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Lợi dụng tình hình đó, các thế lực thù địch, phản động đưa ra những luận điệu xuyên tạc, chống phá. Chúng cô tình đưa ra những thông tin xuyên tạc, sai sự thật nhằm đánh tráo bản chất, làm cho người dân hiểu sai nội dung, ý nghĩa việc “tinh gọn bộ máy”; xuyên tạc “Chủ trương tinh gọn chỉ là bình cũ rượu mới, tạo cơ hội để chạy chức, chạy quyền, gây tổn kém tiền của của Nhân dân”; tinh giản biên chế là “đấu đá quyền lực, phe nhóm”, nhằm cắt giảm quyền lực của người này để tăng quyền lực cho người kia, là cách để “hạ bệ” hoặc “gia cố” quyền lực; việc tinh giản biên chế ở Việt Nam “chỉ là hình thức, mị dân”, không đem lại hiệu quả thực tế mà chỉ là gây tổn kém tiền bạc, ngân sách; chúng cho rằng, cơ cấu bộ máy nhà nước nói là tinh gọn nhưng không thay đổi mà chỉ chuyển người từ chỗ này sang chỗ khác, chỉ gây tổn kém, phức tạp; chúng ngụy biện rằng, Việt Nam không có tinh giản biên chế, không có tinh gọn bộ máy mà đây chỉ là “miếng bánh phân chia quyền lực”, chuyện của “các phe phái”... Có thể nhận thấy, đây là những luận điệu hết sức nguy hiểm, chống phá trắng trợn của các thế lực thù địch và chúng ta có đủ luận cứ để phản bác những luận điệu xuyên tạc, sai trái đó:

*Một là, cần phải khẳng định rằng, tinh gọn bộ máy là một chủ trương hoàn toàn*

đúng đắn và khoa học cả về mặt lý luận và thực tiễn. Từ khi khởi xướng công cuộc đổi mới (Đại hội VI) đến nay, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận để lãnh đạo thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Ngày 25/11 vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII họp xem xét, cho ý kiến về một số nội dung quan trọng, trong đó có nội dung tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII xem đây là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, ví như cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cần thống nhất rất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cơ bản thống nhất nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, tiến độ tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và một số nội dung gợi ý, định hướng để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương nghiên cứu, đề xuất sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trong bài viết “Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nêu rõ: Qua nhiều kỳ đại hội, nhất là trong các đại hội gần đây, trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, XII, XIII đều nhấn mạnh các nhiệm vụ cụ thể về tinh gọn tổ chức bộ máy hoặc nghiên cứu xây dựng mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Từ Đại hội VII đến nay, Đảng ta liên tục ban hành nhiều nghị quyết, kết luận để lãnh đạo thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Những đổi mới về thể chế, trọng tâm là đổi mới công tác tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là một

trong những điều kiện cơ bản, quyết định đạt được những thành tựu vĩ đại sau 40 năm đổi mới đất nước.

Theo báo cáo của Chính phủ về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã ban hành 27 Nghị định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các bộ, ngành đã giảm được 17 tổng cục và tương đương; giảm 10 cục và 144 vụ/ban thuộc tổng cục và thuộc bộ; giảm 108 phòng trong vụ/ban thuộc bộ, ngành; giảm 22 đơn vị sự nghiệp công lập. Việc tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế gắn với phân chia nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng bộ, ngành tránh chồng chéo đã tạo tiền đề hết sức thuận lợi, thúc đẩy sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế - xã hội Việt Nam trong suốt 2 thập kỷ qua, cụ thể: GDP bình quân đầu người tăng gấp 10,34 lần trong vòng chưa đầy 40 năm, từ dưới 600 USD/người năm 1986 lên hơn 4.300 USD/người năm 2023 (theo dữ liệu của Ngân hàng Thế giới WB); tỷ lệ nghèo (theo chuẩn 3,65 USD/ngày, theo PPP năm 2017) giảm từ hơn 14% năm 2010 xuống còn 4,2% năm 2020. Những kết quả đạt được từ công cuộc tinh gọn bộ máy trong hệ thống chính trị trên nhiều mặt từ kinh tế - văn hóa - xã hội... đã khẳng định sự đúng đắn của Đảng trong việc đề ra chủ trương tinh gọn, đem lại kết quả tích cực.

Hai là, các thế lực thù địch cho rằng, “việc tinh giản biên chế sẽ khiến nhiều người mất việc, là thiếu tính nhân văn, gây ra mất ổn định xã hội”. Chúng ta đều biết rằng, cuộc cách mạng nào cũng đều phải trả giá, hy sinh. Trong bài phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nêu rõ: Đây thực sự là vấn đề khó, thậm chí rất khó vì khi tiến hành tinh gọn bộ máy sẽ liên quan đến tâm tư, tình cảm, nguyện vọng và đụng chạm tới lợi ích của một số cá nhân, tổ chức. Do vậy, dù đã

được chuẩn bị kỹ, bài bản và nhiều hướng dẫn thực hiện công tác này nhưng chắc chắn việc triển khai tại nhiều đơn vị sẽ gặp khó khăn, thậm chí sẽ có cả những lực cản quyết liệt. Thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn bộ máy, chắc chắn sẽ có một bộ phận lớn cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước... dôi dư, mất việc làm, ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta rất nhân văn, giải quyết có lý, có tình nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự xáo trộn tâm lý xã hội và cuộc sống của những đối tượng bị ảnh hưởng. Chính sách tinh giản biên chế sẽ thực hiện có lộ trình, kế hoạch rõ ràng. Đảng và Nhà nước sẽ có chính sách đảm bảo quyền lợi của người lao động, hỗ trợ đào tạo lại và sắp xếp công việc phù hợp; chỉ cắt giảm các vị trí dư thừa, kém hiệu quả; tăng cường nhân lực cho các lĩnh vực trọng điểm. Do vậy, vì mục tiêu chung của đất nước, chúng ta cần nhận thức đầy đủ, đúng đắn, khách quan, tránh bị lôi kéo, dao động trước những luận điệu xuyên tạc mà các thế lực thù địch đưa ra hòng chia rẽ, cản trở tiến trình thực hiện chủ trương tinh gọn, sắp xếp bộ máy của Đảng và Nhà nước ta.

Công cuộc tinh gọn sắp xếp bộ máy không thể thực hiện trong một sớm một chiều mà cần có bước đi, lộ trình phù hợp, do vậy không thể tránh khỏi việc các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục chỉ đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng về nội dung, mục tiêu của Nghị quyết số 18-NQ/TW, đặc biệt là phổ biến rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân để hiểu rõ, nâng cao nhận thức về chủ trương này. Bên cạnh đó cần công khai, minh bạch trong các bước thực hiện, tránh để các thế lực thù địch lợi dụng thông tin mơ hồ, gây hoang mang. Tăng cường đối

*Xem tiếp trang 78*

# ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG



Ths. PHAN THỊ ÁI VÂN

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

*Tóm tắt: Phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên là một trong những yếu tố làm nên uy tín của Đảng, góp phần tạo dựng niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến uy tín và năng lực lãnh đạo của Đảng mà còn tạo ra cơ hội để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, chống phá. Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó, việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên có vai trò đặc biệt quan trọng.*

**T**rong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đạo đức được xem là cái “gốc” của người cách mạng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>(1)</sup>. Thực tiễn đã cho thấy, đạo đức của cán bộ, đảng viên là yếu tố đầu tiên tạo nên uy tín của Đảng, làm cho dân tin Đảng, một lòng theo Đảng, tạo sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng đi đến thành công. Trái lại, sự suy thoái về đạo đức của đội ngũ cán bộ sẽ kéo theo sự suy thoái của Đảng trên tất cả các lĩnh

vực và tất yếu đánh mất niềm tin của Nhân dân, cũng như vai trò lãnh đạo và sứ mệnh lịch sử cao cả của mình. Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”<sup>(2)</sup>. Điều đó có nghĩa là, để bảo vệ được nền tảng tư tưởng của Đảng, trước hết phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; và ngược lại, đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên là cơ sở, điều kiện quyết định hàng đầu để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ cùng với sự bùng nổ của internet, các phương tiện truyền thông xã hội và những vấn đề nảy sinh từ mặt trái của kinh tế thị trường, các thế lực thù địch, phản động triệt để lợi dụng những sơ hở, yếu kém của đội ngũ cán bộ, đảng viên để tuyên truyền, kích động chống phá Đảng, Nhà nước ta bằng những chiêu thức, thủ đoạn mới vô cùng thâm độc, nham hiểm. Trước sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động, một số cán bộ, đảng viên đã có biểu hiện dao động, hoài nghi, gây phân rã tư tưởng, bất đồng trong nội bộ Đảng, trong xã hội.

Trong những năm gần đây, Ban chấp hành Trung ương đã thông qua và ban hành nhiều nghị quyết, quy định, chỉ thị, hướng dẫn quan trọng về lĩnh vực xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Trước hết, Nghị quyết số 12-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI): Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Điều đó cho thấy sự quyết tâm đấu tranh chống lại sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên chính là yếu tố góp phần quan trọng vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay.

Thời gian qua, cùng với quyết tâm đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc xử lý kỷ luật nghiêm những đảng viên vi phạm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, cả cán bộ đương chức và nghỉ hưu đã giúp mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi, tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong công tác<sup>(3)</sup>. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được đẩy mạnh; các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương đã chủ động triển khai nhiều biện pháp đồng bộ đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, kỹ thuật công nghệ; đấu tranh phản bác các luận điệu phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thành tựu của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; phê phán những suy nghĩ, quan điểm, tư tưởng sai trái, lệch lạc; chấn chỉnh những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cùng những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ đảng viên. Trong nhiệm kỳ khóa XII, cấp ủy các cấp đã kiểm tra gần 265.000 tổ chức đảng và trên 1.124.000 đảng viên; kỷ luật 1.329 tổ chức đảng và 69.600 đảng viên. Ủy ban Kiểm tra các cấp kiểm tra 15.920 tổ chức đảng và 47.701 đảng viên; kỷ luật 17.610 đảng viên. Tổng cộng, đã có hơn 87.000 đảng viên bị kỷ luật, trong đó có hơn 3.200 trường hợp liên quan tới tham nhũng. Đặc biệt, trong đó có 110 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, có 27 Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng; 4 Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị; hơn 30 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang (trong đó có 18 cán bộ diện Trung ương

quản lý bị xử lý hình sự). Trong 6 tháng đầu năm 2021, đã có trên 70 tổ chức đảng, trên 8.000 đảng viên vi phạm bị thi hành kỷ luật, trong đó có gần 180 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng, cố ý làm trái và hơn 20 đảng viên bị kỷ luật do vi phạm về kê khai tài sản, thu nhập<sup>(5)</sup>.

Tuy nhiên, thực tiễn trong công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, vẫn còn những hạn chế, bất cập. Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, do tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên diễn biến phức tạp. Đại hội XII của Đảng tiếp tục nhận định tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số rất ít cán bộ, đảng viên, bị phần tử xấu lợi dụng, lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc, đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã thẳng thắn chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tiên phong, gương mẫu; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp<sup>(4)</sup>. Thực tế đó đang đặt ra nhiều vấn đề cần được nghiên cứu và có phương pháp giải quyết phù hợp với thực tiễn, góp phần quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng ta. Phát biểu bế mạc Hội nghị Trung

ương 4 khóa XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: Cái mới của lần này là Trung ương thẳng thắn chỉ ra một cách có hệ thống những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Trong đó nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin, nói trái, làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; thậm chí sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, phụ họa theo những nhận thức, quan điểm sai trái, lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, ham quyền lợi; bè phái cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của dân. Quán triệt quan điểm của Đảng, trong giai đoạn hiện nay, để đấu tranh, ngăn chặn đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng cần tập trung thực hiện vào một số giải pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao trình độ lý luận và bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đây là vấn đề cơ bản, giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay và công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nói riêng. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc; bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng cách mạng, niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục

tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cấp lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên hiểu rõ cơ sở lý luận, thực tiễn chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, bản lĩnh chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, củng cố, tăng cường niềm tin khoa học vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước, tăng cường sự thống nhất về tư tưởng chính trị trong toàn Đảng, sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân và sự đồng thuận về chính trị, tinh thần trong toàn xã hội. Nâng cao “sức đề kháng”, khả năng “tự bảo vệ” của cán bộ, đảng viên trước những tác động từ mặt trái kinh tế thị trường, các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

*Thứ hai*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm đối với cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy định của Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII, các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và những điều đảng viên không được làm... Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có

nhều bức xúc, nổi cộm, dư luận quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, triệt để, đồng bộ, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Tăng cường quản lý, kiểm tra giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng.

*Thứ ba*, nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, phản động, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và các phần tử chống đối, cơ hội chính trị. Trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, các thế lực thù địch ra sức đẩy mạnh thực hiện “diễn biến hòa bình” bằng các âm mưu tinh vi, xảo quyệt để xuyên tạc, vu cáo, bịa đặt phủ nhận cũng như hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, thổi phồng khuyết điểm của Đảng, Nhà nước ta; bôi đen hiện thực, gieo rắc hoài nghi; kích động, chia rẽ nội bộ. Vì vậy, để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, trong tình hình mới, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp cần chủ động nắm bắt, định hướng tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, chủ động đấu tranh vạch trần bản chất phản động, phản khoa học, luận điệu sai trái của các thế lực thù địch để từ đó có những giải pháp phù hợp làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù trên mặt trận tư tưởng.

*Thứ tư*, mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý, người đứng đầu cần phải “tự soi”, “tự sửa” nhằm từng bước hoàn thiện bản thân. “Tự soi”, “tự sửa”, “nói đi đôi với làm” về đạo đức, phong cách, tác phong, hành động để có được hình ảnh chuẩn mực trong mắt người dân là yêu cầu trước hết, nhất là đối với cán bộ, đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn người ta theo, mình phải làm gương trước”.

Theo Người, đối với các dân tộc phương Đông, “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”; “lấy gương người tốt việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”. Do vậy, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải tích cực học tập; phải luôn có ý thức trau dồi đạo đức cách mạng, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự mẫu mực về đạo đức, lối sống, thẳng thắn, chân thành để Nhân dân học tập và làm theo. Tự giác học tập, tự giác thực hành, rèn tính tự giác thông qua quá trình phấn đấu hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao một cách tốt nhất. Phải xác định việc tự giác nêu gương sáng của mình là để gia đình, người thân và quần chúng noi theo./.

#### *Chú thích:*

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, HN, 2011, Tập 5, tr.292.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, HN, 2021, t. I, tr. 183.

(3) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, HN, 2021, tr.90 - 91.

(5) Dẫn theo: Báo điện tử Đảng Cộng sản, ngày 8/10/2021.

## ĐẤU TRANH PHẢN BÁC...

*(Tiếp theo trang 73)*

thoại, giải thích trực tiếp, lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong suốt quá trình thực hiện. Đồng thời, cần đẩy mạnh vai trò của báo chí và truyền thông trong đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch

Chủ trương tinh gọn bộ máy tiếp tục được Đảng, Nhà nước nhân mạnh trước thềm Đại hội XIV, là một bước chuyển quan trọng để đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình trong thời đại mới. Tinh gọn bộ máy là yêu cầu thực tiễn đòi hỏi sự nỗ lực của các cơ quan, ban, ngành, từ Trung ương đến địa phương và của mỗi cán bộ, đảng viên. Tất cả vì sự nghiệp chung chứ không phải sự phân chia ghé mà vì sự “Tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả” của cả hệ thống chính trị. Những đổi mới về thể chế, trọng tâm là đổi mới công tác tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là một trong những điều kiện cơ bản, quyết định đã đạt những thành tựu vĩ đại sau 40 năm đổi mới đất nước.

Rõ ràng, chủ trương tinh giản biên chế và sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã được Đảng và Nhà nước triển khai đồng bộ, mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả tích cực. Đặc biệt, với quan điểm “Tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”, sự chỉ đạo quyết liệt của Bộ Chính trị và Tổng Bí thư Tô Lâm đã tạo thống nhất trong nhận thức và hành động, nhận được sự đồng tình ủng hộ cao của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của phát triển, giàu mạnh và thịnh vượng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tiến trình lịch sử này, việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy là yêu cầu tất yếu khách quan, đúng đắn, kịp thời và khoa học. Đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái là bảo vệ sự đúng đắn của chủ trương lớn này, góp phần xây dựng một hệ thống chính trị vững mạnh, hoạt động hiệu quả và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới./.

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ TỈNH HÀ TĨNH TRONG BỐI CẢNH MỚI

✧ Ths. TRẦN ÁNH DƯƠNG

Phó Hiệu trưởng

*Tóm tắt: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có vai trò rất quan trọng. Trong thời gian qua, Trường Chính trị Trần Phú đã đạt nhiều kết quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trước bối cảnh mới và những yêu cầu đặt ra, đòi hỏi Trường Chính trị Trần Phú phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp để nâng cao chất lượng đạo tạo, bồi dưỡng cán bộ, góp phần xây dựng tỉnh Hà Tĩnh trở thành tỉnh công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn hoá phát triển, xã hội tiến bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ.*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một trong những nhiệm vụ then chốt, có vai trò quyết định đến chất lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ là ngày càng cao, toàn diện về năng lực, phẩm chất, kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Trường Chính trị Trần Phú với vai trò là trung tâm đào tạo lý luận chính trị và bồi dưỡng cán bộ chủ chốt, dự nguồn cấp cơ sở, có vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị của tỉnh. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường trong bối cảnh hiện nay là nhiệm vụ cấp thiết.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là quá trình tổ chức học tập, rèn luyện nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, kỹ năng thực tiễn và phẩm chất đạo đức của cán bộ trong hệ thống chính trị. Đào tạo là quá trình lâu dài, có tính nền tảng; bồi dưỡng là hoạt động ngắn hạn nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng cần thiết theo yêu cầu thực tiễn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không chỉ nhằm trang bị kiến thức mà còn nhằm hình thành bản lĩnh chính trị, phương pháp tư duy, tác phong công tác khoa học cho cán bộ. Đây là tiền đề để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong giai đoạn mới.

Trường Chính trị Trần Phú là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy Hà Tĩnh, có chức năng đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản

lý nhà nước, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho cán bộ cơ sở, cán bộ mới được bổ nhiệm và cán bộ dự nguồn. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức các lớp cập nhật kiến thức, tập huấn chuyên đề cho cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh.

Trong những năm qua, Trường đã có nhiều nỗ lực trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo và từng bước khẳng định vai trò trung tâm chính trị, lý luận của tỉnh. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay, Trường Chính trị Trần Phú tiếp tục lãnh đạo thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và đạt được nhiều kết quả tích cực: thực hiện 76 lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính và Trung cấp lý luận chính trị với 4272 học viên; 69 lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên và tương đương, chuyên viên chính và tương đương, lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương với 4951 học viên; phối hợp mở 03 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ huyện, thị thành ủy quản lý với 664 học viên, 06 lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức kỹ năng cho chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương với 930 học viên; 01 lớp bồi dưỡng uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và dự nguồn uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030 với 113 học viên. Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng lên, chương trình giảng dạy bám sát định hướng của Trung ương và yêu cầu của tỉnh. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao: 29/29 người có trình độ thạc sĩ, trong đó có 04 tiến sĩ; được đào tạo chính quy, có kinh nghiệm thực tiễn. Từ năm 2020 đến nay, có 06 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi toàn quốc, trong đó có 03 giảng viên đạt giảng viên dạy xuất sắc. Phương pháp giảng dạy từng bước được đổi mới theo hướng tích cực, tăng cường thảo luận nhóm, xử lý tình

huống thực tiễn. Cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp với hệ thống giảng đường, phòng học, thư viện, phòng máy tính... ngày càng đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập. Công tác phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc xác định nhu cầu đào tạo, lựa chọn học viên, tổ chức lớp học được thực hiện hiệu quả.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng còn tồn tại một số hạn chế nhất định: Nội dung chương trình đào tạo còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn, chưa chú trọng nhiều đến kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm. Một số giảng viên chưa có nhiều trải nghiệm thực tiễn, khả năng gắn lý luận với thực tiễn còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy còn chậm, mô hình lớp học thông minh, ứng dụng công nghệ số chưa được triển khai rộng rãi. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ dạy học chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị đạt chuẩn mức 1. Công tác đánh giá sau đào tạo, khảo sát hiệu quả áp dụng kiến thức vào công việc thực tế còn hình thức. Chưa có cơ chế mạnh khuyến khích, tạo động lực đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên.

Trong thời gian tới, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Chính trị Trần Phú diễn ra trong bối cảnh mới: Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các Nghị quyết Trung ương xác định rõ yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo hướng hai cấp. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyên đổi số quốc gia, xây dựng chính quyền điện tử tạo ra yêu cầu mới về năng lực số cho cán bộ các cấp. Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, nhiều vấn đề mới phát sinh trong quản lý xã hội, điều hành chính sách đòi hỏi cán bộ phải liên tục được cập nhật kiến thức. Các thế lực thù địch tăng cường hoạt động xuyên tạc, chống phá, đòi hỏi cán bộ phải

vững vàng chính trị, có khả năng nhận diện và phản bác thông tin sai trái.

Bối cảnh trên đặt ra yêu cầu cần phải đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo hướng cập nhật, gắn lý luận với thực tiễn địa phương. Nâng cao trình độ và năng lực thực tiễn cho giảng viên. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý và giảng dạy. Tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo dựa trên kết quả đầu ra và hiệu quả áp dụng vào thực tiễn. Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú trong thời gian tới, cần thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

*Thứ nhất*, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo. rà soát, cập nhật chương trình theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành, bổ sung nội dung phù hợp với các Nghị quyết Trung ương mới ban hành, bổ sung các chuyên đề kỹ năng quản lý, lãnh đạo, kỹ năng mềm, công nghệ số, chính quyền điện tử, kinh tế số, kỹ năng truyền thông chính sách, phản bác thông tin sai trái, quản lý nhà nước hiện đại. Tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu theo nhóm đối tượng, vị trí công tác để đảm bảo sát với yêu cầu nhiệm vụ. Thiết kế chuyên đề theo hướng mở, linh hoạt, phân nhóm học viên để phù hợp với vị trí việc làm (cán bộ xã, phường; cán bộ hội, đoàn thể; cán bộ trẻ mới quy hoạch...). Tăng cường thực hành xử lý tình huống thực tế, mời chuyên gia thực tiễn, lãnh đạo các cấp chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng xử lý công việc.

*Thứ hai*, phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao. Thường xuyên cử giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu trong và ngoài nước để cập nhật tri thức mới. Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số, phương pháp giảng dạy tích cực, phương pháp nghiên cứu khoa học cho giảng viên. Tăng cường tổ chức các diễn đàn học thuật, hội thảo khoa học để giảng viên trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực nghiên

cứu và giảng dạy. Có chính sách phát triển nguồn nhân lực trẻ, tạo điều kiện thu hút nhân tài, giảng viên trẻ có trình độ, phẩm chất đạo đức tốt. Mở rộng hợp tác với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường đại học, chuyên gia thực tiễn để mời giảng, chia sẻ tình huống cụ thể, cập nhật chính sách mới.

*Thứ ba*, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tăng cường áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực: theo phương châm “lấy người học làm trung tâm, giảng viên là động lực, Nhà trường là nền tảng”, học qua tình huống. Phát triển hệ thống bài giảng điện tử, bài giảng tích hợp đa phương tiện, mô phỏng tình huống thực tiễn bằng công nghệ. Đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá: bài tập nhóm, tiểu luận, thuyết trình, phản biện...

*Thứ tư*, ứng dụng công nghệ số trong quản lý và giảng dạy. Xây dựng nền tảng bồi dưỡng trực tuyến, phát triển hệ thống quản lý học tập LMS, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, kho tài liệu số, thư viện điện tử, ngân hàng tài liệu phục vụ giảng viên và học viên tra cứu dễ dàng. Sử dụng phần mềm chuyên dụng trong quản lý lớp học, đánh giá kết quả học tập, lưu trữ thông tin học viên. Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số, an ninh mạng, kỹ năng ứng dụng công nghệ trong công việc hành chính.

*Thứ năm*, cải tiến công tác đánh giá chất lượng đào tạo. Xây dựng hệ thống đánh giá đa chiều: giảng viên tự đánh giá, học viên đánh giá giảng viên, ban tổ chức lớp đánh giá chất lượng toàn khóa học. Thực hiện khảo sát sau khóa học từ 6 tháng đến 1 năm để đo lường hiệu quả áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Tăng cường sự tham gia của cơ quan sử dụng cán bộ trong việc đánh giá hiệu quả đào tạo, phản hồi chương trình. Gắn kết quả học tập với quy hoạch, đề bạt bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao động lực học tập.

*Xem tiếp trang 104*

# NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG QUY ĐỊNH SỐ 144-QĐ/ TW VỀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN GIAI ĐOẠN MỚI VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG

✧ Ths. NGUYỄN THẮNG MỸ  
Trưởng Phòng TCHCTTTL

*Tóm tắt: Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng đáp ứng nhu cầu trong từng giai đoạn lịch sử. Ngày 09/5/2024, Bộ Chính trị ra Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới. Đây là lần đầu tiên Trung ương ban hành quy định cụ thể về chuẩn mực đạo đức, cập nhật và đồng bộ với các quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Nghiên cứu, vận dụng Quy định số 144-QĐ/TW vào giảng dạy lý luận chính trị nói chung và giảng dạy học phần xây dựng Đảng nói riêng là yêu cầu tất yếu góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có năng lực, phẩm chất, đáp ứng nhiệm vụ chính trị ngày càng cao trong giai đoạn hiện nay.*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” hay “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” và “cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức là nền tảng của người cách mạng, ví như gốc của cây, ngọn nguồn của dòng sông: “Cũng như sông có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>(1)</sup>. Với cán bộ, đảng viên, càng phải yêu cầu cao về đạo đức, bởi vì: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu

dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”<sup>(2)</sup>. Đạo đức cách mạng sẽ giúp cán bộ, đảng viên vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ; khắc phục bệnh kiêu ngạo, quan liêu, xa dân, khinh dân, lên mặt “quan cách mạng”. Người yêu cầu tư cách người cách mệnh phải: “Đối với mình phải cần kiệm; hòa mà không tư; cả quyết sửa lỗi mình; cẩn thận mà không nhút nhát; hay hỏi; nhẫn nại; hay nghiên cứu, xem xét; vị công vong tư; không hiếu danh, không kiêu ngạo; nói thì phải làm; giữ chủ nghĩa cho vững; hy sinh; ít lòng ham muốn về vật chất; bí mật. Đối với người phải khoan thứ, với đoàn thể thì nghiêm, có lòng bày vẽ cho người, trực mà không táo bạo, hay xem xét người. Đối với việc phải xem xét hoàn cảnh kỹ càng, quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể”<sup>(3)</sup>. Đối với Đảng, Chủ tịch Hồ Chí

Minh không chỉ quan tâm xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức mà Người còn đặc biệt quan tâm xây dựng Đảng về đạo đức, coi đó là đặc trưng bản chất của một chính đảng cách mạng. Người coi “chính trị cốt ở đoàn kết và thanh khiết, thanh khiết từ việc nhỏ tới việc lớn”; đồng thời sớm cảnh báo, nếu không thường xuyên tu dưỡng đạo đức thì rất có thể: “Một dân tộc, một đảng, một con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không còn trong sáng, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”<sup>(4)</sup>. Trong Di chúc, Người căn dặn: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>(5)</sup>. Đặc biệt, Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ (đoàn viên, thanh niên) đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và trưởng thành luôn đặc biệt quan tâm đến công tác cán bộ. Đảng ta xác định công tác cán bộ là nhiệm vụ “then chốt của vấn đề then chốt”; cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, Đảng ta đặc biệt coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm”<sup>(6)</sup>, coi đây là một trong những nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng, hướng tới

mục tiêu xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, vấn đề đạo đức đã được đưa vào trong văn kiện Đảng, khẳng định lại một lần nữa tầm quan trọng của vấn đề rèn đức luyện tài cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”<sup>(7)</sup>, trong đó, xây dựng Đảng về đạo đức là “*nền tảng*”, là “*cái gốc*” cho Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Ngày 09/5/2024, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Quy định số 144-QĐ/TW, quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới. Đây là lần đầu tiên Trung ương ban hành quy định cụ thể về chuẩn mực đạo đức chung dành cho cán bộ, đảng viên để triển khai thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Việc xây dựng các chuẩn mực đạo đức cách mạng không chỉ là căn cứ để đội ngũ cán bộ, đảng viên tư dưỡng, rèn luyện, điều chỉnh hành vi ứng xử của mình trong công việc mà còn là cơ sở cho việc giáo dục đạo đức cách mạng, thể hiện sự quyết tâm hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có chất lượng, năng lực, phẩm chất tốt, đáp ứng nhiệm vụ chính trị ngày càng cao trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu, vận dụng các văn bản mới của Đảng, góp phần đưa quan điểm, chủ trương của Đảng vào đời sống thực tiễn là một trong những nhiệm vụ của giảng viên giảng dạy lý luận chính trị nói chung và giảng viên khoa xây dựng Đảng nói riêng. Học phần Xây dựng Đảng trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị gồm 9 chuyên đề, việc vận dụng Quy định số 144-QĐ/TW đều có thể được đề cập đến cả 9 bài ở mục giải pháp. Tuy nhiên, có 3 bài trực tiếp liên quan đến việc cần phải bổ sung Quy định số 144-

QĐ/TW vào nội dung bài giảng là bài số 3 “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng”; bài số 4 “Công tác đảng viên của Tổ chức cơ sở Đảng” và bài số 6 “Công tác cán bộ của Tổ chức cơ sở Đảng”. Cụ thể:

*Thứ nhất: Đối với bài số 3 “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng”*

Ở nội dung thứ 2 của nhiệm vụ xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh... nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tinh chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm tốt công tác phát triển đảng viên. Khẳng định việc đổi mới phương pháp giáo dục về đạo đức cần gắn kết chặt chẽ việc nâng cao nhận thức vai trò đạo đức với việc hoàn thiện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

Quan niệm, nội dung sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng gắn chặt chẽ với Quy định số 144-QĐ/TW. Ở nội dung này, giảng viên cần làm rõ sự cần thiết, tầm quan trọng của công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên về mặt đạo đức trên cơ sở đánh giá thực trạng phẩm chất, năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên theo văn kiện Đại hội lần thứ XIII “Tinh tiên phong, gương mẫu và phẩm chất đạo đức của một bộ phận đảng viên giảm sút; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp...”. Từ đó, nêu nội dung công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn với việc phân tích, làm rõ 5 nội dung về chuẩn mực đạo đức cách mạng được đề cập đến trong Quy định số 144-QĐ/TW. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, trước xu thế toàn cầu hóa quốc tế sâu rộng, giảng viên cần nhấn mạnh nội dung của chuẩn mực đạo đức thể hiện ở Điều 2 trong Quy định số 144-QĐ/TW “Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập” được thiết kế thành 4 mục tương ứng với nội hàm từng chuẩn mực: (1) Kiên định và vận dụng, phát

triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Thực hiện nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; (2) Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, ý chí vươn lên, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần phát triển đất nước, địa phương, cơ quan, đơn vị. (3) Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, hành động vì lợi ích chung, vì nước, vì dân; (4) Chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng; năng lực công tác, làm việc trong môi trường quốc tế. Tích cực tham gia quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng theo đường lối đối ngoại của Đảng phù hợp với luật pháp quốc tế, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng cộng đồng vì hòa bình, ổn định, tiến bộ và phát triển.

*Thứ hai: Đối với bài số 4 “Công tác đảng viên của Tổ chức cơ sở Đảng”.*

Chú trọng cập nhật vào nội dung “Những vấn đề chung về công tác đảng viên”. Một trong những tiêu chí quan trọng của người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và người cán bộ là có đạo đức và lối sống lành mạnh, gắn bó mật thiết với Nhân dân. Ở nội dung này, giảng viên cần mở rộng, liên hệ các chuẩn mực đạo đức của người đảng viên và nhiệm vụ rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên của tổ chức cơ sở Đảng hiện nay theo Quy định số 144-QĐ/TW gồm 5 nội dung: Yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc; Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách

nhiệm; Gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời.

Tinh thần bao trùm Điều 2 là “bản lĩnh” “bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung” theo kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị, đây là đòi hỏi rất cần thiết cho đội ngũ cán bộ, đảng viên Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Đối với giải pháp phát triển đảng viên đi đôi với sàng lọc, đưa đảng viên không đủ tư cách ra khỏi đảng. Khẳng định việc kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn về bản lĩnh chính trị, về các chuẩn mực đạo đức gắn với Quy định số 144-QĐ/TW, về năng lực công tác. Cấp ủy các cấp chủ động phát hiện những đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” để kịp thời đưa ra khỏi Đảng.

Đối với giải pháp tăng cường giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên. Cấp ủy các cấp chủ động khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, vụ lợi, cá nhân; đảng viên tự rèn luyện theo những chuẩn mực đạo đức Quy định 144; tăng cường kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục, tự rèn luyện đạo đức của đảng viên.

*Thứ ba: đối với bài 6: Công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng*

Trong quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vận dụng Quy định Quy định số 144-QĐ/TW làm rõ quan điểm: Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư

cho phát triển lâu dài, bền vững. Xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Khẳng định, quy định 144-QĐ/TW được ban hành thể hiện sự quyết tâm của Đảng ta trong xây dựng đội ngũ cán bộ vừa “đức và tài”, có đủ bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, có năng lực thực tiễn, sáng tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, phù hợp với chủ trương Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra. Đây là cơ sở quan trọng để lựa chọn những cán bộ “vừa hồng vừa chuyên” phục vụ cho tổ chức Đảng các cấp chuẩn bị công tác nhân sự đưa vào quy hoạch và giới thiệu bầu cấp ủy khóa mới nhiệm kỳ 2025-2030.

Xây dựng Đảng ta về đạo đức trong giai đoạn hiện nay thực sự là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sự tin cậy của Nhân dân, hoàn thành những trọng trách của mình trước nhân dân và dân tộc. Xây dựng Đảng về đạo đức là trách nhiệm của toàn Đảng từ Trung ương đến cơ sở, là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng học tập, rèn luyện đạo đức, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng./.

*Chú thích:*

- (1). Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, H.2011, tr.292.
- (2). Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, tập 11, tr.603
- (3). Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, tập 2, tr.280
- (4). Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, tập 15, tr.672
- (5). Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, tập 15, tr.611-612
- (6). Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG-ST, H.2021, t.2, tr.230
- (7). Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, HN2021t.1 tr.190

# VẬN DỤNG GIÁ TRỊ CỦA ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM NĂM 1943 TRONG XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG VỤ Ở HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trường Khoa Nhà nước và pháp luật

*Tóm tắt: Văn hóa công vụ là văn hóa đặc thù của một tổ chức được xây dựng trên nền tảng các giá trị, chuẩn mực của cơ quan công quyền; được đội ngũ công chức tôn trọng, chia sẻ, thực hành, xác lập niềm tin, đạo đức, nếp sống, truyền thống và bản sắc của nền công vụ; giúp nâng cao năng lực, hiệu quả, hiệu lực thực thi công vụ và đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của tổ chức đề ra. Văn hóa công vụ không chỉ là cơ sở để khẳng định chất và lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, của tổ chức trong hiện tại, mà còn thể hiện phẩm chất đạo đức, năng lực cá nhân của họ xét về mặt hệ giá trị con người Việt Nam, thể hiện hiệu lực, hiệu quả công vụ xét về mặt nền văn hóa công vụ trên con đường phát triển bền vững.*

Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 đã đặt nền móng và định hướng xây dựng một nền văn hóa cách mạng mới, cần kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn giữa hai nhiệm vụ “xây” và “chống”. Ba nguyên tắc lớn trong cuộc vận động xây dựng nền văn hóa Việt Nam đã thể hiện rõ tinh thần đó. Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, làm cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Đề cương nhấn mạnh nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mác-xít là phải chống lại văn hóa phát xít, phong kiến, thoái bộ, nô dịch, ngu dân, phỉnh dân; phát huy văn hóa tân dân chủ, kiên quyết đấu tranh về học thuyết,

tư tưởng, đấu tranh về tông phái văn nghệ, tiến hành cải cách chữ quốc ngữ...

Như vậy, để xây dựng nền văn hóa công vụ thì trước hết phải xây dựng củng cố được đạo đức công vụ, bởi không có đạo đức công vụ thì mọi giá trị về văn hóa của một nền công vụ sẽ khó được hình thành và củng cố. Theo đó, mỗi cán bộ, công chức cần phải thấm nhuần nguyên tắc kết hợp giữa “xây” và “chống”.

Đại hội XIII của Đảng đã xác định “đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bản phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước khó khăn, thử thách và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng”<sup>(1)</sup>. Đây là nhiệm vụ, yêu cầu, mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự trong sạch, gương mẫu, có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng kiên

trung, không ngại khó, ngại khổ, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức nhà nước là cầu nối quan trọng, là lực lượng chủ yếu góp phần đưa chủ trương, chính sách của Đảng được thực thi trong đời sống xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc xây dựng đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đóng một vai trò hết sức quan trọng trong bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, xây dựng và củng cố niềm tin, đức tin của Nhân dân đối với Đảng, với chính quyền, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Nếu đạo đức con người, đạo đức xã hội là nền tảng, là bệ phóng và là mục tiêu cuối cùng để xây dựng một xã hội thực sự văn minh và giàu đẹp thì đạo đức công vụ là nền tảng, là thước đo và là mục tiêu để xây dựng một nền công vụ thực sự văn minh và hiện đại, phục vụ nhà nước và phục vụ Nhân dân.

Công vụ là một nghề, vì vậy đạo đức công vụ cũng là một dạng đạo đức nghề nghiệp, nhưng là dạng đạo đức đặc biệt, bởi khi thực thi công vụ, thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải đảm bảo những giá trị chung của đạo đức con người, vừa phải tuân thủ nghiêm những nguyên tắc, yêu cầu trong thực thi công vụ. Đạo đức công vụ là hệ thống các chuẩn mực, quy tắc, nguyên tắc, hành vi, tiêu chuẩn và yêu cầu trong hoạt động công vụ của cán bộ công chức nhằm điều chỉnh thái độ, cảm xúc, tình cảm, hành vi, cách xử sự, trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ của cán bộ công chức trong hoạt động công vụ. Giá trị cốt lõi của đạo đức công vụ thể hiện ở việc công chức xây

dựng, hình thành cách xử sự và đóng góp để xã hội tốt đẹp hơn, bao gồm chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thái độ phục vụ Nhân dân thật tốt, luôn chịu sự giám sát kiểm tra của Nhân dân.

Đạo đức công vụ được xem xét từ hai góc độ: Thứ nhất là yêu cầu về đạo đức đối với một con người với tư cách là một thực thể của xã hội. Đó là đạo đức, là chuẩn mực, yêu cầu, là đức tính, là cách thức xử sự của mỗi một con người với cộng đồng người trong xã hội. Nói cách khác với tư cách là công dân, người công chức phải xây dựng cho mình những nguyên tắc, chuẩn mực, giá trị đạo đức xã hội chung mà trong đó họ tồn tại với tư cách là một công dân, một con người mang tính xã hội. Họ phải nhận thức một cách rõ ràng giữa xấu, và đẹp, giữa cái cao thượng và cái cái đốn hèn, giữa cái nên và cái không nên, biết yêu những cái đáng yêu biết ghét, biết lên án những hành vi xấu xa và tội lỗi. Những gì là tốt đẹp là chuẩn mực thì cần phải biết xây dựng và đắp bồi còn những cái gì là xấu xa, đốn hèn, ti tiện, ích kỷ thì cần phải ra sức ngăn ngừa, đấu tranh và đào thải. Họ phải biết đặt bản thân mình trong mối quan hệ với cộng đồng và xã hội, phải có tình yêu thương sự sẻ chia chân thành giữa người với người. Bởi nếu mỗi một con người với tư cách là tế bào của xã hội không nhận thức và ứng xử được như thế thì xã hội khó trở thành một khối thống nhất.

Thứ hai là góc độ đạo đức nghề nghiệp. Với tư cách là cán bộ, công chức, họ phải tuân thủ những nguyên tắc, chuẩn mực, quy định cách ứng xử của người công chức trong hoạt động thực thi công vụ mà không bao giờ được vi phạm đạo đức của nghề công chức. Nghĩa là cán bộ, công chức khi thực thi công vụ phải xây dựng cho mình

những nguyên tắc trong điều hành, quản lý, trong tuân thủ những quy định của Pháp luật, phải hình thành và xây dựng một phong cách làm việc tận tụy trên tinh thần phục vụ Nhà nước và phục vụ Nhân dân. Đồng thời họ cũng phải cương quyết chống lại và dảm chống lại những thói hư tật xấu, những cảm dỗ tâm thường, sự nhỏ nhen và ti tiện. Như vậy đặt ra cho mỗi cán bộ, công chức cần phải kết hợp hài hòa giữa “xây” và “chống”, xây dựng bồi đắp những giá trị tốt đẹp đồng thời cũng phải chống lại và tránh xa những xấu xa, hèn kém. Vi phạm đạo đức công vụ là bất chấp quy định, thiếu tính gương mẫu nêu gương, sa vào chủ nghĩa cá nhân, chẳng những làm hư hỏng người cán bộ, công chức mà còn làm suy giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, với chính quyền, tiếp tay cho lực lượng thù địch xuyên tạc, kích động và chống phá Đảng, chống phá nhà nước, làm hoen ố danh dự của người đảng viên, người cán bộ công chức với tư cách là đầy tớ, là công bộc của Nhân dân. Chính vì vậy, nâng cao nhận thức đạo đức, biến nhận thức đạo đức thành hành vi đạo đức, thành thực tiễn đạo đức trong thực thi công vụ đối với người cán bộ, công chức là việc làm hết sức cần thiết trong thực tiễn điều hành, quản lý xã hội hiện nay ở nước ta.

Xây dựng đạo đức công vụ góp phần hình thành văn hóa công vụ là trách nhiệm của toàn xã hội trong đó mỗi một cán bộ công chức phải luôn tự ý thức được trách nhiệm của mình trước Đảng, trước Nhà nước và đặc biệt là trước Nhân dân. Nâng cao đạo đức công vụ là quá trình tác động tích cực, có mục đích của các chủ thể tới đối tượng với nội dung, hình thức và phương pháp thích hợp nhằm làm biến đổi nhận thức về các chuẩn mực của xã hội, của pháp luật và những yêu cầu của

nghề nghiệp đối với đội ngũ công chức theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn về mặt nhân cách của họ; là nâng cao lòng yêu nghề, tinh thần tận tụy với công việc; nâng cao thái độ tôn trọng Nhân dân, tận tâm phục vụ Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân; là thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư trong hoạt động công vụ; là quét sạch chủ nghĩa cá nhân, tinh thần hợp tác, thượng tôn pháp luật, quan hệ tốt với đồng nghiệp trong thực thi công vụ.

Tại Hà Tĩnh, trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, kỷ luật, kỷ cương hành chính từng bước được thiết lập, đạo đức công vụ được quan tâm xây dựng và phát triển; việc chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước được nâng cao; tinh thần thái độ phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng được quan tâm và tạo sự chuyển biến tích cực; năng lực điều hành quản lý của các cấp chính quyền ngày càng được nâng cao, điều đó đã góp phần rất lớn trong những thành công chung của tỉnh, đời sống của Nhân dân không ngừng được nâng cao, các chính sách xã hội được quan tâm và thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác điều hành quản lý nhà nước trên các lĩnh vực vẫn còn bộc lộ một số yếu kém và bất cập, nguyên nhân một phần bắt nguồn từ tinh thần, thái độ, ý thức, trách nhiệm và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức thừa hành. Hiện tượng những nhiều, quan liêu, hạch sách của một bộ phận cán bộ, công chức trong thực thi công vụ vẫn còn diễn ra, điển hình là trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, giải quyết các chế độ chính sách cho người dân, thủ tục hành chính với doanh nghiệp. Sau khi lãnh đạo UBND tỉnh đã công khai đường dây nóng, đã có hơn một

ngàn cuộc gọi phản ánh của người dân và doanh nghiệp về tinh thần thái độ, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thi hành công vụ.

Để khắc phục những yếu kém, bất cập trong điều hành quản lý của các cấp chính quyền trên địa bàn Hà Tĩnh, thiết nghĩ việc nâng cao đạo đức công vụ, góp phần xây dựng, phát triển văn hóa công vụ là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện được mục tiêu đó trước hết chúng ta cần thấm nhuần và thực hiện tốt nguyên tắc “xây” và “chống” trong xây dựng đạo đức công vụ.

Để thực hiện tốt công tác “xây” chúng ta cần:

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng, tính hiệu quả thiết thực, cụ thể trong học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với nhiệm vụ cụ thể được phân công trong thực thi công vụ, coi đây là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên đối với mỗi cán bộ, công chức viên chức. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức dù công tác trong bất kỳ ngành nghề, lĩnh vực nào đều cần học Bác từ những việc nhỏ nhất, thường ngày nhất trong lãnh đạo, quản lý, điều hành, trong thực thi chức trách nhiệm vụ được giao, trong quan hệ với đồng chí, đồng nghiệp và đặc biệt là trong quan hệ với Nhân dân.

*Thứ hai*, cần tập trung hoàn thiện hệ quy chuẩn, hệ giá trị về đạo đức công vụ, là những hệ giá trị mà mỗi cán bộ công chức, viên chức nhà nước khi thực thi công vụ luôn luôn phải thấm nhuần và tuyệt đối tuân thủ. Đây là sợi chỉ đỏ, thước đo, là mục tiêu, hình mẫu để đội ngũ cán bộ công chức tu dưỡng và rèn luyện. Trong đó, đạo đức công vụ phải lấy sự ủy quyền của người dân làm tôn chỉ mục đích, nguyên tắc cho mọi hoạt động công vụ, luôn luôn phục vụ Nhà nước, phục vụ Nhân dân vì

quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Nhà nước với người dân và các tổ chức xã hội, từ đó tăng cường tiếng nói của xã hội về vấn đề đạo đức công chức, công vụ, tạo ra sự phản biện của xã hội của quần chúng Nhân dân về việc duy trì và củng cố đạo đức công vụ. Đồng thời, phải có cơ chế hữu hiệu để người dân được thực hiện quyền giám sát nhằm hạn chế tình trạng cán bộ, công chức đùn đẩy trách nhiệm hoặc có hành động làm phương hại đến lợi ích của xã hội, quyền lợi ích chính đáng của nhân dân. Cần sớm hoàn thiện hành lang pháp lý về công vụ và đạo đức công vụ, nhằm giới hạn các hành vi của cán bộ, công chức theo quy chuẩn cụ thể. Cần cụ thể hóa những chuẩn mực đạo đức trong các quy định pháp luật, dùng pháp luật để xây dựng đạo đức công vụ, đồng thời tăng cường công tác giám sát thực thi pháp luật về đạo đức công vụ. Đẩy mạnh việc giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức pháp luật cho Nhân dân, làm cho việc thực hiện pháp luật trở thành yêu cầu tự nguyện trong hành vi của mọi người dân, trở thành những chuẩn mực đạo đức, loại bỏ tính hình thức đạo đức xã hội.

*Thứ ba*, cần tập trung tuyên truyền, giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống và những yêu cầu, chuẩn mực, đạo đức công vụ trong thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ, công chức. Tạo sự đồng thuận và thống nhất trong nhận thức của toàn xã hội về giá trị đích thực của đạo đức công vụ. Đẩy mạnh việc tự soi, tự sửa, tự rèn luyện, tự tu dưỡng về đạo đức và lối sống của đội ngũ cán bộ, công chức.

Để thực hiện tốt công tác “chống” chúng ta cần:

*Thứ nhất*, về phía Chính quyền cần tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát cả

bên trong và bên ngoài trong quá trình thực thi công vụ. Phát huy tối đa vai trò của truyền thông, là lực lượng xung kích đi đầu trong đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực, vụ lợi, lạm quyền, vượt quyền và lộng quyền trong thực thi công vụ. Nghiêm trị những hành vi coi thường kỷ cương pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của Nhân dân theo tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ và không có khái niệm hạ cánh an toàn. Xác định rõ và gắn trách nhiệm cụ thể vào từng chức danh vị trí cán bộ công chức theo tinh thần cán bộ, đảng viên chức vụ càng cao thì trách nhiệm phải càng lớn..

*Thứ hai*, cần nhận thức rõ những khó khăn, thách thức mới đang đặt ra trong quá trình điều hành, quản lý toàn diện các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay trước những âm mưu chống phá, dụ dỗ, lôi kéo của phần tử xấu, những kẻ cơ hội và mặt trái của cơ chế thị trường. Không ngừng hoàn thiện, bổ sung hệ giá trị, chuẩn mực, những yêu cầu trong quá trình thực thi công vụ cho phù hợp với thực tiễn, với các giá trị cốt lõi như luôn lấy dân làm gốc, tôn trọng và phát huy dân chủ, phục vụ, chuyên nghiệp, liêm chính và trách nhiệm giải trình. Bên cạnh đó, cần xây dựng các cơ chế để sớm nhận diện, ngăn ngừa và bảo vệ đạo đức trong thực thi công vụ, phát hiện sớm những biểu hiện, những dấu hiệu ban đầu các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức, không để vi phạm, thậm chí là vi phạm nghiêm trọng rồi mới đưa ra xem xét, xử lý như những vụ việc trong thời gian qua.

*Thứ ba*, đấu tranh có hiệu quả với hành vi tham nhũng, lãng phí và các hiện tượng tiêu cực khác xảy ra trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ công chức nhà nước. Xây dựng cơ chế kiểm soát thu nhập, tài sản của cán bộ công chức, minh bạch hóa

các khoản thu nhập của cán bộ, công chức trước, trong và trong suốt quá trình được bổ nhiệm. Giám sát chặt chẽ không để hiện tượng “rửa tiền”, “sân sau”, lợi ích nhóm, tư duy nhiệm kỳ hoặc hành vi tẩu tán tài sản, bỏ trốn ra nước ngoài trước khi cơ quan chức năng tiến hành xử lý trách nhiệm khi có vi phạm ở một số cán bộ có chức có quyền như trong thời gian qua.

Về phía cán bộ, công chức, phải biết chống lại những thói hư tật xấu, những cám dỗ của đời sống vật chất tầm thường, giữ vững bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, tin vào Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị, là phương tiện để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình, là phương tiện quan trọng nhất để Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đội ngũ cán bộ, công chức là tế bào, là thành tố quan trọng cấu thành bộ máy nhà nước, là nhân tố bảo đảm cho nền hành chính Việt Nam được thực thi hiệu lực và hiệu quả. Vì vậy, việc xây dựng đạo đức công vụ là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng nền hành chính vì Nhân dân góp phần trong bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân theo tinh thần Văn kiện Đại hội khóa XIII của Đảng./.

*Chú thích:*

(1). Văn kiện Đại hội XIII, tập II, trang 184

# TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ CẤP XÃ ĐỐI VỚI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở HÀ TĨNH HIỆN NAY



Ths. PHAN BÁ LINH

Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

*Tóm tắt: Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, 35 năm tái lập tỉnh (1991-2025), Hà Tĩnh “đã đạt được những kết quả có tính lịch sử; từ một tỉnh nghèo, điểm xuất phát thấp đã vươn lên đứng trong tốp các tỉnh dẫn đầu khu vực”<sup>1</sup>. Có được kết quả đó, một phần có sự góp sức to lớn, quan trọng từ các đảng bộ cấp xã với vai trò là “nền tảng” của Đảng, “hạt nhân” chính trị ở cơ sở. Hiện nay, trước những nhiệm vụ quan trọng của thời kỳ mới, đặt ra yêu cầu cấp thiết tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng bộ cấp xã đối với hệ thống chính trị nói chung và Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nói riêng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.*

## 1. Một số vấn đề chung về phương thức lãnh đạo của đảng bộ xã đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Phương thức lãnh đạo của đảng bộ cấp xã đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đó là tổng thể các hình thức, phương pháp, quy chế, quy định, quy trình, chế độ, lề lối làm việc, tác phong công tác mà đảng bộ cấp xã sử dụng để tác động vào Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm phát huy vai trò, sức mạnh của từng tổ chức trong thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.

Đảng bộ cấp xã lãnh đạo phát huy vai trò sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cụ thể bằng phương thức:

- Đề ra chủ trương, nghị quyết lãnh đạo việc xây dựng kiện toàn về tổ chức, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, xác định phương hướng và những biện pháp chủ yếu bảo đảm cho

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy tốt vai trò, chức năng nhiệm vụ của mình thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục, giải thích, hướng dẫn cán bộ, đảng viên, hội viên và Nhân dân biết, tự giác thực hiện, đưa chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là chủ trương, nghị quyết của đảng bộ địa phương vào cuộc sống;

- Lãnh đạo, quyết định công tác tổ chức, cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phân công, giới thiệu những đảng viên ưu tú của Đảng với Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội để bầu giữ các vị trí lãnh đạo trong Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các đảng viên, hội viên và Nhân dân tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, của đảng bộ; thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh

nghiệm để hoàn thiện và kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh những sai sót, lệch lạc.

- Đảng lãnh đạo bằng sự gương mẫu của đảng viên công tác trong Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Thông qua đội ngũ đảng viên mà giữ vững định hướng lãnh đạo của đảng bộ đối với mọi hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

## **2. Thực trạng phương thức lãnh đạo của đảng bộ cấp xã với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội ở Hà Tĩnh hiện nay**

Trong suốt thời kỳ đổi mới, đặc biệt từ khi tái lập tỉnh đến nay, các đảng bộ cấp xã ở Hà Tĩnh, đứng đầu là ban thường vụ, ban chấp hành đảng bộ luôn trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối lãnh đạo của Trung ương Đảng, của cấp ủy cấp trên đã khẳng định và phát huy vai trò là “nền tảng”, “hạt nhân” chính trị của Đảng, “cầu nối” giữa Đảng với Nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở.

Thực tiễn cho thấy, cùng với việc chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với chính quyền, các đảng bộ cấp xã ở Hà Tĩnh đã tập trung chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Trên cơ sở các nghị quyết của Trung ương và các nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy Hà Tĩnh, các đảng bộ xã, phường, thị trấn đã xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể thiết thực, sát với tình hình và nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, từ đó đạt được nhiều kết quả quan trọng. Cụ thể:

*Thứ nhất:* Các đảng bộ cấp xã, trực tiếp là thường trực, thường vụ, ban chấp hành đảng ủy đã lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở vững mạnh; đổi mới phương thức hoạt động,

từng bước khắc phục tình trạng “hành chính hóa”, gắn bó chặt chẽ với Nhân dân. Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy xã đã lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội về những định hướng lớn trong từng thời kỳ, về chương trình, nội dung hoạt động hằng năm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; chỉ đạo cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, huyện và cấp ủy cùng cấp thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ thực hiện... Nhờ vậy, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trong những năm vừa qua, cơ bản đã phát huy được vai trò chức năng của mình trong việc vận động Nhân dân, tập hợp đoàn viên, hội viên, đoàn kết Nhân dân, tổ chức những phong trào cách mạng phong phú đa dạng, đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội quan trọng.

*Thứ hai:* Đảng bộ cấp xã đã coi trọng lãnh đạo việc kiện toàn tổ chức, công tác cán bộ đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Bảo đảm cơ quan lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có cơ cấu hợp lý. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, năng lực thực tiễn cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội... Nhờ vậy, hầu hết các cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động đều tay, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, xứng đáng là những nhân cốt của tổ chức.

*Thứ ba:* Các đảng bộ cấp xã chú trọng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bằng quy chế và theo quy chế. Định kỳ thường trực cấp ủy tổ chức giao ban với lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để nghe kết quả hoạt động và các kiến nghị để cho ý kiến chỉ đạo phù hợp và kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh.

*Thứ tư:* Chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực và ngày được khẳng định, phát huy,

tập trung vào những vấn đề được Nhân dân quan tâm; phát huy tốt quy chế dân chủ, tăng cường niềm tin, đồng thuận của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Tích cực, chủ động nắm tình hình Nhân dân, kịp thời giải quyết và đề ra các chủ trương sát đúng với thực tế đời sống Nhân dân. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư...

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, trong phương thức lãnh đạo của đảng bộ cấp xã đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn bộc lộ một số hạn chế, cụ thể:

*Thứ nhất:* Đổi mới phương thức lãnh đạo đảng bộ cấp xã đối với hệ thống chính trị nói chung, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nói riêng chưa theo kịp thực tiễn, thậm chí còn lúng túng. Một số nơi còn chậm ban hành hoặc chưa có các quy định cụ thể về phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cũng như những quy định cụ thể để vận hành cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” ở địa phương. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa được phát huy triệt để, nhất là hoạt động giám sát chưa đều, hiệu quả chưa cao; việc tập hợp hội viên, đoàn viên gặp nhiều khó khăn...

*Thứ hai:* Các đảng ủy ra chủ trương, nghị quyết lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhưng phổ biến là nghị quyết lãnh đạo về công tác đoàn thể nói chung. Trong các nghị quyết lãnh đạo phần nói về Mặt trận, đoàn thể còn khiêm tốn, thậm chí thiếu nghị quyết lãnh đạo chuyên đề đối với từng tổ chức, đoàn thể. Còn tồn tại hiện tượng đảng ủy cấp xã nặng về sử dụng tổ chức, đoàn thể, coi tổ chức, đoàn thể chỉ là lực lượng xung kích để thực hiện mục đích lãnh đạo. Do đó, chưa thực sự coi trọng và phát huy vai trò, chức năng của các tổ chức, đoàn thể trong tập hợp giáo dục quần chúng, người đại diện lợi ích của đoàn viên, hội viên.

Điều đó dẫn tới phong trào hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội không đều, không thường xuyên, lúc lên, lúc xuống, tinh thần vững của phong trào hạn chế. Hoạt động của một số chi đoàn, chi hội còn khó khăn.

Một số đảng ủy chưa quan tâm lãnh đạo phát huy vai trò của chính quyền, tạo sự phối hợp đồng bộ giữa Đảng và chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động, trong khi kinh phí hoạt động cho các tổ chức, đoàn thể còn eo hẹp, phụ cấp cho các đồng chí trong ban thường vụ, ban chấp hành chưa xứng đáng... Tính chủ động sáng tạo của các tổ chức, đoàn thể, vì thế bị hạn chế.

*Thứ ba:* Một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là bằng cán bộ và thông qua cán bộ. Tuy vậy vẫn còn hiện tượng có cấp ủy chưa chú trọng thực hiện tốt công tác cán bộ đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Một số đảng ủy cũng chưa thật sự coi trọng giáo dục, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của các đảng viên hoạt động trong các tổ chức, đoàn thể qua đó mà lãnh đạo, giáo dục quần chúng.

*Thứ tư:* Tuy đảng bộ cấp xã đã xây dựng quy chế làm việc với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, song quá ỷ lại vào quy chế nên cấp ủy ít dành thời gian làm việc riêng với Ủy ban Mặt trận và ban chấp hành của các đoàn thể. Việc duy trì chế độ, nề nếp làm việc chưa thường xuyên, chưa thực sự quan tâm cải tiến nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo phong trào hoạt động của các tổ chức, đoàn thể. Những điều đó dẫn tới một số nơi đảng ủy có quan tâm lãnh đạo nhưng không thường xuyên; hoặc lãnh đạo chung chung, ít cụ thể thiết thực; hoặc lãnh đạo chặt chẽ nhưng còn áp đặt, thiếu dân chủ, thậm chí buông lỏng, ít quan tâm...

Những tồn tại, hạn chế trên chủ yếu do nguyên nhân chủ quan, đó là: Nhận thức của

một số cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu địa phương về cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” chưa đầy đủ; nhận thức về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đầy đủ; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; việc thực hiện kết luận sau sơ kết, tổng kết các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội một số nơi chưa thật sự chủ động, sáng tạo trong công tác tham mưu cho cấp ủy; phương thức hoạt động còn thiếu linh hoạt, chậm đổi mới để phù hợp với tình hình thực tiễn các địa phương; phẩm chất tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực thực tiễn, công tác hoạt động của một bộ phận cán bộ đảng viên, nhất là đội ngũ chủ chốt ở cơ sở còn có hạn chế...

### **3. Một số giải pháp nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng bộ cấp xã đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giai đoạn hiện nay**

*Một là*, đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng bộ cấp xã đối với tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bằng những định hướng, chủ trương, nghị quyết, quy chế làm việc cụ thể, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời, không ngừng đổi mới quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết của đảng ủy theo hướng dân chủ hoá, vừa phải xuất phát từ lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, vừa bằng nhiều biện pháp để thái được trí tuệ và năng lực sáng tạo của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

*Hai là*, đảng bộ cấp xã vừa tăng cường lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia góp ý xây dựng

Đảng, xây dựng chính quyền, tham gia bảo vệ đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương; khắc phục tình trạng “hành chính hóa”; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội và chức năng đại diện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhất là những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến sự phát triển chung của tỉnh, của địa phương và quyền lợi của đoàn viên, hội viên, nhân dân.

*Ba là*, tiếp tục hoàn thiện quy chế hoạt động của đảng ủy xã và duy trì nghiêm túc việc thực hiện quy chế nhằm bảo đảm cho hoạt động của đảng bộ được thống nhất, đồng bộ, hiệu quả và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân với tổ chức và giữa các tổ chức, nhất là về phương thức và chế độ làm việc giữa ban thường vụ, thường trực đảng ủy với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, ban chấp hành các đoàn thể. Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc giữa bí thư cấp ủy với người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội để thuận lợi cho việc bàn và giải quyết kịp thời những công việc quan trọng và bức xúc ở địa phương, đơn vị, bảo đảm cấp ủy quán xuyên được các mặt công tác ở cơ sở.

*Bốn là*, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo quản lý, kỹ năng hoạt động cho đội ngũ cán bộ đương chức; tạo nguồn kế cận dự bị cho các chức danh cán bộ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm tinh gọn, năng động, sâu sát với nhân dân; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ cho Đảng, chính quyền. Xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể đảm bảo điều kiện hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*Năm là*, tiếp tục hoàn thiện và duy trì việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thu hút nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; lãnh đạo chính quyền thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các chủ trương chính sách, các thủ tục hành chính, công khai hoá các văn bản, quyết định liên quan đến dân, tăng cường tiếp xúc, đối thoại, trực tiếp lắng nghe ý kiến góp ý của Nhân dân theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. Định kỳ phải báo cáo kiểm điểm công việc trước dân, tạo điều kiện để nhân dân thực hiện «Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng»; lãnh đạo và tổ chức sự phối hợp hoạt động kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với chính quyền. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư.

*Sáu là*, cấp ủy cấp trên và các đảng ủy cấp xã cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc tổ chức thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác Mặt trận cũng như hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Định kỳ hàng tháng, hàng quý thường trực cấp ủy nghe báo cáo và định hướng nhiệm vụ trọng tâm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời chỉ đạo chính quyền có kế hoạch phối hợp, tạo điều kiện để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm theo định hướng của cấp ủy. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; rà soát, tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào, cuộc vận động, các mô hình hay và hiệu quả; biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến để khích lệ phong trào.

#### 4. Kết luận

Đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị nói chung, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nói riêng là công việc hệ trọng, là yêu cầu tất yếu, khách quan, có tính quy luật, là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của công tác xây dựng Đảng, bảo đảm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh. Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của nhiệm vụ quan trọng này, trong suốt thời gian qua, Đảng bộ Hà Tĩnh đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cầm quyền đối với hệ thống chính trị, trong đó có đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo tinh thần của Quy định số 127-QĐ/TW, ngày 01/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã, phường, thị trấn. Đặc biệt, ngày 07/02/2023, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 25 - CTr/TU về Thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Đây chính là cơ sở quan trọng để các đảng bộ cấp xã ở Hà Tĩnh tiếp tục giành được những thành tựu to lớn hơn trong đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, cũng như thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của tỉnh trong giai đoạn mới./.

#### *Chú thích:*

(1). Tỉnh ủy Hà Tĩnh: *Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Tĩnh - năm 2021, tr.61

(2). Theo Báo cáo chất lượng cán bộ, công chức cấp xã theo chức danh – Sở Nội vụ Hà Tĩnh.

# PHÁT HUY VAI TRÒ NÊU GƯƠNG CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRONG HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH



Ths. TRẦN THỊ BÍCH THÚY

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

*Tóm tắt: Giáo dục thuyết phục bằng tự nêu gương và tác phong quần chúng là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp, tác phong công tác của người cán bộ, đảng viên. Nêu gương, noi gương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ giúp mỗi người tự khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế; mà còn góp phần lan tỏa những hành động, việc làm tốt để khích lệ, cổ vũ, động viên người khác học tập và làm theo, hướng con người tới các chuẩn mực chân - thiện - mỹ, các giá trị tốt đẹp và sự hoàn thiện bản thân trong mọi lĩnh vực của đời sống. Nêu gương là một vấn đề quan trọng mang tính khách quan, tất yếu, là phương thức lãnh đạo khoa học, trí tuệ, nhân văn của Đảng ta trên cơ sở thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đối với sự liêm chính của một đảng cầm quyền.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”; “Muốn hướng dẫn nhân dân mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước, muốn cho quần chúng nghe lời mình, làm theo mình thì người đảng viên từ việc làm, lời nói cho đến cách ăn ở phải làm thế nào cho dân tin, dân phục, dân yêu”. Người chỉ rõ: Nêu gương là phương pháp dùng sự việc tốt, con người điển hình tiên tiến, để tác động mạnh mẽ đến người khác, khiến họ khâm phục, tán thành và noi theo. Vì thế, lấy gương người tốt, việc tốt hàng ngày để giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới và cuộc sống mới. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên đề cập đến vấn đề nêu gương trước quần chúng của người cán bộ, đảng viên,

trước hết là nêu gương về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Trong các bài nói, bài viết của mình, Hồ Chí Minh sử dụng nhiều lần từ “nêu gương”, “làm gương” và trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn là tấm gương mẫu mực để mọi người noi theo. Người cho rằng, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn gương mẫu là tấm gương sáng để nhân dân noi theo.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nội dung nêu gương của cán bộ, đảng viên phải được thể hiện ở ba mối quan hệ: Đối với mình, đối với người và đối với việc. Đối với mình, là không được tự cao tự đại, tự mãn. Bởi tự cao tự đại, tự mãn là căn bệnh rất nguy hiểm. Nếu cán bộ, đảng viên mắc phải căn bệnh này thì dễ mù quáng, thiển cận, luôn đề cao cá nhân mình, coi thường quần chúng, nhất định sẽ thoái bộ, dừng lại. Người nhấn mạnh: “Tự mãn, tự túc là co mình lại, không cho mình tiến bộ thêm”. **Đối với người**, phải yêu thương,

khoan dung, độ lượng; phải luôn có thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết. Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thực hiện tốt điều “Nhân”: “*Thật thà yêu thương, hết lòng giúp đỡ đồng chí, đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân*”. **Đối với việc**, phải tận tâm, tận lực, có trách nhiệm, gương mẫu phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, cán bộ, đảng viên phải luôn giữ vững nguyên tắc “*Dĩ công vi thượng*”, nghĩa là đề việc công lên trên, lên trước việc tư. Người luôn giáo dục, nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải “*chí công vô tư*”, nghĩa là phải biết hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích của Tổ quốc, Nhân dân và của Đảng.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, muốn tiến hành tốt các nội dung nêu gương, bản thân cán bộ, đảng viên phải làm gương trong mọi công việc, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nói phải đi đôi với làm và phải biết lấy người tốt, việc tốt để tuyên truyền để mọi người học tập, noi theo. Bởi vì, chỉ có nhất quán giữa nói và làm thì người cán bộ, đảng viên mới lấy được lòng tin của quần chúng nhân dân. Phải quyết liệt chống căn bệnh: Nói nhiều làm ít, nói mà không làm, nói một đằng làm một nẻo, có thể gọi đó là nói suông. Nếu người cán bộ, đảng viên không chống được căn bệnh nêu trên thì nhất định sẽ mất uy tín trước cơ quan, đơn vị, trước Nhân dân. Sự thống nhất giữa lời nói và việc làm còn là một yêu cầu tất yếu về phẩm chất người cán bộ, đảng viên, nhất là trong tình hình hiện nay.

Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nêu gương của người cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Trong những năm gần đây, Đảng ta đã có nhiều văn bản lãnh đạo về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Ngày 18/5/2021, Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành Kết luận 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “*về đẩy mạnh học*

*tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Về vấn đề nêu gương, Kết luận nêu một số hạn chế, tồn tại, đó là: “*Việc tu dưỡng, rèn luyện, làm theo Bác, nhất là trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt người đứng đầu, chưa thường xuyên; một số cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm các quy định của Đảng, vi phạm pháp luật*”.

Vấn đề nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên tiếp tục được Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “*Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Đảng viên tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan tỏa, thúc đẩy các phong trào cách mạng. Nêu gương là trách nhiệm, bổn phận và là đạo lý của người đảng viên của Đảng trước Nhân dân; trách nhiệm nêu gương đó phải được thể hiện từ trong tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự phê bình và phê bình đến trong quan hệ với quần chúng, trách nhiệm trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. Coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và Nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương*”. Đại hội XIII khẳng định việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị “*đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên*”.

Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới chỉ rõ: “*Mọi đảng viên phải gương mẫu, nói đi đôi với làm, thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn*

*thành tốt nhiệm vụ được giao, phục tùng tuyệt đối sự phân công của Đảng; giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân; học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực, phẩm chất, lối sống; giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng*". Điều này nhất quán với nội dung được Đảng ta quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trên tất cả các mặt: Tư tưởng chính trị; đạo đức, lối sống, tác phong; tự phê bình và phê bình; quan hệ với nhân dân, trách nhiệm trong công tác; ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ.

Như vậy, nêu gương có vai trò hết sức quan trọng đối với mỗi cán bộ, đảng viên và đặc biệt quan trọng đối với giảng viên trường chính trị, những người thầy được xã hội tôn vinh. Bởi vì, quá trình giáo dục là dùng nhân cách để giáo dục nhân cách. Nhân cách của giảng viên có ảnh hưởng to lớn đối với học viên, sự gương mẫu của mỗi giảng viên có sức lan tỏa rộng lớn và là tấm gương chuẩn mực để học viên học tập và noi theo. Để phát huy tốt vai trò nêu gương trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở Trường Chính trị Trần Phú, mỗi giảng viên cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau:

*Thứ nhất*, cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và trách nhiệm nêu gương của đảng viên đồng thời là giảng viên trong việc học tập và làm theo tư tưởng tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, coi đó là nhu cầu tự thân, ý thức tự giác của mỗi người. Giảng viên không chỉ học tập những phương pháp lý luận về nêu gương mà còn phải học tập phong cách thực hành nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh để tiến hành chủ động, tự giác, thường xuyên trong mọi công việc từ nhỏ đến lớn và toàn diện về mọi mặt từ bản lĩnh chính trị; phẩm chất đạo đức; năng lực và hành động; tự phê bình và phê bình; quan hệ với nhân dân; trách nhiệm trong công tác; ý thức tổ chức kỷ luật;...

*Thứ hai*, đề cao trách nhiệm tự giác nêu gương của cán bộ, đảng viên trong giảng

dạy và công việc chuyên môn. Người giảng viên cần phải nêu cao ý thức trách nhiệm, tận tụy, tâm huyết đầu tư thời gian, nỗ lực phấn đấu, thường xuyên tự trau dồi tri thức thực hiện tốt phương châm "dạy tốt, học tốt". Ngoài ra, giảng viên cần nêu gương về tình thương và trách nhiệm, luôn sâu sát, gần gũi với học viên để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, sẵn sàng giúp đỡ học viên khi có khó khăn trong học tập, trong công việc cũng như trong thực tiễn cuộc sống.

Trách nhiệm tự giác nêu gương của cán bộ, đảng viên đã được Đảng ta xác định: "Đảng viên tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan tỏa, thúc đẩy các phong trào cách mạng"<sup>(1)</sup>. Đây là vấn đề mới, yêu cầu, đòi hỏi cao của Đảng, từ "phải" thực hiện quy định thành "nhu cầu", "mong muốn", "tự giác" thực hiện quy định nêu gương; nhằm tạo sự lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội - thực sự trở thành phong trào tự giác nêu gương trong toàn Đảng và trong quần chúng nhân dân. Đề nêu gương là tự giác, là nhu cầu tự thân, không phải bắt buộc, không hình thức thì mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải thực sự "chí công, vô tư" trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; qua đó, sẽ tạo được sự đồng thuận và làm theo trong tập thể, cơ quan, đơn vị và quần chúng nhân dân.

*Thứ ba*, đề cao trách nhiệm nêu gương "Nói đi đôi với làm", chú trọng nêu gương việc "làm" của cán bộ, đảng viên. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu theo tinh thần "7 dám", đó là: "dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung"<sup>(2)</sup>. Và đối với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên thì phải "dám nói" và "nói đi đôi với làm". "Dám nói" theo quan điểm của Đảng là: Nói đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước, không được nói sai, nói giảm, nói tránh, nói bừa mà phải nói trúng, nói những vấn đề thiết thực, nói đúng lòng mình. “Nói đi đôi với làm” là lời nói và việc làm phải gắn chặt với nhau; đã nói là phải làm, phải nhất quán từ nhận thức đến phát ngôn và hành động thực tiễn; nghĩa là nêu gương phải được biểu hiện sinh động cụ thể trong sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa suy nghĩ và hành động, giữa tư tưởng đạo đức và hành vi đạo đức của mỗi người. Do đó, để khuyến khích, động viên những cán bộ, đảng viên “dám nghĩ, dám nói, dám làm, trách nhiệm cao, hiệu quả công việc lớn”, Đảng ta nhấn mạnh việc “Cổ vũ, biểu dương các gương sáng đạo đức, tạo ảnh hưởng sâu rộng trong Đảng và ngoài xã hội”<sup>(3)</sup>. Có thể thấy, thực hiện tốt yêu cầu này chính là góp phần để nêu gương đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả.

*Thứ tư*, cần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, hình thức học tập, tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phù hợp với từng đối tượng. Mỗi giảng viên đánh giá đúng bản thân, nhận rõ ưu điểm để phát huy, xem xét hạn chế, khuyết điểm để kiên quyết sửa chữa, khắc phục; tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch, xác định nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp nêu gương phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao. Mỗi giảng viên tự trang bị cho mình một phương thức tu dưỡng, rèn luyện thiết thực, hiệu quả để làm tròn vai trò, chức trách, nhiệm vụ được giao.

*Thứ năm*, quán triệt điểm mới trong quan điểm của Đảng ta về đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chính là phát huy vai trò phối hợp của các chủ thể trong kiểm soát quyền lực để thúc đẩy, đánh giá thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Việc kiểm soát quyền lực một mặt giúp ngăn ngừa khuyết điểm vi phạm, mặt khác nó chính là “chiếc gương soi” kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng

viên. Thực chất yêu cầu này là tạo ra chính sách, quy định, chế tài, cơ chế, biện pháp để các chủ thể trực tiếp lãnh đạo ràng buộc, giám sát nhằm “nhốt quyền lực trong lồng cơ chế”, bảo đảm cán bộ, đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý khi thực thi nhiệm vụ phải hoạt động theo đúng khuôn khổ pháp luật cho phép, từ đó không ngừng tu dưỡng, rèn luyện bản thân, nêu gương trong thực thi công vụ. Và để đánh giá kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương, Đảng ta chỉ rõ: “Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên”<sup>(4)</sup>.

*Thứ sáu*, Đảng ủy Trường cần tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, tuyên truyền, nhân rộng các tấm gương, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác. Chú trọng xây dựng môi trường văn hoá công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn. Đồng thời, phê phán mọi biểu hiện, hành vi thiếu gương mẫu trong lời nói, việc làm của đảng viên, giảng viên nhà trường.

Với vai trò quan trọng của giảng viên trường chính trị tỉnh nói chung, giảng viên Trường Chính trị Trần Phú nói riêng trong việc nêu gương học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, mỗi giảng viên cần thấm nhuần sâu sắc hơn nữa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhận thức sâu sắc về nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, từ đó vận dụng sáng tạo vào thực hiện tốt công việc của mình đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tiến trình hội nhập và phát triển của nước ta trong giai đoạn cách mạng mới./.

#### *Chú thích:*

(1). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tr.184.

(2). Sđd, tr.187.

(3). Sđd, tr.184.

(4). Sđd, tr. 192.

# PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ GẮN VỚI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TU VỀ TẬP TRUNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030



Ths. LÊ THỊ THÙY DUNG

*Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật*

*Tóm tắt: Nguồn nhân lực số là một bộ phận của nguồn nhân lực xã hội, mang đầy đủ những đặc trưng của nguồn nhân lực, nhưng có tính riêng biệt gắn với quá trình chuyển đổi số. Theo đó, nhân lực số là lực lượng lao động kỹ thuật chuyên nghiệp, trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, an toàn thông tin và được xác định là một trong những yếu tố quan trọng, mang tính quyết định tới thành công của chuyển đổi số quốc gia.*

**Ở** nước ta, chuyển đổi số là mục tiêu được Đảng, Nhà nước xác định từ rất sớm, thể hiện sự nhanh nhạy và đón đầu xu thế phát triển của thế giới trong thời đại số. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư. Tiếp đó, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia nhằm xây dựng nền kinh tế bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Những nghị quyết này không chỉ là định hướng, mà còn là cam kết chính trị mạnh mẽ nhằm giúp Việt Nam nắm bắt cơ hội và ứng phó với thách thức trong thời đại công nghệ và số hóa. Nghị quyết đã đặt ra các mục tiêu chiến lược, trong đó phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách phát triển nguồn nhân lực là một trong những chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công

nh nghiệp 4.0. Hiện thực hóa chủ trương đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Chương trình đã nhấn mạnh vai trò của nguồn nhân lực số và xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là: “Xây dựng chương trình, nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước” và “lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ tối thiểu 1000 chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở cơ quan, tổ chức mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số quốc gia”.

Thực hiện các văn bản của Trung ương, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 22/10/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn

2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết 05-NQ/TU được coi là “chìa khóa” quan trọng nhằm triển khai hiệu quả nhiều nội dung chuyển đổi số, tạo tiền đề tiếp tục đưa chuyển đổi đi vào chiều sâu, góp phần thực hiện mục tiêu toàn diện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, với trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; phấn đấu luôn giữ vị trí thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố có chỉ số cao về Chính phủ số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, dữ liệu số trên địa bàn đã được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện theo hướng đồng bộ, hiện đại. Mạng viễn thông di động 4G “phủ sóng” đến 99% khu dân cư và hạ tầng Internet, cáp quang sẵn sàng kết nối đến 100% khu vực trung tâm thôn. Lãnh đạo, cán bộ thay đổi nhận thức, phương thức, lề lối, thói quen làm việc từ hành chính, giấy tờ sang chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ người dân, doanh nghiệp được đẩy mạnh.

Việc tiến hành chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số ở tỉnh Hà Tĩnh đã và đang góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Để đạt được những kết quả đó, một nội dung quan trọng, then chốt được Hà Tĩnh tập trung thực hiện là phát triển nguồn nhân lực theo tinh thần Nghị quyết 05-NQ/TU với một số nhiệm vụ trọng tâm như: Phát triển nhân lực chuyển đổi số

trong hệ thống chính trị. Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về xu hướng, định hướng chiến lược mới về chuyển đổi số cho lãnh đạo các cấp, các ngành; đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách CNTT, đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong toàn tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, ứng dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh. Đề ra các chính sách tuyển dụng, thu hút đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin thực hiện chuyển đổi số và chế độ đặc thù đối với cán bộ chuyên trách CNTT của cơ quan Đảng, Nhà nước trong toàn tỉnh. Chú trọng phát triển nhân lực chuyển đổi số trong doanh nghiệp và cộng đồng. Thường xuyên tuyên truyền, tổ chức tập huấn kỹ năng chuyển đổi số, nâng cao năng lực phát triển kinh tế số cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; tổ chức các chương trình hội thảo, triển lãm về chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh. Nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo tin học trong các bậc học phổ thông và năng lực, chất lượng đào tạo CNTT tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ trên, thời gian qua, nhiều giải pháp về phát triển nguồn nhân lực số, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số được các cấp, ngành của tỉnh Hà Tĩnh tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả. Theo Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU: Hiện nay, các sở, ban, ngành và các đơn vị tại các địa phương đều bố trí vị trí việc làm chuyên trách CNTT và bảo đảm an toàn thông tin. Công chức, viên chức cơ quan đều có trình độ tin học tương đương trình độ Tin học cơ bản trở lên, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; hàng năm lãnh đạo các đơn vị tạo điều kiện để cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về CNTT theo kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh. Thường xuyên bồi

dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số cho lãnh đạo các phòng, đơn vị; công tác đào tạo chuyên sâu cho cán bộ phụ trách CNTT; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, ứng dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị được chú trọng. Hằng năm, lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tham gia tích cực các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng đào tạo trực tuyến (MOOCs) của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và người dân, người lao động về hiệu quả và kết quả của chuyển đổi số, nâng cao khả năng nhận biết và ứng phó với hành vi tiêu cực, gian lận trong thương mại điện tử, lừa đảo trên không gian mạng bằng các hình thức: Hệ thống truyền thanh cơ sở, cổng/trang thông tin điện tử, các nhóm trên nền tảng mạng xã hội zalo, facebook, hội nghị, tập huấn, tờ rơi. Tại các địa phương, hàng năm, trung bình tổ chức 60 lớp tập huấn về dịch vụ công trực tuyến, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, tổ chuyển đổi số cộng đồng và người dân, doanh nghiệp; 100% lãnh đạo xã, phường, thị trấn hoàn thành chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về xu hướng, định hướng chiến lược mới về chuyển đổi số (học online theo chương trình của Cục chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ); 100% xã, thôn thành lập và ra mắt Tổ chuyển đổi số cộng đồng; thực hiện hợp nhất Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã, tổ chuyển đổi số cộng đồng và tổ đề án 06 cấp xã; 100% xã, phường, thị trấn có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, thường xuyên được bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng công nghệ số và an toàn thông tin.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển nguồn nhân lực đáp ứng

yêu cầu chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số ở tỉnh Hà Tĩnh thời gian qua cũng tồn tại không ít khó khăn, vướng mắc: Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và người dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ; nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh còn thiếu. Một số đơn vị chưa có biên chế CNTT đảm nhiệm chuyên trách CNTT, chuyển đổi số. Đặc biệt số lượng nhân lực tham mưu công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại cơ quan thường trực chưa đủ số lượng để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Hiệu quả hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng chưa cao.

Trong thời gian tới, để khắc phục khó khăn, vướng mắc và đạt được những mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết 05-NQ/TU, tỉnh Hà Tĩnh cần tiếp tục huy động mọi nguồn lực và có các giải pháp cụ thể, khả thi để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Theo đó, cần tập trung thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục bám sát và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 52-NQ/TW, Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng như Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “Về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”. Đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “Bình dân học vụ số” phù hợp với đặc điểm, tình hình của ngành, địa phương, đơn vị, hướng tới thực hiện mục tiêu phổ cập chuyển đổi số toàn dân. Theo đó, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuyển đổi số cần được giao trực tiếp cho thủ trưởng các sở ngành, địa phương. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám

sát gắn với công tác đánh giá, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

*Thứ hai*, tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo tin học trong các bậc học phổ thông và năng lực, chất lượng đào tạo CNTT tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh. Thực hiện bổ sung các kiến thức về khoa học - công nghệ, kỹ thuật vào hệ thống giáo dục các cấp, từ cấp tiểu học giúp cho học sinh, sinh viên được tiếp cận thông tin hiện đại, cập nhật. Từ đó, hình thành nhận thức về chuyển đổi số và trang bị hành trang vững chắc cho các thế hệ tương lai của đất nước bước vào cuộc cách mạng số. Cụ thể, cần triển khai các hoạt động thực hành khoa học - công nghệ, kỹ thuật song song với việc dạy kiến thức; tạo các chương trình trải nghiệm, tham quan về việc áp dụng khoa học - công nghệ thông tin vào thực tế; khuyến khích và tạo môi trường cho hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Đồng thời, có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo ngắn hạn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, giúp tăng khả năng cạnh tranh của lực lượng lao động kế cận.

*Thứ ba*, hỗ trợ phát triển, nâng cao khả năng ứng dụng chuyển đổi số cho các doanh nghiệp. Nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có cơ hội phát triển, tỉnh cần ban hành những chính sách khuyến khích các phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ nên được tổ chức thường xuyên, song hành với sự đầu tư về cả vốn cũng như nguồn lực công nghệ. Đồng thời, nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, các sở, ban, ngành cần kết hợp với các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội doanh nhân trẻ tổ chức các chuỗi hội thảo, giao lưu theo từng lĩnh vực kinh tế trọng điểm, chia sẻ về xu hướng và cách thức ứng dụng công nghệ

số vào doanh nghiệp. Cùng với đó, các sở, ban, ngành làm đầu mối trung gian kết nối doanh nghiệp khởi nghiệp với doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp học hỏi và trao đổi, áp dụng các công nghệ số vào đơn vị thông qua các diễn đàn online, các chương trình gặp gỡ, giao lưu doanh nghiệp.

*Thứ tư*, tăng cường, đa dạng hoá, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân với một số nhiệm vụ cụ thể như:

Một là, nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo các cơ quan nhà nước. Đây là lực lượng vô cùng quan trọng có tính định hướng và ra quyết định nên cần nhìn nhận đúng đắn, kịp thời nhất về chuyển đổi số, các nội dung và giải pháp với từng lĩnh vực. Thường xuyên tổ chức các chương trình hội thảo, hội nghị cho cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước với chủ đề từ tổng quan đến chuyên sâu về chuyển đổi số; có cơ chế thúc đẩy áp dụng các kiến thức vào thực tiễn công việc; cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số và trải nghiệm hoạt động chuyển đổi số tại doanh nghiệp để nâng cao kiến thức thực tiễn.

Hai là, tăng cường nguồn nhân lực công nghệ thông tin có kiến thức sâu về chuyển đổi số thông qua việc xây dựng, thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ chuyên môn cao về công nghệ thông tin, an toàn thông tin phục vụ chuyển đổi số của tỉnh theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Cùng với đó, cần có cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chuyển đổi số cộng đồng để giúp lan tỏa công nghệ số trong cuộc sống, thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn xã hội diễn ra mạnh mẽ hơn.

Ba là, tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số thiết kế riêng cho đoàn viên, thanh niên nhằm thực

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO

(Tiếp theo trang 81)

hiện mục tiêu phát huy vai trò tuổi trẻ tham gia hỗ trợ nâng cao năng lực số, khả năng sử dụng các thiết bị và ứng dụng số cho người dân góp phần thực hiện hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng. Bên cạnh đó tăng cường tổ chức các phong trào, cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo, áp dụng chuyển đổi số trong khởi nghiệp, lập nghiệp; các chương trình hội thảo, tập huấn trên diện rộng cho đoàn viên, thanh niên về ứng dụng chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế, từ đó tạo cơ chế, chính sách đồng hành cùng đoàn viên, thanh niên phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn.

*Thứ năm*, phát huy hơn nữa vai trò của các cơ quan báo chí - truyền thông, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của tỉnh trong việc thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia các tiện ích của chuyển đổi số, tạo sự lan tỏa, thống nhất, ủng hộ rộng rãi của toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận “một cửa” các cấp, các tổ chuyển đổi số cộng đồng và doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; đưa các nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số gắn với cuộc sống của người dân đến từng hộ gia đình, từng người dân. Thúc đẩy, tạo lập hành vi, thói quen số cho người dân trên môi trường số - yếu tố quan trọng góp phần xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh./.

*Thứ sáu*, nâng cao chất lượng công tác phối hợp và quản trị. Tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương trong xác định nhu cầu, thiết kế chương trình và tổ chức lớp học. Thiết lập cơ chế tham vấn hai chiều giữa Nhà trường và địa phương về nội dung, thời lượng, đối tượng học phù hợp. Phát triển các mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng (customized training) theo đặc thù địa phương như: phát triển du lịch cộng đồng, xây dựng nông thôn mới nâng cao, sản phẩm OCOP, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chuyển đổi số cấp xã. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao hình ảnh, uy tín và sức lan tỏa của Trường trong hệ thống chính trị và xã hội. Có kế hoạch phát triển dài hạn, lộ trình chuyển đổi số tổng thể, đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

*Thứ bảy*, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và chính sách động viên. Huy động nguồn lực đầu tư hiện đại hóa giảng đường, trang thiết bị, thư viện số, phòng học thông minh, nhà đa năng đạt chuẩn mức 1 và định hướng chuẩn mức 2. Có chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học, sáng kiến đổi mới, khen thưởng giảng viên, học viên xuất sắc. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, dân chủ, khơi dậy tinh thần trách nhiệm, niềm đam mê giảng dạy.

*Tóm lại*: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú đóng vai trò then chốt trong chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh Hà Tĩnh. Trước yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, cần có sự đổi mới mạnh mẽ, toàn diện về nội dung, phương pháp, đội ngũ giảng viên, công nghệ giảng dạy và quản lý đào tạo. Việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường không chỉ là nhiệm vụ của riêng Trường mà cần có sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp của cả hệ thống chính trị trong tỉnh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ tỉnh Hà Tĩnh vững vàng chính trị, giỏi chuyên môn, có tư duy đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong thời kỳ mới./.



*Đồng chí Hà Văn Hùng - UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy và lãnh đạo, cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Trần Phú tham dự Lễ phát động cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, lần thứ V, năm 2025 (06/02/2025)*



*Đồng chí Nguyễn Trọng Tư - TUV, Hiệu trưởng trao tặng danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024” cho tập thể Chi bộ khoa Nhà nước và pháp luật tại Hội nghị tổng kết công tác Đảng năm 2024 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2025 (31/12/2024)*



*Đại diện Ban Giám hiệu và lãnh đạo các khoa, phòng ký kết giao ước thi đua tại Hội nghị cán bộ, viên chức năm 2025 (31/12/2025)*



*Bế mạc Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường năm 2025 (07/3/2025)*



*Hội thảo khoa học “Xây dựng đội ngũ viên chức Trường Chính trị Trần Phú - Thực trạng và giải pháp” (14/12/2024)*



*Hội thảo khoa học “Xây dựng phong cách cán bộ trường Đảng tại Trường Chính trị Trần Phú hiện nay - Thực trạng và giải pháp” (14/12/2024)*



# THÔNG TIN

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



Mừng Đảng Quang Vinh  
Mừng Xuân Ất Tỵ



NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 95 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
(03/02/1930 - 03/02/2025)



Số 54  
02/2025